

E. Quynh

SU' KÝ

NƯỚC ANNAM

Kể tắt

in lần thứ sáu



Imprimerie de Quinhon

Quinhon (Annam)

E. Quynh

SU' KÝ

N U' O' C A N N A M

Kể tắt

in lần thứ sáu



Imprimerie de Quinhon
Quinhon (Annam)

4930

144

TỰA.

Học Sử là tìm cho biết hiện-nhơn cồ-tích, những việc đã xảy-ra các đời trước : trị loạn, đắc thất, hư thật, lành dữ là thế nào ; ngộ đều lành việc tốt, thì đua-ben bắt-chước, sự dữ thói hư, thì cải-trừ xa-lánh.

Vậy khuyên anh em đồng-bang chuyên việc học-bành cho mở-mang trí-hoá, mà đừng bỏ học tự-tích nước Việt-Nam mình, mới khỏi hồ-người với người nước khác ; vì thấy nhiều người ngoại-quốc lịch-lãm Sử nước ta, còn ta là dân trong nước mà chẳng biết gốc-tích nước mình.

Vả nếu rõ sử Tàu, sử Vạn-quốc, mà mù-mịt sử nước mình, e chẳng khác gì thầy-bói khoe mình biết những việc kín-nhiệm của người-ta, mà nhà-cửa của mình ở hướng nào, không biết ngộ mà về, ấy là đều đáng hồ.

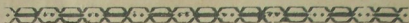
Nay tựa.

E. QUYỀN.

Hãy nhớ : — Những bài có dấu hoa-thị (*), thì đề coi chơi giải trí, chẳng buộc học-trò trong ba lớp : ấu-học sơ-giai, ấu-học thứ-giai, ấu-học chung giai, phải học.

SƯ-KY NƯỚC ANNAM

KÊ TAT.



ĐOẠN THỨ NHẤT.

Lúc ban đầu.



1 — Nhà Hồng-bàng (Cai-trị cho tới năm 258 trước Chúa ra-đời, mà đã bắt đầu cai-trị từ năm nào không rõ.)

HÔNG dân Annam đầu hết ở phía

bắc cõi Bắc-kỳ, mà cũng ở loạn qua mấy tỉnh bên nam nước Đại-minh, là tỉnh Quảng-đông, tỉnh Quảng-tây và tỉnh Vân-nam.

Sử-ký Annam vua Tự-Đức truyền chép, có nhắc lại lời xưa truyền rằng : Nhà vua cai-trị nước Annam đầu hết, là Nhà Hùng-vương, gốc bởi ông Đế-minh, là cháu vua Thần-nông ; mà vua Thần-nông thì trị nước Đại-minh từ năm 2737 đến năm 2697 trước Chúa ra-đời. Lời xưa truyền thì làm vậy, có chắc hay-là không, thì Sử chẳng dám-quyết ; giả-như chắc, thì vua đầu hết là vua Hùng-vương. Vua này lập nước Văn-lang, và lập kinh-đô tại Phong-châu trong tỉnh Sơn-tây bây-giờ. Nước vua ấy chia làm mười lăm bộ (tỉnh), bao hết cả đất Bắc-kỳ và Trung-kỳ cho tới lối Cửa-hàn.

Những vua nối vị vua Hùng-vương, kể là mười-tám vị, cũng đều giữ một hiệu ấy, cùng trị nước cho đến năm *Qui-mèo*, là năm 258 trước Chúa ra đời. Năm ấy có vua nước *Thục* hay-là nói cho nhằm hơn : có người tên là *Thục*, muốn chiếm nước *Văn-lang*. Vua Hùng-vương, trị vì năm ấy, ban đầu thì đuổi được giặc ; mà bởi những lo khởi hoàn ăn uống vui-chơi quá độ, nên khi ông *Thục* trở-lại mà đánh, thì vua còn đang say chưa tỉnh, bèn nhảy nhào-xuống giếng mà chết ; còn binh lính thì lai-hàng với giặc. Bấy-giờ ông *Thục* lên làm vua.

Câu hỏi. — Dân *Annam* đầu hết ở đâu ? — Nhà vua nào cai-trị đầu hết ? — Ai làm gốc nhà Hùng-vương ? — Vua *Thần-nông* là vua nước nào ? — Vua ấy trị nước *Đại-minh* lúc nào ? — Nhà vua ấy thiệt có hay-là không ? — Hùng-vương lập nước nào ? — Kinh đô tại đâu ? — Nước *Văn-lang* chia mấy bộ ? — Mấy vị nối vị vua Hùng-vương ? — Vì ấy trị đến năm nào ? — Năm 258 xảy-ra chuyện gì ? — Tại sao mà Hùng-vương phải thua ? — Hùng-vương chết thế nào ? — Ông *Thục* có làm vua không ?

2 — Nhà *Thục*. — Đời vua *An-dương* (Từ năm 257 đến năm 208 trước Chúa giáng sinh.)

NĂM sau là năm *Giáp-thìn*, trước Chúa ra đời 257 năm, vua mới lấy hiệu là *An-dương* cùng đặt tên nước mình là *Âu-lạc*. Vua định ngự tại *Phong-kê* trong tỉnh *Bắc-ninh*, nên lập một

thành ở đó, kêu là **Loa-thành**, đến năm 255 mới xong.

Vua An-dương cai-trị được năm mươi năm, song mấy năm sau hết trong đời vua ấy, thì chẳng được yên, vì quân Ngô hay xông-vào đánh-phá trong nước. Bấy-lâu dân Annam cũng thông-thương với nước Đại-minh, có phải vì làm chư-hầu nước ấy, hay-là muốn ở tử-tế mà-thôi, không rõ. Vả lại trong Sử-ký có thấy Annam cống-sứ nước Tàu hai lần : một lần đời vua Nghiêu (năm 2353 trước Chúa ra-đời), một lần đời nhà Châu, vua Thành-vương (năm 1110 trước Chúa ra-đời)

Dầu vậy mặc-lòng, năm 214, vua *Thỉ-hoàng*, đời nhà Tần, sai quân qua chiếm mấy xứ bên nam, và chia làm ba QUẬN ; mà xứ *Giao-chỉ* là đất của người Annam, thì nhằm về quận Tượng.

Nhưng mà quân Ngô chẳng giữ được bao-lâu mấy đất nó đã chiếm, vì Sử truyền rằng : người nước Việt (là người Annam) cứ rút lên núi, chẳng chịu phục quân Ngô, mà lại sau hết cũng giết được tướng nó là **Đồ-tựy**. Cách bốn năm quân Ngô lại xông đánh nữa. Lần này vua AN-DƯƠNG giao hoà với tướng quân ấy là **Triệu-dà**. Vua nghĩ mình làm vậy có bề hay, chẳng dè **Triệu-dà** thâm tâm, thấy mình được việc, thì muốn chiếm cả nước Âu-lạc, cùng phản lòng bỏ bên nhà Tần.

Câu hỏi. — Ông Thục lấy hiệu nào ? — Nước Văn-lang đổi tên gì ? -- Kinh-dô ở đâu ? -- Tên gì ? -- Mới xong năm nào ? -- An-dương trị mấy năm ? -- Ai xông-vào nước ? -- Dân Annam có phải chư-hầu

nước Đại-minh không ? --- Annam cống-sứ nước Tàu mấy lần ? --- Lúc nào ? -- Năm nào mà Thỉ-heàng sai quân chiếm nước Annam ? -- Annam về quận nào ? -- Annam có phụng quân Tàu không ? --- Giết ai ? --- Quân Ngô thì sao ? --- An-dương làm gì ? -- Triệu-đà làm gì ?

(*) Truyện nàng Mĩ-châu.

Sử-ký kể những tích xảy-ra đời ấy, cũng pha một truyện mị-kỳ bày-đặt như sau này.

Vậy Triệu-đà đầu đã thắng được, song khi nghe biết vua có cái ná rất linh, không phép nào cự-dịch, thì không dám xông đánh nữa, một sai con là Trọng-thỉ, sang ở bên vua làm con tin. Vua có một công-chúa, tên là Mĩ-châu. Bà này thấy chàng Trọng-thỉ tốt duyên đẹp mắt, thì sinh lòng thương-yêu. Trọng-thỉ dỗ được bà ấy đưa cái ná linh cho mình coi, và lên đồi dây lạt ; đoạn giả kể đi thăm cha mẹ mà về trên phía Bắc. Lúc từ giả Mĩ-châu, chàng va nói rằng : « Giả-như khi tôi trở-lại đây rồi mà hai xứ ta chẳng còn hoà-thuận với nhau nữa, thì ta sẽ cứ dấu nào cho đặng gặp nhau ? » Mĩ-châu đáp lại rằng : « Tôi có cái gói thêu đời bằng lông ngỗng, tôi nằm hằng ngày. Khi tới ngã ba đàng, thì tôi rút lông mà rải xuống ; hễ thấy lông ngỗng, thì chàng sẽ biết tôi ở ngã nào. » Trọng-thỉ về đến quê nhà, thì kể lại cho Triệu-đà mọi việc mình đã làm, nên ông ấy định sang đánh nước Âu-lạc.

Khi Triệu-đà kéo binh vào trong nước, thì vua chưa hay cái ná đã mất linh, nên vua cảm lấy cách vui-mừng rằng : « Chả, Đà chẳng sợ cái ná thần trăm dây be ! » Chẳng hay khi quân giặc đến gần, vua

glương ná mà bắn, thì ná liền gãy. Bấy-giờ vua lên ngựa chạy-trốn, để nàng Mĩ-châu ngồi sau lưng, giục ngựa thẳng miết tới Nam-hải. Chàng Trọng-thĩ cứ theo dấu lông ngỗng công-chúa đã rải theo các ngã đường, như lời đã hứa ngày trước. Vua tới bãi biển, không gặp tàu mà qua, liền kêu rằng : « Hỡi rùa vàng, mau mau lên cứu lấy ta ! » Tức-thì có con rùa vàng ở dưới biển nổi lên trên mặt nước mà rằng : « Kể ngồi sau lưng vua, ấy là tai ương báo hại vua, hãy giết nó đi. »

Vua bèn tuốt gươm toan giết Mĩ-châu, thì nàng ấy thưa rằng : « Bởi con thề giữ tin nghĩa với chàng Trọng-thĩ mà làm như thế ; rày con nguyện xin trở-nên đá ngọc quý báu, mà rửa lỗi con. » Vua liền chặt đầu con ấy, thì máu nó chảy tràn trên mặt nước ; có con hào-ngọc hút lấy máu ấy mà hoá-nên đồ nữ-trang rất báu. Còn vua thì dựa vào một khúc sừng tây mà ra biển đi.

Khi Trọng-thĩ theo vừa tới nơi, thấy xác Mĩ-châu thì ôm-lấy mà than-khóc ảm-ước, đoạn đem táng tại Loã-thành. Từ ấy chàng những thương-tiếc buồn-bã chẳng khuây, mới trở-về Tàng-lạc gieo mình xuống giếng mà tự vận. Đến sau, khi những người xứ ấy có lượm được đá quý ngoài bãi biển, thì đem rửa nơi giếng ấy, tức-thì đá trở-nên ánh ngời báu đẹp chẳng thua gì ngọc.

3. — Nhà Triệu — Đời vua Triệu-đà (208-137 trước Chúa ra-đời.)

QUẦN cướp lại bị quân cướp. Triệu-đà vừa chiếm nước, liền xưng vương Nam-Việt, cùng định ngự tại Phiên-ngu, trong tỉnh Quảng-đông bây-giờ ; vua lấy hiệu là Vô-vương.

Cứ lời Sử truyền, thì nước vua ấy ăn cho tới gần cửa Hàn. Năm *Qui-mèo*, là năm 198 trước Chúa ra-đời, vua chia nước ra làm hai quận : phía bắc là quận *Giao-chỉ*, có khi là xứ Bắc-kỳ bây-giờ ; phía nam là quận *Cửu-chơn*, trùm hết mạn bắc đất Trung-kỳ đời nay.

Đang khi Triệu-đà phản ngụy với nhà Tần, cùng chiếm-lấy đất vua ấy, mà lập nước mới, thì bên Tàu nhà Hán lại soán ngôi Thiên-tử Cao-hoàng-Đế là vua đầu nhà Hán, suy rằng : mình có ở tử-tế với kẻ đã chiếm cứ phía nam, là Triệu-đà, mới xong-xuôi mọi việc, cho nên vua sai quan *Lục-Giả* đi sứ qua phong *Vương-nam-Việt* cho ông ấy, cùng ban ấn vua nữa.

Ban đầu vua Triệu-đà quyết ở kiêu-căng với sứ vua thượng-vị, vì nghĩ mình cũng chẳng kém tài thiêu lộ gì hơn sứ ấy. *Lục-Giả* thấy Triệu-đà ở vậy, mới nói cho vua ấy rõ biết : vua Cao-hoàng-Đế nối vị cả năm vì đại đế, ba vì tiểu vương, cho nên một mình thống-trị cả nước Trung-hoa. Dân người đông không biết mấy mươi triệu, đất người rộng chẳng biết mấy ngàn dặm. Còn dân vua trị bất quá là một vạ, ở rải-rác đầu non góc núi, cùng những cù-lao xa-cách. Ông ấy lại thêm rằng : « Nếu vua chẳng muốn ở tử-tế với vua Cao-hoàng-Đế, ắt là người sẽ phá-tan phần mộ tổ-tiên vua ở tỉnh *Bắc-trước-Lý* chẳng sai. »

Vua *Triệu-đà* nghe vậy, liền đổi cách ở, chẳng còn làm kiêu làm bảnh với sứ như lúc ban đầu nữa, lại dâng cho ông ấy nhiều của quý vật. Nhưng vậy cũng chẳng phải là dấu vua chịu làm chư-hầu nước Tàu đâu.

Cách ít năm, là năm Mậu-ngọ, 188 năm trước Chúa ra-dời, hai nước trở-nghịch với nhau, chẳng còn thuận-hoà như khi trước nữa.

Số là tại trong *chỉ-dụ* vua bà Cao-Hậu lục tổng ra, có câu rằng : « Những đồ bằng kim loại bằng sắt, đề mà làm ruộng, thì chớ khi nào trao cho người Nam-việt. Còn ngựa, bò, chiên, có trao cho, thì cứ những con đực, đừng trao con cái bao-giờ. » Cõi *chỉ-dụ* này, thì hiểu được lúc ấy những người ở phía nam nước Tàu đã có phong-hoá trí tài chừng nào.

Nhơn dịp cũng nên kể lại lời vua Triệu-đà nói với quan sứ Lục-Giả năm 196, rằng : « Ở trong nước Việt bấy-lâu tôi chẳng biết nói-chuyện với ai ; nay có ông tới, thì tôi mới được chuyện-văn với nhau vui-vẻ. » Ấy tướng cự bên Tàu, lạc-lai một mình, làm vua dân nửa thuần nửa mọi, mà hãy còn nhớ chỗ *phong-hoá* văn-minh mình ở xưa, khi còn niên-ấu.

Vua Triệu-đà là người rất kiêu-bãnh, khi được *chỉ-dụ* vua bà nước Ngô làm vậy, thì tức giận căm gan, bèn phán rằng : « Bà Cao-Hậu có ý cho người Tàu ở các bậc với dân ta ? » Nghĩ mình làm vua dân mọi, thì mình cũng là mọi, phải dùng những đồ vụng-về xưa nay mà-thôi ; làm sao cho có thú-vật nuôi mà làm giàu ? Có kẻ nghị cho vua nước Trường-sa ở trong tỉnh Hồ-nam bên Tàu, đã xui bà hoàng-hậu ra *chỉ-dụ* mới nói trên.

Vậy vua Triệu-đà cất binh sang đánh vua ấy, cũng một trật vua xưng mình là Hoàng-Đế. Nhà Hán sai binh giúp vua Trường-sa là chư-hầu mình song chẳng được việc gì.

Năm 179, là năm *Nhâm-Tuất*, nhờ vua *Văn-Đế* khéo liệu, thì hai nước mới hoà với nhau. *Triệu-đà* từ chức hoàng-đế cùng gởi lễ tiến vua *Văn-đế* : trong các thư lín thông từ với triều *Ngô*, thì xưng mình là *Vương* mà-thôi. Mùa thu tới lệ đi chầu *Hoàng-đế*, thì vua *Triệu-đà* cũng được vào chầu làm một với các vua *Chư-hầu*. Còn trong nước nhà mình, thì vua cứ xưng hiệu cũ : hoặc *vương*, hoặc *hoàng-đế* không rõ hiệu nào.

Câu hỏi. — *Triệu-đà* xưng mình là vua nước nào?

— *Lập kinh-dô ở đâu ?* — *Lấy hiệu gì ?* --- Nước tới đâu ? --- Chia mấy quận và quận nào ? --- Lúc ấy ai cai bên *Tàu* ? --- *Cao-Hoàng-Đế* làm gì ? --- Ý *Triệu-đà* sao ? --- *Lục-giả* đồ thế nào ? --- *Triệu-đà* thì sao ? --- Giặc với nước *Tàu* năm nào ? --- *Chỉ-dụ* vua bà *Cao-Hậu* thì sao ? --- Lời *Triệu-đà* nói thế nào ? --- Đòi ấy người *Annam* ra sao ? --- Vua nghĩ *chỉ-dụ* ấy thế nào ? --- Nói lời gì ? --- Tại ai mà có *chỉ-dụ* ấy ? --- *Triệu-đà* định sao ? --- *Trường-sa* có thắng không ? --- Hoà năm nào ? --- Nhờ ai ? --- *Triệu-đà* với *Tàu* thì sao ? --- Trong nước mình thì sao ?

4 — Đòi vua *Văn-vương* (137-125 năm trước *Chúa ra đời* .)

Vua *Triệu-đà* băng-hà năm 137 trước *Chúa ra đời*, đã trị nước 71 năm. *Cháu* vua ấy, tên là *Hồ*, lên thế-vị, (1) *Quen* gọi vua mới này là *Văn-vương*, là tên đặt khi vua đã băng-hà rồi.

(1) Trước này đã nói chàng *Trọng-thĩ*, khi thấ nàng *Mĩ-châu* chết, thì cũng gieo mình xuống giếng mà chết ; vậy *Hồ* là con chàng *Trọng-thĩ* mới đó.

Vậy vua Văn-vương trị nước đặng mười hai năm, từ năm 137 tới năm 125 trước Chúa ra đời. Đời vua này có vua Mân-việt, tên là Sinh, xông đánh nước Nam-việt : song nhờ hoàng-đế nước-Tàu đánh cứu, cho-nên nước Nam-việt đời Triệu-đà tỳ nước Tàu ít nhiều mà-thôi, thì rày thiệt phục-tùng nước ấy.

Các lời Sử-ký kể sau này thì tỏ ra vua Văn-vương là người chơn-chất thật-thà, cùng yếu thế ; còn vua thượng vị nước Tàu, thì sẵn lòng dự đến các việc nước Nam, rồi bắt buộc nước Nam phải chịu đều kia sự nọ mà đều công ơn ; lại cũng tỏ ra Triều vua Văn-vương khi ấy nghi sợ nước Tàu là chừng nào.

Vậy Sử rằng : « Mùa thu, vua Mân-việt, tên là Sinh, xông đánh các thành giáp cõi nước Nam-việt. Vua Văn-vương cứ lời đã giao với triều nhà-Hán, chẳng muốn tự lĩnh cất binh đánh trả, một sai sứ cầm thư tường tự mọi sự cho vua thượng-vị hay.

Vua thượng-vị thấy vua Nam-việt có lòng trung làm vậy, thì sai nhiều binh đi cứu viện. Vua Sinh kéo quân ngũ đóng binh sĩ nước Tàu, chẳng may bị em, là Dự-thiện âm mưu với người nhà vua mà giết đi, cho-nên quan-quân thấy đều ra hàng đầu. Bấy-giờ quan tướng Tàu đình quân số về tàu vua thượng-vị hay tự sự ; thì vua ấy sai ông *Trang-trợ* sang cùng vua Nam-việt mà truyền ý mình.

Vua Văn-vương sắp mặt xuống đất mà cung kính và nói rằng : « Vì tôi mà ngôi Thiên-tử đã cử binh, đã sát phạt vua Mân-việt ! Ôn này dầu

tôi đến cho tới chết cũng chưa xứng ». Đoạn vua sai con, là Anh-tế sang ở làm con tin tại triều nước Ngô. Vua lại thêm rằng : « Đêm ngày tôi lo sắm-sửa lễ vật mà sang châu vua thượng-vị. »

Khi sứ vua thượng-vị đi rồi, thì các quan đại thần gián trách vua rằng : « Quân lính nhà Hán đã giết vua Sinh, chẳng qua là nó có ý làm cho nước Việt ta kinh-hãi. Đức tiên hoàng xưa cũng đã nói rằng : « Phò nhà Hán, là lo giữ thế bên ngoài cho khỏi làm đều gì vi lễ mà-thôi. Cho nên những lời Đức vua nói với sứ làm vậy, là nói cho tử-tế mà-thôi, còn sự đi châu vua thượng-vị, thì không lẽ mà Đức Vua đi. Như Đức vua có đi, ắt không thể nào Đức vua lập nước ta lại cho vững như xưa được. ». Bấy-giờ vua mới cáo bệnh mà khỏi qua Tàu.

Câu hỏi. --- Triệu-đà băng-hà năm nào ? --- Trị mấy năm ? --- Ai thế vị ? --- Hiệu nào ? --- Trị mấy năm ? --- Năm nào ? --- Vua nào xông đánh ? --- Ai cứu ? --- Buộc đều gì ? --- Ai giết vua Sinh ? --- Trang-Trợ làm việc gì ? --- Văn-vương trả lời sao ? --- Gởi ai làm con tin ? --- Ai gián trách ? --- Lời Đức tiên hoàng xưa thế nào ? --- Các quan bảo sao ? --- Vua cáo cách nào cho khỏi đi ?

5. — **Làm tôi Tàu (111 trước Chúa ra-đời — 923 sau Chúa ra-đời.)**

Dầu các quan triều vua Văn-vương hằng lo sợ kéo nước Ngô bắt lấy nước Nam-việt, song đến năm 111 trước Chúa ra-đời, là năm Canh-ngọ, cũng phải bị.

Mẹ vua *Ai-vương*, là người Tàu, tên là *Cù*, vua *Minh-vương* (*Anh tế*) đã cưới-lấy khi ở làm con tin tại triều nhà Hán, nên năm 113 trước Chúa ra-đời, là năm *Mậu-thìn*, bà ấy xui vua ra lệnh truyền từ này sẽ sau nước Nam-việt thuộc-về nước Ngô. Bấy-giờ có quan thượng-thor bộ lại tên là *Lữ-gia*, quyết chống lại, song phải thua quân vua *Võ-đế*.

Vì vậy nước Nam-việt đã mất thông-dong, thì cũng mất tên Nam-việt nữa. Rày là một bộ hay-là một tỉnh thuộc-về nước Tàu mà-thôi, gọi là *Giao-chỉ*, chia làm chín quận. Các quận này gồm hết phần đất mấy tỉnh nước Tàu là *Quảng-đông*, *Quảng-tây*, với cả đất *Bắc-kỳ* và *Trung-kỳ* cho tới cửa-Hàn.

Bởi đó dân Annam thiệt làm tôi nước Ngô là từ năm 111 trước Chúa ra-đời cho đến năm 923 sau Chúa ra-đời.

Từ này sắp sau, Sử-ký chẳng kể sự gì cho vui đáng chép đây ; cứ kể truyện các quan toàn quyền Ngô, hết lòng tòng-phục vua nước Tàu, đang buổi các vua ấy được oai quyền thanh thế ; còn khi có loạn-lạc hay-là đổi dòng vua, thì cũng thấy đôi ông hơi muốn tách làm vua riêng, nước riêng. Đôi khi cũng xen truyện giặc loạn chỗ nọ nơi kia dậy vùng cho khỏi làm tôi, hầu được thông-dong như xưa ; hay-là kể việc đi đánh quân mọi trên núi, và quân Lâm-ấp *Chiêm-Thành*.

Năm 203 là năm *Quý-vị*, xứ *Giao-chỉ* được làm một châu cũng bằng các châu trong nước Tàu,

Năm *Giáp-thân* là năm giáng sanh 264, mới thấy Sử nói đến tên « *Annam* » lần đầu hết : quan trấn Giao chỉ xưng hiệu là *Annam tướng quân*. Song đất thì chưa gọi tên ấy, cứ kêu là châu *Giao-chỉ*, hay-là châu *Giao* như trước. Đến năm *Kỷ-mạo* là năm 679, mới thấy nhà *Đàng* lập phép bảo-hộ gọi là *Dộ-hộ-phủ Annam*.

Câu hỏi. -- Làm tôi Tàu năm nào ? — Mẹ vua tên gì ? — Bà ấy xui vua thế nào ? — Quan Lữ-gia có chức gì ? — Làm việc gì ? — Có thắng không ? — Nước Nam-việt mất cái gì ? — Ra thế nào ? — Chia ra mấy quận ? — Quận ấy ở đâu ? — Đời làm tới bao-lâu, và xảy ra những sự gì ? — Khi nào kể là châu ? — Năm nào kêu là *Annam* ?



(*) **Thói-phép tục-lệ.**

Có khúc truyện về thói-phép tục-lệ cùng phong-hoá dân xứ *Cửu-Chơn*, là xứ ăn từ Thanh-hoá cho đến Quảng-Nam, thì nên kể lại đây.

Vậy độ chừng Chúa mới giáng sinh, dân xứ này là những người săn bợ, buôn lao bần ná mà kiếm ăn ; chưa biết dùng bò trâu mà cày bừa. Lúa gạo thì phải ra nước *Giao-Chỉ* mà kiếm mới có, cho-nên hằng phải đói khát khổn-nạn luôn.

Nhờ có ông Nhâm-Diên, là quan cai xứ ấy bày rên đúc những đồ cần mà làm ruộng, cùng tập dân khai phá đất đai. Việc nông phu thế ấy mỗi năm mỗi tấn phát ; nên từ ấy dân sự mới dặng sung túc no-nê. Lại dân ở Lạc-việt cũng chưa biết việc hôn-nhơn theo phép bên Tàu ; nên ông Nhâm-Diên dạy : nam từ hai mươi tuổi tới năm mươi ; nữ từ mười tám tuổi tới bốn mươi cứ xứng đôi vừa lứa mà kết-hiệp với

nhau. Tức-thì nội trong một ngày, số kẻ kết-ban theo luật-lệ, kẻ dư hai ngàn người.

Vả lại đây nói về phép cưới vợ lấy chồng, thì có ý nói về những lễ phép quan cai xứ dạy phải giữ, cho dân được cứ theo thói-phép bên Tàu mà-thôi. Những kẻ nghèo-khổ không đủ của mà lo lễ cưới, thì quan phụ giúp. Vì vậy chớ nghĩ rằng : dân Annam chưa biết cưới vợ lấy chồng, song là chưa giữ lệ-thói theo bên Tàu mà-thôi.

Việc giáo-hoá dân sự thế ấy, là bắt giữ thói-tục nước Tàu, thì lo lẫn-lẫn : đến đời vua Thợng-vị Minh-đế, độ chừng năm 76, quan trấn Nhựt-Nam mới phá tuyệt những thói dị-kỳ xấu-xa dân bản-thổ. Chẳng những-là đổi phong tục, mà lại khôn-phép trị nước cũng đổi nữa.

6 -- Bà Trưng-Trắc khởi nguy (40-43)

Đang-khi dân Annam làm tôi nước Ngô, thì nhiều lần cũng thấy nơi nọ xứ kia khởi nguy. Năm *Canh-ti*, là năm 40 sau Chúa giáng sanb, có một người đồn-bà hùng-cứ, tên là *Trưng-Trắc* khởi loạn, xưng là hoàng-hậu. Bà ấy nhờ em là bà *Trưng-Nhị* phụ giúp, thì trong ba năm địch nổi với binh tướng *Mã-viên*, là tướng anh danh nhà Hán sai qua dẹp loạn.

Câu hỏi. --- Bà Trưng-Trắc khởi nguy năm nào ?
— Ai giúp ? — Địch với ai và mấy năm ?

7 -- Nhà Lý-tiên -- Lý-Bôn làm loạn cùng làm vua và các kẻ nối vị ông ấy (533-602).

Năm 533 có người hùng-cứ, tên là *Lý-Bôn* đuổi được quan trấn châu Giao-chỉ đời nhà

Lương, rồi thắng quân Lâm-ấp ít trận, liền xưng hoàng-đế, hiệu là THIÊN-ĐỨC năm 538.

Ấy vậy dân Annam đã khôi phục lập đặng nhà-nước có vua bản-quốc, song chẳng được bền như ý. Vì khi vua Lý-Bồn băng-hà đoạn, thì có một tướng lên nối vị, hiệu là Quang-Phúc ; song lại có một người nhà vua Lý-Bồn lúc đánh giặc với quân Ngô, đã trốn trên núi mà lập nước Đào-lang, năm 550. Hai nước ấy chẳng những là chẳng đồng tâm hiệp lực với nhau đặng đánh quân nghịch, mà lại trở đánh nhau. Vậy vua Quang-Phúc phải thua, thì nhà Lý-Bồn cai-trị một mình từ năm 571 cho tới năm 602, đoạn phải thua binh tướng nhà Tùy mà mất ngôi.

Câu hỏi. — Lý-Bồn làm loạn năm nào ? --- Năm nào làm vua ? --- Ai lên nối vị ? --- Ai lập nước Đào-lang ? --- Năm nào ? --- Hai nước có đồng tâm không ? --- Ai thua ? --- Nhà Lý-Bồn cai-trị mấy năm ? --- Thua ai ?

8 — Giặc Mọi.

Các quan toàn-quyền Tàu chẳng những phải dẹp loạn Annam, mà lại phải đánh với những quân Đê quân Mọi ở xung-quanh hay xông-phá châu Giao-chỉ, như quân mọi Ô-hồ, quân Côn-lôn và quân Đà-bà.

Câu hỏi. -- Mọi nào xông phá nước ?

9 — Giặc với nước Lâm-ấp (353-806).

Có một dân hay đánh giặc, hay phá-phách đất Giao-chỉ hơn hết, là dân Lâm-ấp. Địa-phận nước Lâm-ấp này ăn ra tới tỉnh Quảng-bình là cùng ; cũng như nước Chiêm-thành ngày sau.

Quân Lâm-ấp bay xông-vào đất Giao-châu (Giao-chỉ), cướp làng phá xóm bắt dân đem về làm tôi.

Thấy trong Sử-ký nói đến dân ấy lần đầu hết, là năm 353, cũng là năm *Qui-sửu*. Theo sách *Liệt-truyện-chính-biên*, thì nước Lâm-ấp hãy còn cho tới năm 806 mới tuyệt mất rồi lại có nước *Chiêm-thành* nổi lên. Vậy Annam và Lâm-ấp đánh-giặc với nhau gần năm trăm năm. Sử-ký kể lại nhiều lần Annam đi đánh Lâm-ấp. Song có một lần cả thề hơn hết, là năm 605 đời *Lưu-phương* làm tướng nhà Tùy ; ông này bắt kinh đô Lâm-ấp và cướp của khôn kể xiết.

Nước Lâm-ấp tuyệt rồi, thì nước *Chiêm-thành* lại mọc lên, cũng đánh giặc với Annam như vậy. Lại gì ? khác nước, khác người, khác phong-tục, lẽ nào hoà-hảo với nhau cho được ? Song ta sẽ thấy nhà Lý nhà Trần lại đánh thắng quân ấy (*Chiêm-thành*) cho đến khi nhà Lê phá tan nước nó, cũng như đã thấy quân Ngô phá-tuyệt nước Lâm-ấp vậy.

Câu hỏi. -- Nước Lâm-ấp ở đâu ? -- Năm nào nghe nói đến ? -- Năm nào phải phá ? -- Nước nào thế ? -- Năm nào có giặc cả với Lâm-ấp ? -- *Lưu-Phương* là ai ? -- Làm gì ? -- Sao mà có giặc với *Chiêm-thành* ? -- Ai phá-tuyệt ?

Kể tắt lại lúc ban đầu.

Trước Chúa ra đời.

? -- 257 Nhà HỒNG-BÀNG (không chắc).

Nhà Thục.

257-208 An-duyong-vương chiếm nước vua Hùng-vương cùng kêu là Âu-lạc. Vua này trị nước đặng 50 năm, đoạn phải Triệu-đà là tướng nhà Tần (bên Ngô) tiếm vị.

Nhà Triệu.

207-137 Triệu-đà xưng vương Nam-việt, hiệu là Triệu-vô-vương. Năm 183 lại xưng hiệu là Triệu-vô-đế, cách bốn năm lại từ chức ấy vì sợ hoàng đế bên Tàu. Vua ấy trị nước được 71 năm, rồi băng hà.

136-125 Cháu vua Triệu-đà, tên là Hồ, trị nước được 12 năm, hiệu là Triệu-văn-vương, sống được 52 tuổi.

124-113 Anh-tế còn làm thái-tử đã đi ở làm con tin bên Tàu, khi vua cha băng-hà mới về kế vị, hiệu là Triệu-minh-vương.

112 Hưng là con thứ vua Minh-vương, mẹ là người Tàu tên là Cù, kế vị cha, hiệu là Triệu-ai-vương, cách một năm vua ấy bị giết, thì anh nối ngôi.

111. Triệu-vương-kiến-đức, là anh ông Hưng. Vua này bị tướng nhà Hán bắt, thì nước Nam-việt phải làm tôi nước Tàu.

Nhà-Lý tiên.

Sau Chúa ra-đời.

544-548 Năm 541, Lý-Bồn khởi nguy đuổi toàn quyền Ngô, rồi năm 544 lên làm vua, hiệu là Triệu-đức. Khi vua ấy băng-hà, thì có một tướng vua ấy nối ngôi, hiệu là Triệu-việt-vương-Quang-phúc, cai-trị từ năm 549 tới năm 571, đoạn phải Lý-phật-Tử bắt.

549-555 Anh ông Lý-Bồn xưng vương, hiệu là Lý đào-Lang-vương-Thiên-bảo trị nước 7 năm.

571-602 Có người nhà Lý, là tướng Phật-tử kế vị, hiệu là Lý-hậu-Đế-phật-tử, trị nước được 32 năm, rồi phục các tướng nhà Tùy. Vậy nước An-nam lại phải làm tôi nước Tàu hơn ba trăm năm nữa.

ĐOẠN THỨ HAI.

Những dòng vua khởi tùy phục nước Tàu.

NHÀ NGÔ — NHÀ ĐÌNH — NHÀ LÊ.

(923-1010)

10 — Đời Ngô quyền cai trị (939-944).

Bên Tàu nhà Đường dòng vua có danh-tiếng bấy-lâu mới mất ngôi, nên nhiều dòng vua tranh vị với nhau — Dân Annam thừa buổi xôn-xao này mà khôi-phục lập lại nước-nhà cho khỏi làm tôi ai nữa. Vậy có một quan bản-thồ, tên là Dương-diên-Nghệ khởi nguy đầu hết, năm 923. Ông ấy thắng được binh Ngô nhiều trận ; chẳng hay người phải một quan nội công, tên là Kiều-công-Tiền giết mà chết năm 937. Bấy-giờ lại có quan khác tên Quyền-Ngô giết Kiều-công-Tiền, và lập dòng vua Annam đầu hết.

(*) Có lời truyền rằng : « Khi ông Quyền sinh ra, thì có yển sáng lạ loà khắp cả nhà. Tướng mạo ông ấy dị thường, sau lưng có ba mụn ruồi-son. Ai xem-thấy người thấy đều lấy làm-lạ cùng quyết trẻ này ngày

sau sẽ được cai-trị cả nước ; bởi đó mới đặt tên là *Quyền*. Khi đến tuổi trưởng thành, hình vóc to-lớn phi-thường, mặt ngó có loà như chớp, bộ đi chăm-chăm có oai như cọp. »

Ông ấy thắng được binh Tàu sai tiếp giúp *Kiên-công-Tiền*, thì xưng vương, hiệu là *Ngô-Vương-Quyền*, cùng định ngự tại *Cổ-loa*, xưa *Loa-thành*, là kinh-đô cũ vua *An-dương-Vương* đã lập xưa, năm 255 trước Chúa ra-đời. Năm 767 các quan nguyên-soái Tàu đã khởi công lập một kinh-đô mới, là *Đại-la* hay là *La-thành*, chính cho nay có thành *Hà-nội* ; rồi năm 808 lại sửa-sang, và bồi-bổ cho nguy-nga vững-chắc hơn.

Ấy vậy từ này về sau dân *Annam* được thông-dong đứng một nước riêng như đời vua *An-dương-Vương*, lại có dòng vua mới nối vị các vua *Ấu-lạc*.

Vua mới này đặt quan quyền, chế lập những lễ phép triều-đình phải cứ và chỉ-định sắc y-phục phải dùng. Thường lệ mỗi khi đổi dòng vua mới, thì việc trước hết là lo cải những luật-lệ the ấy ; đời *Ngô-Quyền* thì thấy chăm lo bỏ thói-tục nước Tàu dân *Annam* đã quen lâu đời.

Câu hỏi. — Dân *Annam* thừa dịp nào mà khởi phục ? --- Ai khởi nguy đầu hết ? --- Năm nào ? --- Ai giết *Dương-diên-Nghệ* ? --- Năm nào ? --- Ai giết *Kiên-công-Tiền* ? --- Ông *Quyền* đánh giặc với ai ? --- Lấy hiệu nào ? --- Ngự đâu ? --- Người Tàu xưa lập kinh-đô ở đâu ? --- Nay chỗ đó có thành nào ? --- Vua ấy làm sự gì ?

11 — Hai anh em Ngô-xương-Văn và Ngô-xương-Ngập. (944-965)

Những phe thua đã lâu năm, những dân làm tôi đã lâu đời, thường chẳng ở yên được. Năm 944 Ngô-Quyền băng-hà, thì em vợ tên là **Tam-kha**, là con Dương-diên-Nghệ, tiếm vị, hiệu là **Bình-Vương**, mà *Ngô-xương-Ngập* là con Ngô-Quyền, thì phải lánh ẩn cho khỏi nạn. Song **Ngô-xương-Văn**, cũng là con Ngô-Quyền lại đuổi được **Bình-Vương** cùng lên làm vua, hiệu là **Nam-tấn-Vương**. Bấy-giờ *Ngô-xương-Ngập* trở về chia quyền với em mà cai-trị một ít lâu : từ năm 951 tới năm 954, hiệu là **Thiên-sách-Vương**. Khi ấy lại có tướng đảng nghịch tên là **Đinh-bộ-Lãnh**, rút vào *Hoa-lữ* trong tỉnh **Ninh-bình**, lập đồn ở đó, mà chẳng chịu phục quyền hai vua. Hai vua đi đánh ông ấy, song chẳng đặng việc gì. Năm 954 **Thiên-sách-Vương** băng-hà, thì một mình **Nam-tấn-Vương** trị nước mà-thôi ; song đến năm 965 vua ấy cũng băng-hà, đang-khi thân chinh đi đánh quân loạn. Cách ít năm trước, vua này thấy quyền mình chẳng được vững, thì đã sai sứ qua Tàu đòi nhà Hán mà cầu phong cho chắc việc.

Câu hỏi. — Ngô-Quyền băng-hà năm nào ? — Ai tiếm vị ? — Hiệu nào ? — Ngô-xương-Ngập làm gì ? — Ai làm vua ? — Hiệu nào ? — Hai anh em ở với nhau làm sao ? — Ai loạn ? — **Thiên-sách-Vương** băng-hà năm nào ? — **Nam-tấn-Vương** băng-hà năm nào ? — Có sai sứ bên Tàu không ?

12 — Đời vua Đinh-bộ-Lãnh (965-979).

Vua Nam-tấn-Vương băng-hà đoạn, thì nước ra loạn-lạc hỗn-dộn quá lẽ. Đầu đảng mấy phe loạn, gọi là *Sứ-quân*, chia nước với nhau mà trị, khi thì tiếp kế nhau, khi thì một lượt, mà hằng đánh giặc với nhau luôn. Còn ông *Đinh-bộ-Lãnh* đóng đồn tại Hoa-lữ, như đã nói trước này, thì cứ đánh các kẻ tranh chiến với mình, mà lần-lần thắng được cả thảy. Vậy cả dân Annam đều suy-phục nhận người làm đầu, chọn năm 968 người lấy hiệu là *Vạn-thắng-Vương* (cũng có chỗ kêu là *Đại-thắng-Vương*) cũng một năm ấy, vua lấy hiệu là *Đinh-liên-Hoàng*, rồi năm 970 lại đổi là *Thái-Bình*.

Ấy là đầu nhà vua bản-quốc thứ hai, là nhà *Đinh*. Vua này cai-trị không được bao-lâu : năm 979 vua bị một tên lính giết mà chết. Vua đặt tên nước mình là *Đại-cù-Việt*.

(*) Vua muốn tập dân cho biết giữ khuôn-phép luật-lệ và lo sợ dè giữ cho biết lỗi phạm, thì dạy sắm đồ trong sân triều một cái chảo lớn nấu nước sôi, cũng truyền nuôi cọt nữa. Hễ tội nhơn thì hoặc phải trụng vào chảo nước sôi, hoặc phải thả cho cọt dừ nhai xương. Thấy mấy chuyện đó, thì dễ biết thói-tục dân Annam đời loạn-lạc ấy là thế nào.

Vua cũng sai sứ qua Tàu nhà Tống mà cầu phong. Vả các hoàng đế nước Tàu đã mất mấy tỉnh bên nam mà chưa lấy lại được, thì nay rất sẵn lòng nhận lấy các vua nước mới bên ấy làm chư-hầu ; còn phần các vua bên nước Nam nghĩ rằng : giữ chút lịch-sự theo phép, mà được lớn

quyền mạnh thế trước mặt dân, uên cũng cứ giữ vậy. Việc đại sự đời Đinh-bộ-Lãnh đã làm, là chia nước làm **mười đạo**.

Câu hỏi. --- Nam-tấn-Vương băng-hà đoạn ai trị nước ? --- Đinh-bộ-Lãnh làm gì ? --- Năm 968 lấy hiệu nào ? --- Có đổi hiệu không ? --- Băng-hà năm nào ? --- Thề nào ? Nước ta lúc đó tên gì ? --- Có sai sứ bên Tàu không ? --- Chia mấy đạo ?

13. — **Đời Lê-Hoàn và con ông ấy (980-1010).**

Năm 979 Đinh-bộ-Lãnh băng-hà, thì con là **Vệ-vương-Tuệ** lên ngôi trị vì ; song có một quan lớn tên là **Lê-Hoàn** ép vua **bán tước vương-ngoại** cho mình, rồi năm 980 ông ấy **tiếm vị** mà xưng hoàng-đế, hiệu là **Thiên-Phúc**. Ấy là dòng vua thứ ba, là nhà Lê ; nhà này trị được 20 năm, có hai vua mà-thôi. Năm 1006 **Lê-đại-Hành** là **Thiên-Phúc** băng-hà, thì **Lê-long-Đĩnh** là con lên kế vị, hiệu là **Cảnh-thủy**. Vua này **hư nết** quá mà chết, thì **Lý-công-Uẩn** soán ngôi, cũng lập **Nhà-Lý** cầm quyền trị nước từ năm 1010 tới năm 1225.

Câu hỏi. --- Ai kế vị ? --- Lê-Hoàn làm gì ? -- Lấy hiệu nào ? --- Băng-hà năm nào ? --- Ai kế vị ? --- Hiệu nào ? --- Băng-hà sao ? --- Ai soán ngôi ? --- Nhà Lý cầm quyền mấy năm ?



Kể tắt lại các nhà vua trước này.

Nhà-Ngô.

939-944 **Ngô-vương-Quyền** thắng được kẻ nghịch và các tướng Tàu.

944-965 Ngô vương-Quyền băng-hà, thì em vợ tiếm vị, song đến năm 950 lại mất ngôi, mà con Ngô-Quyền là Ngô-nam-tấn-Vương-xương-Văn trị nước chung với anh là Ngô-thiên-sách-Vương-xương-Ngập.

Nhà Đinh

968-979 Đinh-bộ-Lãnh cai-trị, hiệu là Đại-thắng-Vương, rồi lấy hiệu Đinh-tiên-hoàng-Thái-Bình.

Nhà Lê tiền

980-1006 Lê-dại-Hành là Thiên-Phúc tiếm vị, rồi qua-đời được 65 tuổi.

1006-1009 Lê-long-Đĩnh là con Thiên-Phúc kế-vị, hiệu là Cảnh-Thủy, song hư nát quả mà chết.



ĐOẠN THỨ BA

Nhà Lý (1010-1225)

14 — Lý-thái-Tổ (1010-1028) — Lý-thái-Tôn (1028-1054).

Nhà Lý là nhà vua Annam có danh tiếng lắm, trước chưa có nhà nào vì cho bằng. Nhà Ngô, nhà Đinh, nhà Lê tuy đã cứu được quê hương cho khỏi quân Ngô hà-hiếp, song trong nước hãy còn xôn-xao, chưa lập đều gì cho vững được.

Nhờ có nhà Lý ; mới lập được dòng vua cho vững, mới an trong nước.

Lý-công-Uần làm vua, tên hiệu là **Lý-thái-Tổ** (1010 1028) hồi còn sống đã chỉ **Phật-ma** sẽ kế vị mình. Dầu vậy cũng có kẻ tranh ngôi với ông ấy, nên người phải **giao chiến** với ba anh em mình tại đền vua mới qua-đời.

Phật-ma lấy hiệu là **Lý-thái-Tôn** (1028-1054). Các vua nhà **Tống** cũng nhận dòng vua mới cùng ban hiệu cho **Lý-thái-Tổ**, là **Giao-chỉ-quận-vương**.

Câu hỏi. -- **Mấy nhà vua xưa làm gì ?** -- **Nhà Lý** có công gì ? -- **Lý-công-Uần** có hiệu nào ? -- **Cai năm nào ?** -- **Đặt ai kế vị ?** -- **Phật-ma** phải làm gì cho được quyền ? -- **Lấy hiệu nào ?** -- **Cai mấy năm ?** -- **Vua Tàu** có nhận **Nhà Lý** không ? -- **Ban hiệu gì ?**

15 — **Giặc với nước Chiêm-thành.**

Xưa quân **Ngô** đã phá-tuyệt nước **Lâm-ấp**, rồi lại khởi giặc với nước **Chiêm-thành**, nay dân **Annam** cũng cứ tiếp giặc ấy. **Giải-hạn** hai nước **Nam-việt** và **Chiêm-thành** khi ấy giáp nhau bên bắc tỉnh **Quảng-bình** bây-giờ. **Thiên-hạ** thường đổ tại người **Annam** gây mối giặc, làm cho nước **Chiêm-thành** phải phá-tuyệt. Song cứ **Sử** mà dò, thì thấy rõ chẳng phải tại bên ta, một tại bên quân **Chiêm-thành** mà-chớ. Ghe phen quân ấy đã dùng thiết khí xông-phá cõi đất **Annam**, mà hầu hết mỗi lần đánh giặc cũng là tại dân **Chăm** xông-phá cướp bắt những người **Annam** ở giáp cõi. Dầu cho **Sử** có nói thêm cho mặng lời đi nữa mặc-lòng, cũng đủ lẽ mà đoán quân **Chăm** (**Hời**) là quân hay cướp-phá khuấy-rây, nên sinh có đánh

giặc, cũng như quân Lâm-ấp xưa. Trót đời nhà Lý những lo đánh giặc với dân Chiêm-thành ; có đánh với quân nhà Tống ít lần mà-thôi.

Đời Lý-thái-Tổ có đi đánh nước Chiêm-thành một lần, là năm 1020. Năm ấy Thái tử Phật-ma đem binh đánh quân ấy tại bên bắc tỉnh Quảng-bình và thắng được nó.

Đời Lý-thái-Tôn, là Phật-ma, cũng có giặc với nước Chiêm-thành. Vua ấy quyết đánh một lần cả thế cho xong, thì chiêu nhiều binh sĩ và năm 1044 chính mình vua thân chinh đi đánh giặc này.

(*) Dọc đường thấy những dấu may điềm lành. Đến cửa Đại-ác, may sao đã lạ, sóng gió lặng an ; vậy nên vua đổi tên Đại-ác làm Đại-an. Đến hòn Ma-cô (cũng kêu là Lê-đệ), ở ngoài khơi ngang dưới nam tỉnh Hà-tĩnh bây-giờ, có đám mây hồng che-khuất mặt-trời ; cách một đôi nũa lại có ánh mây vắn-về bao phủ thuyền rồng vua ngự. Nhờ thuận gió xuôi buồm nên đoàn tàu vua ở tự khẩu sông Nhứt-lệ (nay là sông Đông-hới) chạy có một ngày liền tới cửa Tư-hiền (ở phía nam kinh-đô Huế).

Vua nước Chiêm-thành đem binh lính voi-tượng ra hãm ngự. Binh hai bên ở cách nhau cái sông Ngũ bồ (nay là sông nào không biết) ; chưa giáp trận, mà quân Chăm đã chạy. Bấy-giờ binh Annam đuổi theo, và giết hết nhiều : Sĩ-ký kể tới ba vạn người tử trận, năm ngàn người bị bắt. Lại cũng lấy được đầu Sa-dầu, là vua Chiêm-thành, đem về dâng cho Lý-thái-Tôn ; vua ấy thấy thì động lòng thương, cấm đừng giết ai nữa. Còn kinh-đô nước ấy là Phật-thệ, cũng

phải quân Annam cướp-phá, (đời nay còn thấy lũy đất phía trên kinh đô Huế dọc theo mé sông bên hữu.)

Những thê-thiếp, con-hầu, con-hát, con-múa, con tuồng nhà vua thấy đều bị bắt cả : lại năm ngàn tù, vua Annam sai đi lập ấp trong tỉnh Nghệ-an và Hưng-hoá, cũng là những quân bị bắt trong giặc này.

Câu hỏi — Nước Chiêm-thành và Nam-việt giải-hạn ở đâu ? — Quân Chiêm-thành làm gì với ta ? --- Đời nhà Lý nước Annam đánh giặc với ai ? --- Đánh lần đầu năm nào ? --- Nơi nào ? --- Có thắng không ? --- Đánh lần thứ hai năm nào ? --- Gặp nhau ở đâu ? --- Có giáp trận không ? --- Annam thì sao ? --- Chấm mấy vạn tử trận, mấy ngàn bị bắt ? --- Vua Chiêm-thành tên gì ? --- Lấy đầu vua dâng cho ai ? --- Vua Annam dạy đều gì ? --- Kinh-đô Chiêm-thành tên gì ? --- Ở đâu ? --- Những ai bị bắt ? --- Sai đi đâu mà làm gì ?

16 — Đời Lý-thánh-Tôn (1054-1072)

Đời LÝ-THÁNH-TÔN, năm 1069, lại có giặc nữa ; chính vua đề binh xuất chiến, ban đầu phải thua ít trận, mà sau thì bắt được Chế-cũ, là vua nước Chiêm-thành ; vua ấy thể ba châu là Bố-chính, Địa-Lý, Ma-linh, mà chuộc mình cho khỏi làm tòi. Ba châu ấy rày là tỉnh Quảng-bình và phía bắc tỉnh Quảng-trị. Vậy thì cõi nam nước Annam khi ấy ăn tới sông Quảng-trị (cũng kêu là cửa Việt.)

Câu hỏi --- Đời Lý-thái-Tôn có giặc với nước Chiêm-thành năm nào ? --- Vua nước ấy tên gì ? --- Thua thì mất châu nào ? --- Vậy cõi nam nước ta tới đâu ?

17 — **Đời Lý-nhơn-Tôn (1072-1127)** — **Giặc với nước Tàu.**

Lý-NHƠN-Tôn trị nước lâu năm ; đời vua ấy có tiếng đánh giặc với nước Chiêm-thành và nước Ngô. Năm 1075 quan tướng Lý-thường-Kiệt phụng mạng đi ngũ quân Chăm đang xông phá nước, song phải thua quân ấy. Dầu vậy quan ấy cũng lấy được hoả đồ ba châu mới nhượng.

Vua Lý-nhơn-Tôn phải nghỉ việc giặc với nước Chiêm-thành, mà lo phòng cơn nguy-hiểm to hơn. Vì có Lưu-Di, là tướng nhà Tống, sắm-sửa xâm chiếm nước Annam. Quan Lý-thường-Kiệt đem hơn một vạn binh ra đánh trả tướng ấy, cùng sát hại châu Khâm, châu Liêm, giết hơn tám ngàn quân giặc, lại thắng được đạo binh đến tiếp-cứu Lưu-Di nữa. Bấy-nhiều việc ấy đã xảy-ra trong tỉnh Quảng-Đông, Quảng-tây, bên nước Tàu.

Năm 1076, Tồn-Đãn cũng là tướng Annam, vây thành chính Châu-Ung, khỏi bốn mươi ngày bắt được thành ấy. Quan thủ thành chẳng muốn lai-hàng, thì truyền cho các người nhà tự-vận hết thảy, rồi ông ấy cũng tự-ái mà chết. Dân trong thành cũng noi gương, chẳng chịu đầu phục người Annam, nên số kẻ phải giết trong thành hơn 5 muôn 8 ngàn, còn ngoài cả xứ kẻ được một vạn. Binh Annam cũng bắt nhiều người đem về làm tỳ.

Bây-giờ nhà Tống lại sai binh tiếp-cứu ; mà đạo binh Tàu bắt lấy nhiều châu trong tỉnh Cao-bằng. Năm 1078 Lý-nhơn-Tôn sai đi tiến cống vua thượng-vị, mà xin vua ấy trả lại mấy

châu quân Ngô đã bắt. Vậy hai bên hoà-ước với nhau thế này : vua Tàu nhường lại mấy châu, còn vua Annam thì tha cho các người Tàu, phải bắt làm tôi mấy năm trước được về.

Ấy nước Anram mới khởi làm tôi nước Tàu, mà rầy đã nên hào-cường lực-lượng, đến đổi nước Tàu hoà với ta khác nào hai nước cũng đồng sức đồng tài như nhau.

Yên việc bên phía bắc, thì Lý-nhơn-Tôn mới khởi lại việc giặc với nước Chiêm-thành. Năm 1094 vua ấy sai đi trách tội vua Chiêm-thành vì sao không đi tiến cống cho thường lệ.

Năm 1103 có người làm loạn ở Nghệ-an thua binh triều, thì trốn vào nước Chiêm-thành và giục vua *Chế-ma-Na* xâm chiếm ba châu vua *Chế-cũ* đã nhường xưa. Song *Chế-ma-Na* giữ mấy tỉnh ấy chẳng bao-lâu, vì năm sau nghe tin có binh Annam kéo vô, thì vội-vàng trả lại.

Câu hỏi --- Lý-nhơn-Tôn đánh giặc với ai ? --- Giặc với Chăm năm nào ? --- Ai làm tướng ta ? --- Có gì mà đánh ? --- Ai thắng ? --- Làm hoạ-đồ nào ? --- Ai muốn chiếm nước Annam ? --- Ai đánh-trả ? --- Lý-thương-Kiệt sát châu nào ? --- Giết mấy quân giặc ? --- Có thắng đạo binh nào nữa ? --- Giặc ấy ở tỉnh nào ? --- Năm 1076 Tồn-Đản bắt thành nào ? --- Quan thủ thành truyền gì ? --- Mấy người phải giết trong thành và trong xứ ấy ? --- Nước Tàu thì sao ? --- Lý-nhơn-Tôn sai xin gì ? --- Hoà thì sao ? --- Có giặc gì nữa ? --- Năm 1094 vua trách Chăm điều gì ? --- Năm 1103 có việc gì ? --- *Chế-ma-Na* làm gì ? --- Yên tại sao ?

18 — Lý-thần-Tôn (1127-1138).

Đời Lý-thần-Tôn có binh nước Chiêm-thành cùng rước Chơn-lạp xông vào nước Annam. Quân ấy tấn binh cho tới tỉnh Nghệ-an. Chơn-lạp là nước Cao-Mên. Độ này mới thấy dân Cao-mên đánh giặc với dân Annam lần đầu hết. Sử-ký nói dân này làm chư-hầu nước Annam đã lâu, đôi khi cũng tới nộp thuế ; nhưng vậy đừng tưởng là phục tùng Annam cho thiệt việc đầu.

Hai nước Chiêm-thành và Chơn-lạp đã xông vào xứ Nghệ-an thế ấy, thì cách ít năm sau, là năm 1135 cũng đi chịu thuế tiến cống vua Annam.

Câu hỏi ? --- Ai kẻ vị Lý-nhơn-Tôn ? --- Đời Lý-thần-Tôn nước nào xông vào đánh nước ta ? --- Tới đâu ? --- Chơn-lạp là nước nào ? --- Xưa đã phục chưa ? --- Năm nào cả hai nước chịu thuế tiến cống vua Annam ?

19 — Lý-anh-Tôn (1138-1175)

Năm 1152 đời LÝ-ANH-TÔN, có ông hoàng nước Chiêm-thành tên là Ung-minh-tà-Điệp đến xin vua Annam giúp mình lên ngôi. Lý-anh-Tôn sai năm ngàn binh đi giúp ông ấy ; song Chế-bi-la-Bút, là vua Chiêm-thành giết cả tướng Annam, cả ông hoàng tướng ấy đem theo nữa. Ấy là lần đầu hết triều Hà-nội muốn dự vào các việc riêng nước Chiêm-thành, song chưa được việc gì. Nhưng-mà Chế-bi-la-Bút sợ vua Annam cừu-hận, thì gả con gái mình cho vua ấy.

Câu hỏi — Năm nào Ung-minh-tà-Điệp xin Annam giúp lên ngôi ? — Tướng Annam và ông hoàng thì sao ? — Có được việc không ? — Chế-bi-la-Bút làm gì ?

20 — **Lý-cai-Tôn** (1176-1210).

Đời *Lý-cai-Tôn* thì nhà Lý bắt đầu suy-sút lần-lần. Nước Chiêm-thành bớt cần cang việc đi tiến cống. Năm 1177 quân Hời xông-vào xứ Nghệ-an. Năm 1199 có quan Annam vua sai đi **phong vương** cho vua nước Chiêm-thành, mà chẳng rõ bởi có nẻo vua Annam sai đi làm vậy.

Năm 1203 có người kia, tên là **Bồ-trì**, ghé vào cửa Kỳ-anh mà nói mình bị cẩu là **Bồ-Điền** đuổi, xin các quan tỉnh Nghệ-an cứu giúp. Ông ấy thấy các quan không thiết bụng, thì bắt mà giết hết, cùng thừa dịp ấy mà cướp-phá xứ Nghệ-an.

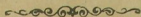
Câu hỏi --- Năm nào quân Hời (Chăm) xông-vào xứ Nghệ-an ? -- Năm 1199 có việc gì ? — Thuật lại truyện ông **Bồ-trì** ?

21. — **Lý-huệ-Tôn** (1210 1224)

Đời *Lý-huệ-Tôn* năm 1218 quân Chiêm-thành, quân Chơ-lạp lại xông-vào tỉnh Nghệ-an. Ấy là dấu mấy châu vua **Chế-củ** nhường cho vua Annam chưa có phục Annam cho thiết.

Đời *Lý-huệ-Tôn* cai-trị, thì **giặc-nội** nổi tung-bùng. Trong đền cũng có nhiều kẻ mống loạn. Có nhà kia, là nhà **Trần**, cũng đã có quyền to trong nước. Vua có những con-gái mà-thôi, nên trối vị cho con nhỏ tuổi hơn hết là **Phật-kim**, hiệu là **Chiêu-hoàng**, đoạn vào chùa, khỏi ba năm thì bị giết. Vua bà **Chiêu-hoàng** còn nhỏ lắm mới có bảy tuổi, mà mê một tiểu-hầu cũng một trang-tác, là người nhà **Trần**, cùng ưng kết-bạn với người ấy. Vậy hết đời nhà Lý tới đời nhà Trần,

Câu hỏi — Năm 1218 ai xông vào Nghệ-an — Đời vua ấy ở trong nước có bằng-an không ? --- Nhà nào nổi ? --- Vua trối vị cho ai ? --- Chiêu-hoàng được mấy tuổi ? --- Kết bạn với ai ?



Kể tắt lại các vua trước nầy.

Nhà Lý :

- 1009-1028 Lý-thái-Tổ hay là Thần-vô-hoàng-Đế trị 19 năm, sống được 55 tuổi.
- 1028-1054 Con là Phật-Ma hay là Đức-Chính, hiệu là Lý-thái-Tôn trị được 27 năm, được 55 tuổi.
- 1054-1072 Con cả là Lý-thánh-Tôn, kêu là Nhật-Tôn, sống được 50 tuổi, trị được 17 năm.
- 1072-1127 Lý-nhơn-Tôn là con cả kêu là Kiến-Đức, hồi mới lên trị nước, thì phải nhờ có mẹ giúp ; vua nầy sống được 63 tuổi, trị nước được 56 năm.
- 1127-1138 Lý-thần-Tôn cháu vua trước, sống được 23 tuổi, trị nước được 11 năm.
- 1138-1175 Lý-anh-Tôn, là con cả, lên ngôi hồi mới ba tuổi, hiệu là An-nam-quốc-Vương, sống được 40 tuổi.
- 1175-1210 Lý-cao-Tôn là con thứ sáu vua trước, trị nước 35 năm, sống được 38 tuổi.
- 1210-1224 Lý-huệ-Tôn là con cả, thế vị cha hồi 16 tuổi, vua nầy chọn con-gái thứ hai mình, tên là Phật-kim (Chiêu-hoàng) nối vị, đoạn vào chùa ; khỏi ba năm thì bị giết ; đã trị nước được 14 năm.



ĐOẠN THỨ BỐN

Nhà Trần (1225-1414)

Các vua nhà này trước lo đuổi quân Mông-cổ xông-vào trong cõi nước, rồi lại đánh giặc với nước Chiêm-thành, mà không được may-mắn cho bằng các vua trước. Vả lại cũng phải lo dẹp các quan triều ghe phen dấy nguy. Bởi vậy nước-nhà ra yếu mà binh nhà Minh bên Tàu lại bắt nước Annam.

22. — Trần-thái-Tôn (1225-1258).

Trần-thái-Tôn là chồng bà Chiêu-hoàng tận tâm lo việc trị nước.

(*) Đời vua ấy có định số mục, chức-tước, bổng-lộc các quan, cùng nghị-định thuế lệ. Thuế thân thì cứ kẻ có một mẫu ruộng phải nộp một quan tiền kẻ có hai mẫu, hai quan; kẻ có năm mẫu sắp lên, thì ba quan; kẻ không ruộng đất, khỏi nộp gì hết. Lại một mẫu phải chịu một trăm gia lúa thuế. Còn nước thì chia làm mười hai bộ (tỉnh), có quan lớn nhỏ đủ đẳng-cấp. Việc thi chữ-nghĩa, thi lo kỹ-lưỡng và trọng-thề hơn, mà kẻ nào thi đậu thì được chức lớn hơn xưa. Cũng trong đời đó người-ta đắp đê mà ngăn kéo nước lụt tràn phá-hại hơn dân. Mấy chú có đất lấy lập bờ đê, thì nhà-nước bồi lại cho hết thủy.

Năm 1236 nhà Tống phong vương cho Thái-Tôn, cùng ban hiệu cho vua ấy là An-nam-quốc-vương. Lúc ấy nước Tàu với nước Annam coi bộ thuận-hoà tử-lễ. Song năm 1241 có mấy dân

mọi thuộc quyền nước Tàu xông-phá địa-hạt nước Annam đầu ngoài bắc, thì quan tướng **Phạm-kính-Ân** đi đánh cùng đuổi được nó. Chẳng hay chính vua cũng thân chinh kinh vãng trong các xứ nước mình, vua lại quá bộ thẩu vào Địa-hạt nước Tàu, cho-nên thiếu chút nữa vua phải tay quân giặc. May vua khỏi nạn mà được về bình-an.

Năm 1252 vua Thái-Tôn chiêu binh đánh nước Chiêm-thành. Nhon bởi nước này thấy các vua rút dòi nhà Lý yếu thế, nên dẫu còn đến tiến cống mặc-lòng, song cũng hay khuấy-phá các nơi giáp-cối nước Annam. Vả lại vua nước ấy cũng dòi lại mấy châu vua Chế-Cũ đã nhường xưa. Lần này chính vua đề binh ra đánh, bắt được bà hoàng hậu **Bổ-da-La** cùng mấy vợ mọn, nhiều quan và nhiều người khác đem về làm tói.

Vừa thắng được quân Chăm, liền bị quân **Mông-cổ** xông-phá. Có một tướng Mông-cổ, tên là **Ngột-lương-Hợp-thai**, chiếm **Vân-nam**, rồi năm 1257 kéo binh thẳng tới tỉnh **Hương-hoá**. Chính vua Annam thân chinh ra hãn ngũ quân giặc; song binh vua trốn-chạy hết, thì vua cũng tháo-lui. Vua tới dò Đông-bộ đầu chỗ sông **Nhĩ-hà**, thì gặp **Thái-lử** đông-cung đem binh cứu-viện, nên tướng **Mông-cổ** phải thua mà rút binh trở-về; song chưa phải là chịu thua cho thật dẫu.

Câu hỏi. — Nhà Trần đánh giặc với ai? — Đòi nhà ấy sao mà nước ra yếu? — Đoạn ai bắt nước? — Trần-thái-Tôn có lo việc trị nước không? — Nước Tàu phong vương cho Thái-Tôn năm nào? — Lại ban hiệu

nào ? — Năm 1241 có giặc với ai ? — Ai làm tướng ? — Có thắng hay là thua ? — Vua lúc đó thì sao ? — Năm nào mà có giặc với nước Chiêm-thành ? — Có sao ? — Thái-Tôn bắt được ai ? — Đoàn có giặc với ai ? — Tướng Mông-cổ là ai ? — Chiếm nước nào ? — Tới đến tỉnh nào ? — Vua Annam đi hãn ngữ thì sao ? — Ai đem binh cứu ? — Mông-cổ thì sao ?

23 — **Trần-thánh-Tôn** (1258-1279) ; **Trần-nhơn-Tôn** (1279-1299).

Đời **TRẦN-THÁNH-TÔN**, Nhà Nguyên sai sứ qua **hỏi-thăm chỗ cây cột đồng**. Duyên-do cây cột đó là thế này : thuở xưa độ năm 43 sau Chúa ra đời, **Mã-viên** là tướng anh danh bên Tàu sai qua đánh bà **Trung-Trắc** ; ông ấy thắng được thì dựng một cây cột đồng, lại có thích chữ rằng : « **Đồng-trụ chiết, Giao-chỉ diệt,** » là cột này có hư, thì xứ **Giao-chỉ** phải hủy-tuyệt. Người Annam đi qua cột ấy đều bỏ vào chôn nó, hoặc đá, hoặc vò vỡ cùng mảnh sành, để làm cho vững thêm, nên nó bị che trùm kín cả đi, không còn thấy dấu-tích gì nữa. Nay nước Tàu cho qua hỏi lại chuyện cũ làm vậy, chẳng qua là có ý gây mối giặc, nhưng-mà đến đời **Trần-nhơn-Tôn** mới đánh giặc thiệt.

Vì vua này dầu đã có lệnh truyền nhiều lần mặc-lòng, cũng chẳng chịu qua Tàu tiến cống vua thượng vị, chỉ sai một người tôn-thất cùng ít quan đi sứ mà-thôi. **Hốt-tất-Liệt** (Koubilai), là hoàng-đế đã thắng cả phương Đông, thấy vua Annam cưỡng phép, thì lấy làm sỉ-nhục cùng quyết oán phạt. Trước hết vua ấy xin cho binh Tàu qua ngang địa-phận nước Annam mà đi đánh nước Chiêm thành, vì đã giam-cầm các sứ vua.

Vua Lý-nhơn-Tôn đã không thềm trả lời về việc hoàng-đế xin trước này, lại lo sửa đánh giặc. Chính thái-tử nhà Nguyên xuất thân đi đánh giặc này, cùng bắt được nước Annam làm tòi nước Tàu ít năm ; mà kẻ độc-dữ với người Annam hơn hết là tướng Ô-mã-Nhi.

Vậy trước hết binh Annam tháo-lui hai lệ, mà binh Ô-mã-Nhi và hoàng thái-tử Tàu thì cứ sẵn vào các tỉnh nước Nam. Chẳng hay chú vua cũng vào đám nội công giúp giặc ; tỏ cho nó biết của tiền lương-phạm trong nước là bao-nhiêu, lại đứng bên giặc mà đánh với quê-hương mình. Vì vậy quân Mông-cổ bắt được cả nước Annam, mà vua Nhơn-Tôn với cha, là Thánh-Tôn, thì rút vào tỉnh Thanh-hoá. Vua Thánh-Tôn khi ấy hãy còn sống, song đã nhượng vị cho con.

Nhưng-mà quân giặc ở xứ nóng cùng độc khí chẳng quen, nên đau chết nhiều lắm. Vậy hai vua Annam mới khởi giặc lại. Trước hết đánh được Hoàng-tử, rồi tới tướng dữ Ô-mã-Nhi, đoạn đánh tướng cả, là Toại-Đồ, mà giết được giữa đám chiến. Trong những trận này quân Mông-cổ bỏ thây hầu như vô số ; còn bao-nhiêu sống-sót thì lần về Tàu rất đổi gian-nan.

Hoàng-đế Hốt-tất-Liệt hay tin quân mình đã phải bại trận làm vậy, thì chiêu binh mới mà đi khôi phục. Quân giặc kéo tới trên bộ dưới thủy đều có ; Đông-cung với Ô-mã-Nhi đề binh. Mà lần này càng khốn cho quân ấy hơn lần trước nữa. Quân ấy thắng được mấy trận nhỏ-nhỏ, rồi phải hết lương-phạm, mà Annam hiệp binh

xông đánh cùng bắt được mấy tướng cả. Trần này chết đã ghê. Vậy nước Annam khỏi làm tôi. Nước nhỏ làm vậy mà chống nổi binh tướng Mông-cổ, cùng triệt đảng quân ấy không cho thắng tới nữa, thì đã thiệt là rạng danh !

Hai triều Bắc-kinh với Hà-nội khi đầu thì không thuận ý với nhau, mà càng ngày càng ra tử-tế hơn, ít nữa là chẳng còn thấy nhà Nguyễn muốn lấy nước Annam nữa. Còn các vua Annam âu-là đã thấy việc xưa, nên lo mà tránh mọi điều gây tụng.

Câu hỏi. — Đời vua ấy nhà Nguyễn bên Tàu sai sứ chi ? — Tướng nào mà dựng cột đồng ? — Ghi chữ nào ? — Nay cột thì sao ? — Nước Tàu hỏi vậy ý chi ? — Đời vua nào mà có giặc ? — Tại sao ? — Hốt-tất-Liệt nhứt định gì ? — Xin sự gì ? — Lý-nhơn-Tôn có làm làm sao ? — Ai thắng ? Tướng Tàu nào độc-dữ hơn ? — Ai thua đầu hết ? — Bên ta có kẻ nội công chăng ? — Nhơn-Tôn rút binh vào tỉnh nào ? — Vua Thánh-Tôn còn sống không ? — Ai làm hại cho quân Mông-cổ ? — Hai vua ta thì thắng trận ai ? — Quân Mông-cổ thì ra sao ? — Hốt-tất-Liệt làm gì ? — Đánh giặc đâu ? — Ai làm tướng ? — Ban đầu ai thắng ? — Đoạn tướng Tàu bị gì ? — Quân Mông-cổ thì sao ? — Annam và Tàu ở với nhau thế nào ?

24 — Trần-anh-Tôn (1293-1314)

Nhơn-Tôn nhường vị cho con, là TRẦN-ANH-Tôn. Hầu hết các vua nhà Trần có thói hay từ chức cùng chọn người kế vị trước khi băng-hà.

Những vua đã tư chức thê ấy cũng còn lớn quyền trong nước lắm và có hiệu là **Thượng-hoàng**.

Đời Trần-anh-Tôn lại khởi giặc với nước Chiêm-thành. Năm 1306 vua cứu Nhơn-Tôn sang du vãng trong nước Chiêm-thành cùng hứa gả cho *Chế-Mân*, là vua nước ấy, một công-chúa nước Annam. *Chế-Mân* đặc chí phỉ dạ, liền vội vàng dâng cho triều Annam nhiều của lễ quý trọng ; song vua và triều Annam xem ra chẳng ưng việc gả công-chúa làm vậy. *Chế-Mân* muốn cho xuôi việc, thì gả châu Ô, châu Lý ở sát cõi nước Annam làm của cưới. Xứ đó nay là phần bên nam tỉnh Quảng-trị, cả tỉnh Thừa-thiên và một phần tỉnh Quảng-nam. Vua Anh-Tôn thấy có lợi, liền gả công-chúa. Mà dân Annam bởi đã quen kẻ những dân khác phong-tục với mình là mọi, khi thấy vua gả con làm vậy, thì cười lắm. Vả lại nước Chiêm-thành tự ý mà nhường cho nước Annam nói rộng phần đất phía nam như vậy là có một lần này mà-thôi, nên cũng là tích lạ đáng nhớ.

(*) Ba châu *Bổ-chinh*, *Địa-lý*, *Ma-linh* cũng là đất đã nhường, song đó là vua *Chế-Cũ* nhường mà chuộc mình cho khỏi làm tội ; lại coi những việc xảy ra về sau, thì thấy rõ dân Chăm chẳng đành nhường ba châu ấy bao-giờ.

Năm 1312 hai nước lại rầy-rà với nhau. Chính vua Trần-anh-Tôn thân chinh đi đánh nước Chiêm-thành bắt được vua *Chế-chi* mà điệu về Hà-nội, cùng đặt em vua ấy, là *Chế-dà-kha-bà-niên* lên ngôi, chức là quyền vương. Bấy giờ nước Chiêm-thành thiệt phục quyền Annam,

song chẳng bao-lâu. Thương-bại cho nước khốn-nạn ấy ! vì thấy trong Sử, thường hể lần nào các vua Hà-nội được xen vào các việc riêng nước ấy, thì phần nhiều là tại các vua nước ấy tranh tụng với nhau mà làm cho nước càng ngày càng ra xôn-xao tàn-bại.

Câu hỏi. — Ai nhường vị cho Trần-anh-Tôn ? — Nhà Trần có thói gì ? — Vua từ chức đăng hiệu nào ? — Đời vua Trần-anh-Tôn có giặc với ai ? — Năm nào mà Nhơn-Tôn hứa gả một công-chúa ? — Chế-Mân có ưng không ? — Dâng gì ? — Ai không ưng ? — Chế-Mân thì giao châu nào ? — Nay là xứ nào ? — Anh-Tôn có ưng không ? — Còn dân Annam thì sao ? — Có mấy lần mà nước Annam rộng hơn phi thường vậy không ? — Có giặc lại năm nào ? — Vua Chế-Chí thì sao ? — Anh-Tôn đặt ai lên ngôi ? — Ban chức gì ? — Tại sao vua Annam xen vào việc Chiêm-thành ?

25 — Trần-minh-Tôn (1314-1329).

Đời TRẦN-MINH-Tôn, năm 1316 có sai binh đánh nước Chiêm-thành, âu là vì nước ấy không muốn phục nước An-nam nữa. Binh An-nam thất trận, thì vua lại sai đạo binh khác tiếp đánh, cho nên vua nước Chiêm-thành, là Chế-nang, phải thua mà chạy sang nước Qua-oa (Malaisie). Bấy giờ mới bầu một người kia, tên là Kha-nan lên ngôi thế vị, chức là quyền vương. Song năm 1326 thấy Sử-ký rằng: nước ấy không còn đi tiến cống triều Hà-nội cho thường, lại lễ vật cũng kém chẳng được quý báu như trước.

Câu hỏi. — Đời Trần-minh-Tôn có giặc với ai và năm nào ? — Ai thua ? — Còn đạo binh khác làm gì ?

— Vua Chiêm-thành là ai ? --- Trốn đi đâu ? --- Vua Annam đặt ai lên ngôi ? --- Năm 1326 nước Chiêm-thành còn đi tiến cống triều Hà-nội không ?

26 — **Trần hiên-Tôn (1329-1341) và Trần-dũ-Tôn (1341-1369)**.

TRẦN-MINH-TÔN nhường vị cho TRẦN-HIẾN-TÔN, mà bấy còn sống cho đến đời vua sau nữa, là Trần-dũ-Tôn. Đời TRẦN-HIẾN-TÔN (1329-1341) có đánh giặc với nước **Ai-lao** một lần, mà **không** được việc gì. Đời TRẦN-DŨ-TÔN (1341-1369) có ông hoàng nước Chiêm-thành, tên là **Chế-mộ**, bị em rể là *Trà-hoá-hế-đề* đuổi mà chạy vào nước Annam. Năm 1353 Dũ-Tôn được tốt dịp mà xen-vào trong các việc riêng nước Chiêm-thành, liền sai binh đi giúp Chế-mộ phục nghiệp ; song binh thiếu lương phải rút về. Bấy giờ quân Chăm nổi đánh và xông chiếm châu **Hoá** mới nhường cho nước Annam.

Câu hỏi. --- Trần-hiến-Tôn đánh giặc với nước nào ? --- Có được việc gì ? --- Ai xin vua Annam cứu ? --- Dũ-Tôn sai binh năm nào ? --- Có được việc không ? --- Quân Chăm thì làm gì ?

27 — **Nghệ-Tôn (1370-1372)**.

Dũ-Tôn băng-bà không con kế đại. Bà thái-hậu quyết tôn cháu vua Minh-tôn là chồng mình, lên làm vua ; song việc bất thành, vì cách ít lâu Dương-nhật-Lệ bị các quan lớn theo phe ông **Nghệ-tôn** cất chức cùng giết đi. Bà thái-hậu trốn qua nước **Chiêm-thành** xui vua nước ấy xông

đánh nước Annam. Vua trước là Dũ-Tôn những mê chơi sung sướng chẳng lo chi đến việc binh-lính, nên quân Chăm kéo thẳng ra tới Hà-nội mà không ai ngăn-đón gì hết. Quân ấy cướp phá cùng đốt cả thành, lấy vô số của-cải và bắt nhiều con trẻ đang thì nam nữ Annam, đem về làm tôi mọi nó. Sử-ký lại thêm rằng: từ đó về sau nước Annam càng ngày tràn sự khốn-khổ.

Câu hỏi. --- Bà thái-hậu quyết tôn ai làm vua ?
--- Các quan lớn chọn ai ? --- Đường-nhứt-Lễ bị ai ?
--- Bà thái-hậu trốn đi đâu ? --- Tại sao mà nước Annam thua ? --- Quân Chăm làm gì ?

28 — Trần-duệ-Tôn (1372-1377).

Trần-duệ-Tôn kế vị anh. Năm 1376 đầu triều-thần can-gián thề nào mặc lòng, vua ấy cũng quyết đánh một trận cả thề mà phá nước Chiêm-thành cho xong. Vậy vua ấy chiêu một đạo-binh là một vạ hai muôn người, chính vua thân-chinh ra đốc chiến. Vua nước Chiêm-thành là Chế-bồng-Nga hãi-hùng kinh-khiếp, bèn gởi tiến vua mười mâm vàng ; song vàng tới châu Hoá, thì quan cai châu chặn lại chẳng cho đem đi. Vậy binh Annam kéo tới kinh-đô nước Chiêm-thành, nhưng mà phải phá tan vỡ chạy ; vua cùng nhiều quan đại-thần bị tử trận ; còn bao nhiêu lai-hàng hết, kẻ thoát được mà về thì ít lắm.

Câu hỏi. -- Ai kế vị Nghệ-Tôn ? -- Dầu mà Triều-thần không chịu, Duệ-Tôn muốn làm gì ? -- Vua làm gì ? -- Vua Chăm là ai ? -- Gởi sự gì ? -- Ai chặn lại ? -- Binh Annam thua ở đâu ? -- Vua thì sao ?

29 — Trần-đế-Hiện (1377-1388)

Vua Nghệ-Tôn là vua nhượng vị, khi được tin binh quốc đã thua, mà em mình là Trần-duệ-Tôn đã tử trận, liền tôn Trần-đế-Hiện, là con ông ấy, lên làm vua.

Đời vua này quân Chăm kéo ra Hà-nội ba lần : một lần năm 1377, một lần 1378, một lần nữa năm 1308. Lần này nó phá phách tỉnh Thanh-hoá, tỉnh Nghệ-an cùng đặt ông Húc là tướng An-nam đã lai hàng với nó, năm 1376, lúc vây thành Đồ-bàn, lên làm vua cai mấy xứ nó đã chiếm được ; ông này lấy hiệu là Ngự-cầu-vương. Bấy giờ có một quan, tên là Lê-quí-Lê, có quyền thế lắm, cũng là người đã làm cho quê-hương phải muôn điều tai-hại, ông ấy đuổi được quân giặc.

Dẫu vậy hằng năm quân Chăm cũng còn kéo vào cõi đất An-nam. Năm 1381 An-nam túng thế lắm, đến đổi phải chiêu thầy chùa đi lính mà đánh quân ấy. Năm 1382 nó xông vào tỉnh Thanh-Hoá nữa, phen này ông Quí-Lê thắng được vài trận. Vậy năm 1383 ông ấy định đi đánh quân Chăm tại trong nước nó. Nhưng mà khi đoàn binh thủy tới cửa Ô-tôn ở phía bắc tỉnh Quảng-bình (nay kêu là Vũng-chùa), thì bị gió ngược, phải lui trở về ; nên dân Chăm còn xông phá đất An-nam một lần nữa.

Câu hỏi. --- Vua Nghệ-Tôn đặt ai làm vua ? --

Quân Chăm kéo ra Hà-nội mấy lần ? --- Năm nào ?
-- Phá tỉnh nào ? --- Đặt ai làm vua ? --- Ông Húc là ai ? --- Lấy hiệu nào ? --- Ai đuổi quân Chăm đi ? --

Quân ấy còn vào cõi đất ta không ? -- Phải diên ai đi lính ? -- Năm 1382 ai thắng quân Chăm và ở đâu ? -- Năm 1383 ông Quí-Lê muốn làm gì ? -- Binh-thủy bị sự gì và ở đâu ? -- Quân Chăm còn làm gì ?

30 — **Đời Trần-thuận-Tôn (1388-1389)**

Nước An-nam càng ngày càng suy-sút, bởi những giặc nội. Phe quan Lê-quí-Lê một ngày một mạnh thế. Quan ấy bắt vua Nghệ-Tôn, là vua già, đã từ chức năm 1372 phải ép vua Trần-đế-Hiện nhường vị, mà tôn Trần-thuận-Tôn làm vua (1388). Đã vậy, lại nhà Minh bên Tàu đã đuổi được quân Mông-cổ, thấy nước An-nam một ngày một ra sút-kém, thì coi bộ thêm lắm.

Năm 1389, quân Chăm xông phá xứ Thanh-hoá, Nghệ-an một lần nữa. Quan Lê-quí-Lê đi đánh nó, song phải thua. Vậy vua Nghệ-Tôn sai quan Trần-khát-Chơn đi đuổi giặc. Sử-ký rằng : « Khát-Chơn nghe lệnh vua truyền thì buồn-phiền lắm, song cũng phải vâng ; ông ấy và từ già vua và khóc, mà vua già cầm nước-mắt không lại, cũng khóc mà ngó theo ông ấy đang bước ra đi. » Sử-ký nói bấy-nhiều lời đơn-sơ thâm-thiết, thì đã đủ rõ khi ấy triều vua Nghệ-tôn nao lòng rùn chí là chừng nào. Quan Khát-Chơn chẳng dám giao chiến, lại thêm có người tôn-thất nhà vua tên là Nguyễn-Diệu, với quân theo nó, đều sang bên giặc, cho nên Annam xem ra đã hòng mất nước.

Năm 1390 xảy ra một việc, vốn là việc một ngày mà có sức đổi-thay số-phận cả một dân. Số là có lần kia vua nước Chiêm-thành, là Chế bồng-

Nga với thằng nội-công Nguyễn-Diệu kéo chừng một trăm thuyền, cả gan đi lố tới trước, bỏ toán binh xa lắm. Bấy-giờ có một quan nhỏ bên Chăm, tên là Ba-lậu-Kê, bị vua Chế-bồng-Nga quở, thì sợ có khi vong mạng, liền sang bên Annam, mà chỉ cho quan Khất-Chơn biết, thuyền vua Chế-bồng-Nga ngược, là thuyền xanh. Quân Annam cứ nhắm thuyền đó mà bắn, thì vua bị đạn chết tươi. Tức-thì thằng nội-công Nguyễn-Diệu chắt đầu vua mà trốn về bên mình. Song nó cũng bị giết lập tức. Còn đầu Chế-bồng-Nga thì điệu-về dâng cho vua Nghệ-Tôn. Khi sứ về tới triều, là đương giữa ban đêm, thì vua giật mình vùng dậy, tưởng đầu là quân Chăm tới đánh. Nhưng khi rõ tự sự, thì vua nhìn đầu kẻ nghịch mình một hồi lâu mà rằng : « Trẫm và Chế-bồng-Nga rập-rình lừa-lọc với nhau đã lâu, nay mới thấy nhau lần này là lần đầu hết. » Còn đạo-binh bên Chăm, thì trốn chạy tan-tác. Ấy vậy Annam khỏi mất nước.

Cách ít năm sau, là năm 1402, hai dân cũng còn đánh nhau ít trận nữa, dân Annam khi thua khi thắng ; mà nước Chiêm-thành bị giặc nội đã sa-sút lắm, phải nhường cho nước Annam địa-phận tỉnh Quảng-nam, Quảng-ngãi bây-giờ.

Câu hỏi. -- Trong nước thì sao ? -- Lê-quí-Lê bắt vua Nghệ-Tôn làm gì ? -- Ai làm vua ? -- Năm nào ? -- Bên Tàu thì sao ? -- Năm nào Chăm xông phá nữa ? -- Ai đi đánh ? -- Thắng hay-là thua ? -- Nghệ-Tôn đặt ai làm tướng ? -- Trần-khất-Chơn có bằng lòng mà đi ? -- Có dám giao chiến không ? -- Ai nội công bên Ta ? -- Vua Chế-bồng-Nga ở với ai ?

-- Ai chỉ thuyền xanh ? --- Vua Chăm chết thề nào ?
-- Nguyễn-Diệu làm gì ? -- Có phải phạt không ?
-- Đầu vua Chăm điệu về dâng cho ai ? -- Vua Nghệ-Tôn lấy làm sao ? --- Đoạn nói gì ? -- Đạo-binh Chăm thì sao ? --- Năm nào mà đánh nữa ? --- Nước Chiêm-thành nhường tỉnh nào ?

31 — Trần-thiếu-Đế (1398-1400)

Nhưng-mà trong nước lại xảy ra nhiều chuyện không yên được. Vì khi vua Nghệ-Tôn băng, thì Lê-quí-Lê ép Trần-thuận-Tôn từ chức vua, rồi quan ấy tôn cháu ngoại vua cự mới nên ba tuổi lên làm vua, hiệu là Trần-thiếu-Đế ; vua này trị nước được hai năm mà-thôi. Năm 1400 Lê-quí-Lê tiến vị xưng hoàng-đế, cùng lập nhà Hồ cai-trị từ năm 1400 cho tới năm 1407.

Câu hỏi. --- Lê-quí-Lê nhờ Nghệ-Tôn băng-bà làm việc gì ? --- Tôn ai ? --- Trị mấy năm ? --- Ai tiến vị ? -- Lập nhà nào ? -- Nhà Hồ cai năm nào ?

32 — Nhà Hồ soán vị (1400-1407) — Quân Ngô bắt nước (1407-1418)

Hồ-quí-Lê cầm quyền chẳng bao-lâu. Năm 1401 vua ấy nhường vị cho con, là Hồ-bán-Thương. Bên triều nhà Minh khi ấy có hiểm người Annam, hoặc bởi chẳng muốn phục nhà vua mới, hoặc bởi sợ ở nước Annam phải oan mạng, mà trốn sang bên ấy. Vậy năm 1406 có đạo-binh nước Tàu kéo qua Annam mà giúp một người kia thuộc-về nhà Trần phục quốc ; quân ấy bị binh sĩ vua Hồ-quí-Lê vây đánh, nên phải nộp người tranh ngôi ấy cho nhà Hồ, thì

mới được về bên Tàu. Nội năm đó lại có hai đạo-binh tướng Chu-nang, Trương-phụ với Mộc-thành kéo vào nước. Ban đầu nhà Hồ thắng được ít trận nhỏ, song bị lính bỏ nên phải trốn chạy. Kinh-dô phải quân Ngô bắt, hai vua nước Annam rút vào Thanh-hoá. Hai vua đánh rần một lần nữa, song phải thua cùng bị quân Ngô bắt điệu qua Tàu.

Có ít vua nhà Trần là Đế-quí (1407-1409), Đế-quí-Khoáng (1409-1414) cũng ra sức đánh với Tàu, song không nổi. Vua Đế-quí-Khoáng bị nước Tàu bắt, mà điệu về Bắc-kinh năm 1414. Kỳ giặc này có nhiều quan Annam thiệt đã dâng trang anh-hùng, nên Annam dầu mất nước, cũng hầy còn vinh-vang.

(*) Các vua nhà Minh dầu hết khi mới qua đánh giặc, đã hứa với dân Bắc-kỳ nhiều điều lắm ; mà không giữ đều gì sót. Nó lại hà-hiếp người Annam quá lắm, dầu những thói-lục lật-vật nó cũng chẳng tha ; nó bắt người Annam phải để tóc cho dài, cấm không cho chạm hoa trong mình theo kiểu xưa. Đòn-bà con-gái phải bận áo cụt rộng tay. Phải theo thói nước Tàu trong mọi chuyện. Quân ấy kiếm được mỏ vàng ở Bắc-kỳ, thì bắt người bôn-thồ đi khai mỏ ; kẻ thì phải lên rừng đem voi cái đi dụ bắt voi trắng ; kẻ lại lặn xuống dưới đáy biển mà kiếm ngọc. Xâu-boi nặng-nề quá lẽ, làm được hột muối nào nhà-nước thâu-lấy mà bán. Nói tắt một lời, dân-sự khổ-sở quá không sức nào chịu thấu.

Dân Ngô ở vậy, thì không lẽ nào cai-trị cho lâu được. Vậy năm 1418, ông Lê-Lợi khởi loạn, mà có nhiều quan đồng bụng theo ông ấy.

Câu hỏi. — Hồ-quí-lê nhường vị năm nào ? —
Ai làm vua ? — Annam sang bên Tàu sao ? — Đạo
bình Tàu qua bên Annam làm gì và năm nào ? —
Thắng hay là thua ? — Cho về bên Tàu thì buộc đều
gì ? — Có tướng nào còn đem binh giao chiến ? —
Ban đầu ai thắng ? — Rồi thua thề nào ? — Trốn đi
đâu ? — Bên Tàu bắt hai vua điệu qua đâu ? — Vua
nào còn ra sức đánh ? — Năm 1414 vua nào bị bắt ?
— Annam còn vinh-vang tại sao ? — Ai khởi loạn
và năm nào ?



Kể tắt lại các vua Nhà Trần.

- 1228-1258 Trần-thái-Tôn lên ngôi hồi còn thơ-ấu,
nhờ cha là Trần-Thừa phụ chánh ; vua ấy
trị nước được 33 năm, rồi nhường vị cho
con ; nhường vị rồi còn sống được 19 năm,
cả thấy là 60 tuổi.
- 1258-1278 Trần-thánh-Tôn làm vua 21 năm, từ chức,
rồi sống được 23 năm, cả thấy là 51 tuổi.
- 1278-1293 Trần-nhơn-Tôn cai trị 14 năm, từ chức rồi
[sống được 13 năm nữa, cả thấy là 51 tuổi.
- 1293-1314 Trần-anh-Tôn, là con đầu lòng vua trước,
sống được 54 ; từ chức rồi sống được 6
năm nữa.
- 1314-1329 Trần-minh-Tôn, là con thứ bốn vua
trước, cai-trị 15 năm ; từ chức rồi còn
sống 28 năm nữa, sống là 58 tuổi.
- 1329-1341 Trần-hiến-Tôn, là con thứ vua trước,
cầm quyền 13 năm, sống được 23 tuổi.

- 1341-1369 Trần-dũ-Tôn, là con thứ mười Trần-minh-Tôn, lên ngôi mới được sáu tuổi hồi cha còn sống ; sống được 34 tuổi mà băng hà vô hậu kế đại.
- 1370-1372 Trần-ngệ-Tôn, là con thứ ba Trần-minh-Tôn cai-trị 2 năm, rồi từ chức nhường vị cho con, cách 27 năm nữa thi qua-đời, được 74 tuổi.
- 1372-1377 Trần-duệ-Tôn, là con thứ mười một Trần-minh-Tôn, chết hồi 41 tuổi, bị giết trong nước Chiêm-thành.
- 1377-1388 Trần-đế-Hiện, là con cả vua Trần-duệ-Tôn ; vua Nghệ-Tôn từ chức mà tôn người lên ngôi, cách 12 năm lại bắt từ chức mà thất cổ đi.
- 1388-1398 Trần-thuận-Tôn, là con út vua Nghệ-Tôn, Có quan lớn tên là Lê-qui-Lê ép vua nhường ngôi cho con trưởng nam, rồi sau lại thất cổ mà chết.
- 1398-1407 Trần-thiếu-Đế mới 3 tuổi lên làm vua khỏi hai năm, quan Lê qui-Lê làm vua một năm, rồi nhường vị cho con là Hồ-hán-Thương, cả hai bị bắt mà điệu qua nước Tàu.
- 1407-1409 Trần-đế-Quý, là con thứ Trần-ngệ-Tôn, Vua này bị kẻ theo phe bỏ mà chọn cháu vua.
- 1409-1413 Trần-đế-qui-Khoảng lên ngôi ; đoạn phải tướng Tàu bắt.
-

ĐOẠN THỨ NĂM

Nhà Lê (1418-1793)

33 — Nước Annam đời nhà Lê.

Trong các nhà vua kế-tiếp mà cai-trị nước Annam, có nhà Lê-hậu được tiếng hơn hết, vì phần thì được cầm quyền lâu năm, phần thì được nhiều vua rất thòai danh, lại phần thì đời nhà ấy cai-trị đã xảy ra những việc cả thể.

Xưa rày ta đã thấy dân Annam những lo đánh giặc mà binh lấy sự thông-dong mình, cùng đuổi dân Hời hay xông chiếm nước, mà nhứt là lo dẹp các giặc nội, nên đã kiệt lực; đời các vua nhà này thì mới vượng lại. Từ này về sau nước Annam mới thiệi yên, khỏi giặc giã phía ngoài bắc với nước Tàu nữa; dầu trong nước cũng còn loạn-lạc, song chẳng hề gì, vì đã lập thành cơ chỉ vững-bền. Bấy giờ dân mới tràn ra khỏi nước mà ở lẫn tới nước khác; phía ngoài bắc thì ra chẳng được vì mắc dân Ngô đã đông, lại mạnh thế, nên cứ đồ vào nam.

Ban đầu đến lập gia cư sanh lý, rồi sau mới lấy binh khí mà chiếm. Vậy nước Chiêm-thành ở gần, lại bị giặc giã đời nhà Lý, nhà Trần đã sa-sút lắm, thì phải người Annam chiếm bắt trước hết; rồi kế nước Hời (Kmer) cũng bị chiếm hết một phần nữa.

Đời nhà Lê, nước chia làm hai phần dường hai nước riêng; mới xem qua tương chia vậy, thì làm cho dân ra yếu thế; mà xét lại cho tương,

liền rõ biết nhờ đó dân ra mạnh gấp hai, cùng được thêm quyền thắng thế lắm. Sau hết nhờ thông thương với các nước phương Tây, cùng giảng đạo Thiên-Chúa trong nước, thì lần lần mới được như ta thấy bây giờ.

(*) Cha Legrand de la Liraye nói tỏ rõ đời ấy nước Annam ăn ở với nước Tàu là thế nào, mà rằng : Phải biết nước Annam mới được thông-dong, khỏi làm tôi nước Tàu là từ khi nhà Lê lên cầm giềng-mối, mà lập thành nước riêng. Thuở nay đã nhiều phen nước Annam đánh tháo cho khỏi quyền nước Ngô, song lòng nhơn dân mắng còn triu nhớ nước ấy : hễ khi phải cơn nguy-hiểm, liền chạy đến cùng hoàng-đế, dường như Đấng Tạo-hoá đã đặt hoàng-đế lên, để cho muôn dân thiên hạ cậy nhờ mà khỏi những cơn gian-nguy rồi-rit làm vậy. Phen này mới bỏ dứt thói đó. Vậy dân Annam chỉ còn giữ mấy điều đã học với nước Tàu và đã noi giữ lâu đời mà thôi ; là tập tành phong-hoá, học chữ nghĩa văn-chương, đạo-lý luật-lệ, nghề làm thuốc cùng các nghề-nghiệp khác. Vả lại cũng cứ tôn trọng nước ấy, sai sứ đi hầu ; cầu phong ; các người Tàu buôn-bán bên Annam, thì coi như dân anh, như khách quý, cho ở trong làng trong thành. Song chẳng chịu cho nước Tàu xen vào việc nước mình nữa, vì bây giờ đã đủ sức mà cai trị lấy mình, đủ sức mà đứng riêng một mình, dựa phực ai làm chi nữa.

Câu hỏi. — Nhà Lê sao mà được tiếng hơn hết ?

— Dân Annam trước đánh giặc có ý gì ? --- Nay dân Annam làm gì ? --- Chia hai nước có bị hại không ? --
Đều gì nữa giúp nước Annam thêm quyền.

34 — Ông Lê-Lợi lên làm vua (1418-1433)

Ông Lê-Lợi đã cứu nước Annam cho khỏi làm tôi nước Ngô ; ông này là tướng anh tài có quyền thế với dân lẫn, nên nhà Minh ra sức mà dụ theo mình, song vô ích.

Vậy năm 1418 ông Lê-Lợi hội những kẻ theo phe mình làm một đạo-binh mà rút vào Lâm-sơn, là đất quê-tổ người trong tỉnh Thanh-hoá, cùng xưng vương hiệu là **Bình-định-Vương**. Tướng nhà Minh là *Mã-Kỳ* đánh ông ấy, song phải thua ; hai bên quân Ngô và quân Annam đánh nhau luôn ngót mười năm. Quân Ngô lấy hết nước **Annam** cho tới cõi nước **Chiêm-thành** : còn ông Lê-Lợi thắng được ít trận, rồi không dám đánh nữa. Năm 1419 ông ấy mất một tướng rất giỏi, tên là Lê-Lại, nhưng mà nhờ có dân xứ **Ai-lao** giúp khí-giải binh-lính, nên cứ chống cự miết.

Năm 1420-1421, ông Lê-Lợi thắng được hai tướng nước Tàu, là **Lý-Bân** và **Trần-Trí**. Vua nước **Ai-lao** đã giúp ông Lê-Lợi hai năm trước, bây giờ lại trở theo Tàu, mà đem nhiều binh-sĩ voi-tượng đi đánh giúp quân ấy, song ông Lê-Lợi cũng thắng được.

Năm 1422, 1423, 1424, ông ấy lại thắng nhiều trận nơi nọ nơi kia trong nước. Các tướng Tàu kẻ thua, người tử trận. Nhà Minh rút mấy tướng thua Annam về, sai tướng mới mà tiếp đánh cho lại gan, song chẳng được việc gì. Ở xứ **Nghệ-an** và **Tân-Bình**, thì chính ông Lê-Lợi đề binh, còn ở **Thuận-hoá** có hai tướng ông ấy sai đốc chiến ; đầu đó quân giặc cũng thua binh Annam.

Khi ấy cả nước đều đầu phục ông Lê-Lợi, nên ông ấy kéo binh ra tỉnh Thanh-hoá đánh đại tướng quân giặc mới rút về đỏ, cùng bắt đảng Tây-đô, đoạn cũng bắt đảng Đông-đô, là Hà-nội, năm 1426. Bấy giờ người mới sai các quan đi chiêu an (*Bình-định*) khắp nơi, cùng đuổi hết các quân Ngô còn đóng đồn nơi nọ nơi kia trong nước.

Ông Lê-Lợi thật là anh-hùng chí-khí, đánh giặc này đã có san, lại mau chóng việc.

Năm 1428 ông Lê-Lợi xưng hoàng-đế, hiệu là Thuận-Thiên. Vua lập ra nhiều bộ mà lo việc nước cùng chia nước ra làm năm đạo (tỉnh).

Câu hỏi. --- Ai cứu nước Annam cho khỏi làm tôi nước Ngô ? --- Lê-Lợi hội đạo binh ở đâu và năm nào ? --- Lấy hiệu nào ? --- Đánh thắng nước nào ? --- Giặc ấy mấy năm ? --- Quân Ngô lấy xứ nào ? --- Năm 1419 mất tướng nào ? --- Dân nào giúp Lê-Lợi ? --- Tướng Tàu nào phải thua và năm nào ? --- Vua Ai-lao thì sao ? --- Lê-Lợi có thắng không ? --- Năm 1422-1424 Lê-Lợi còn thắng không ? --- Bên Tàu thì làm gì ? --- Lê-Lợi còn thắng đâu ? --- Ai thắng ở Thuận-hoá ? --- Lê-Lợi đi đâu ? --- Bắc kinh-đô nào ? --- Sai các quan đi làm gì ? --- Xưng hoàng-đế năm nào ? --- Lấy hiệu nào ? --- Chia nước mấy đạo ?

35 — Lê-thái-Tôn (1434-1442)

Năm 1433 ông Lê-Lợi qua-đời, thì con người là Lê-thái-Tôn kế vị.

(*) Độ chừng lúc đó nhà nước điều-chế luật-lệ, trước hết, thì nghị-định tiền dùng : đồng tiền có sức mẽ làm sao, miễn là còn lỗ xỏ được thì cũng phải ăn

Đời nhà Trần khi nộp thuế, thì một tiền là bảy mươi đồng, còn khi mua bán, thì một tiền có sáu mươi chín đồng mà-thôi ; mà từ này về sau thì một tiền là sáu mươi đồng. Lại cũng có nghị-định ít đều về toà-án : là hễ việc nhỏ-mọn, thì trước hết phải đem tới xã ; bằng chẳng xong, mới lần tới quan trên. Phép cân đo cũng có lệ định : một cây lụa là ba mươi thước, một cây vải là hai mươi hai hay-là hai mươi bốn thước ; một tập giấy là một trăm tờ. Ấy vậy những thói-phép người Annam còn giữ bây-giờ, thì đã có lâu đời lắm.

Câu hỏi. — Lê-Lợi qua-đời năm nào ? — Ai kế vị ?

36 — Lê-nhơn-Tôn (1442-1459)

ĐỜI LÊ-NHƠN-TÔN cứ đánh giặc với nước Chiêm-thành. Năm 1444 *Bi-Cai*, là vua nước Chiêm-thành xông đánh châu-Hoá bên bắc tỉnh Quảng-nam. Bấy-giờ hai tướng Annam là Lê-Khả, Lê-Bôi đem một vạo binh đi đánh đuổi quân ấy.

Năm sau, là năm 1445, nó lại xông vào Hoá châu, song cũng bị đuổi. Vua Lê-nhơn-Tôn thấy quân ấy dầu thua mấy lần, cũng chẳng núng gì, thì năm 1446 vua quyết đánh trận cả thể cho xong. Vì vậy có muôn vạn binh sĩ thâm-hiệp tại phủ Hà-Hoà bên nam tỉnh Hà-tĩnh, lương-phạn chở tới đó cũng thậm nhiều. Song lại sợ nước Tàu khuấy-rối mà lỡ việc, nên ngừa trước mà sai sứ đi tường tự sự cho vua nhà Minh hay : nước Chiêm-thành năng xông phá nước Annam là thế nào.

Xong các việc, thì tháng năm, hai tướng Lê-Thọ, Lê-Khả xuất chinh đánh nước Chiêm-thành, phá-tan đạo-binh nước ấy, rồi kéo thẳng

tới kinh *Đồ-bàn* (*Chà-bàn* tại *Bình-định*) lấy hết của-cải, bắt vua *Bí-Cai* điếu về *Hà-nội*, cùng đặt *Ma-kha-qui-Lai* làm vua thế ông ấy.

Câu hỏi. — *Lê-nhơn-Tôn* đánh giặc với ai ? —

Bí-Cai là ai ? — *Xông châu* nào ? — Ai thắng ? — Năm 1445 *Chăm* xông vào đâu ? — Có thua chăng ? — Nội năm 1446 *Lê-nhơn-Tôn* quyết sự gì ? — Hiệp binh sĩ ở đâu ? --- Sai sứ bên *Tàu* làm chi ? -- Bên ta có tướng nào ? -- Tướng ấy làm gì ? --- *Bí-Cai* bị gì ? -- Ai thế *Bí-Cai* làm vua ?

37³ — *Lê-thánh-Tôn* (1460-1497) và bốn vua kế vị.

Năm 1470 cũng còn thấy quân *Chăm* xông đánh nước *Annam* ; phen này nó đem tới một vạo binh, cùng nhiều voi ngựa.

Vua nước *Chiêm-thành* là *Đồ-Toàn* hay-là *Trà-Toàn* trước đã có sai sứ qua *Tàu* xin nhà *Minh* bảo-hộ. Vua *Lê-thánh-Tôn* lấy điều ấy làm sỉ-nhục quyết oán-trả, nên cũng sai-sứ đi tàu cho hoàng-đế bên *Tàu* tố việc quân *Chăm* đã gây giặc mà xông đánh nước *Annam* ; đoạn vua chiêu nhiều binh sĩ. Binh vua là hai vạo sáu muôn người, toàn là những lính thiện nghệ : cho đủ lương-phạn mà nuôi bấy-nhiều con người-ta, thì vua tăng thuế lúa.

Vậy vua kéo quân vào đánh nước *Chiêm-thành*, mà dọc đường vua và kéo binh đi và tập nũa. Tới tỉnh *Thuận-hoá*, vua truyền cho một người xứ ấy lấy hoạ đồ xứ quân giặc cho vua xem.

Nước Chiêm-thành kéo quân ra đón đánh, song bị thua cả thê, thành Đồ-bàn phải quân Annam bắt. Cứ lời Sử chép, thì kẻ chết nội trong thành dư bốn muôn, còn kẻ phải bắt kẻ ba muôn. Vua Trà-Toàn cũng bị bắt; nước vua ấy thì chia ba : mỗi phần đặt mỗi vua cai-trị mà phải làm chư-hầu nước Annam.

Ấy vậy từ nầy về sau các vua ấy phải quí lụy nước Annam, chẳng còn quyền binh gì bao-lắm ; mà đến đời các vua nhà Nguyễn lại càng khốn hơn nữa, là phải mất hết mọi quyền-phép như sẽ thấy sau nầy.

Cõi Nam nước Annam xưa rày ăn vào khối cửa Hàn một thí mà-thôi, mà bây-giờ ăn-luột vào khối tỉnh Bình-định.

Vua Lê-thánh-Tôn đầu mắc bua việc binh lính, mà cũng không quên các việc khác trong nước. Vua có tài trị nước lạ-lùng. Những công-việc vua đã làm cho ích quốc lợi dân, lẽ thì làm một sách riêng mà kể lại mới đáng. Vua chia nước làm mười hai tỉnh, nghị-định chức-phẩm quan-quyền, sửa luật-lệ, cùng truyền cho các người họ Ngô-sĩ-Liên có tiếng khéo chép sử-truyện, lo soạn lại Sử-ký nước Annam đã chép đời vua Lê-nhơn-Tôn. Thật vua nầy rất danh-tiếng nhất trong các vua nước Annam.

(*) Sử khen vua ấy rằng : vua có tính tốt-lành rộng cao như trời, trí-khôn sâu-sắc lạ-lùng ; đã rạng chữ minh quân hiền tướng, hào-kiệt anh-hùng ; trí-lượng cao thâm khoáng-đạt, chữ-nghĩa suốt thông ; nghề binh lính đã đáng làm thầy thiên-hạ. Đã vậy

vua còn cứ siêng-năng học-hành, yêu-dùng bàn-bạc với các người rất thông-thái trong nước.

Đời vua **Lê-hiến-Tôn** (1497-1504); **Lê-túc-Tôn** (1504); **Lê-mục-Đế** (1505-1509); **Lê-tương-dực-Đế** (1509-1516) không có chuyện gì lạ đáng kể.

Câu hỏi. — Năm nào Chăm xông vào nước An-nam nữa ? — Đạo binh thì sao ? — Vua Chăm tên gì ? — Sai sứ đi đâu ? — Lê-thánh-Tôn làm gì ? — Binh có đông không ? — Vua tăng thuế chi ? — Làm gì đương kéo binh ? — Tới Thuận-hoá làm gì ? — Ai thua ? — Đồ-bàn ai bắt ? — Chết và bị bắt hết mấy ? — Vua Chăm thì sao ? — Nước Chăm thì sao ? — Cõi nước Annam phía nam tới đâu ? — Nói tắt những công-việc vua ? Bốn vua kế vị tên là gì ?

38 — Lê-chiêu-Tôn (1516-1526)

Vua **Lê-chiêu-Tôn** lên ngôi năm 1516. Đời vua ấy cai-trị, nước Annam bị giặc nội **lâm hư-hại** lắm. Trong triều thì các quan lớn lấy thiết khí mà tranh quyền với nhau, ngoài các lĩnh quân loạn lung-hoành phá-phách.

Vua phải bỏ kinh-dò, mà chạy hai lần : một lần là **khi có người kia xưng mình là dòng dõi nhà Trần** mà tranh ngôi ; một lần nữa là cho **khởi quan Mạc-dăng-Dung hà-hiệp**. Mạc-dăng-Dung này là một quan lớn trong triều hay gây loạn đã có danh, lại đã soán hết mọi quyền-hành trong nước, vua chỉ còn có ngôi vua mà-thôi.

Câu hỏi. — Lê-chiêu-Tôn lên ngôi năm nào ? — Giặc nội thù nào — Vua bỏ kinh-dò mấy lần ? — Lần thứ nhứt tại sao ? — Lần thứ hai có sao ?

39 — Nhà Mạc tiếm quyền.

Khi vua Chiêu-Tôn trốn đoạn, thì năm 1522 Mạc-dăng-Dung, tôn Lê-hoàng-đệ-Thung lên ngôi kế vị. Vua Chiêu-Tôn trốn vào tỉnh Thanh-hoá; mà bởi kẻ theo phe vua vô phước ấy không hết bụng phò-giúp, thì Mạc-dăng-Dung bắt được mà giết năm 1526. Năm sau quan ấy ép vua Lê-hoàng-đệ-Thung từ chức, mà tiếm vị cùng xưng thượng vị, hiệu là **Minh-Đức**. Ấy là vua thứ nhứt nhà Mạc.

Nhiều quan triều chẳng muốn nhận vua tiếm vị. Trong các quan ấy có ông **Nguyễn-Kim** là người có danh tiếng lắm, cũng là tổ nhà Nguyễn đang cai-trị tại Huế bây-giờ; ông ấy chạy vào nước Ai-lao, chiêu một đạo binh; khỏi ít lâu trở-về đem con út vua Lê-chiêu-Tôn, là Lê-trang-Tôn theo, cùng tôn lên ngôi hoàng-đế, hiệu là **Nguyễn-Hoà** (1533-1548).

Quan Nguyễn-Kim bắt được tỉnh **Nghệ-an** cùng một phần tỉnh **Thanh-hoá** mà đóng dinh lập đồn ở đó. Vua Lê nghĩ công ơn ông Nguyễn-Kim, thì phong lên là chúa; đến sau khi ông này qua-đời, mà con, là Nguyễn-Hoảng, còn thơ-ấu, thì **Trịnh-Kiểm**, là rể, kế quyền. Mạc-Đăng-xưa khi chưa làm vua, đã có quyền-thế chừng nào, thì ông Nguyễn-Kim bây-giờ cũng được to quyền cậy thế mà làm sự trái đàu. Người hằng giữ đạo trung thần hết lòng phò vua vực nước cho tới chết, là năm 1545, mà chẳng có mong lòng phản-ngụy bao-giờ.

Năm 1520, Mạc-dăng-Dung đã trao vị cho con cả, là **Mạc-dăng-Doanh**, hiệu là **Đại-Chính**. Triều Bắc-kinh nhận nhà vua mới cùng phong Mạc-dăng-Dung làm **tham-tán** nước Annam. Đến sau dân nhà Lê đã lấy lại được hầu hết cả nước; song nhà Minh cũng cứ phủ-vực nhà Mạc, cùng nhận làm vua cai-trị các tỉnh ngoài bắc. Đến đời **Mạc-Kinh**, là vua rốt hết nhà Mạc, năm 1593, thì Sử mới hết nói tới nhà ấy nữa.

Trong khoảng bấy-nhiều năm, từ năm 1533 tới năm 1593, chỉ có những giặc-giã nhà Lê với nhà Mạc đánh nhau mà-thôi. Nhà Lê lấy được kinh-đô phía tây trong tỉnh Thanh-hoá. Trong giặc này ông Nguyễn-Kim bị một thằng nội-công theo nhà Mạc bỏ thuốc-độc mà chết (1545).

Nhà Mạc còn trị mấy tỉnh Ngoài Bắc-kỳ mà xem ra mấy tỉnh trong nam cũng còn ít nhiều kẻ theo phe nhà Mạc nữa. Binh lính hai bên vào ra đánh phá nhau luôn: khi thì nhà Lê kéo binh ra đông kinh là Hà-nội, khi thì nhà Mạc kéo binh vào Thanh-hoá hay-là Nghệ-an.

Trong những kỳ giặc này, Nguyễn-Kim nổi tiếng hơn hết, rồi tới Trịnh-Kiểm, Trịnh-Tùng. Còn các vua chính vị, là LÊ-TRANG-Tôn, LÊ-TRUNG-Tôn (1548-1556), LÊ-ANH-Tôn, (1556-1572), LÊ-THẾ-Tôn (1572-1599), thì giữ cái ngôi vua mà-thôi, kỳ dư việc gì cũng tại nơi tay các Chúa.

Câu hỏi : -- Vua trốn năm nào ? -- Ai thế vị ? -- Lê-chiều-Tôn trốn tỉnh nào ? -- Mạc-dăng-Dung bắt mà làm gì ? -- Năm nào ? -- Năm 1527 ai ép vua từ chức ? -- Ai tiếp vị ? -- Hiện nào ? -- Quan nào

mà không chịu nhà Mạc ? --- Đi Ai-lao làm gì ? --- Tôn ai làm vua ? --- Hiệu nào ? --- Nguyễn-Kim bắt tĩnh nào ? --- Được chức quyền gì ? --- Ai kể quyền ? --- Nguyễn-Kim giữ đạo trung thần luôn không ? --- Mạc-đăng-Dung trao vị cho ai ? -- Hiệu là gì ? -- Bên Tàu có nhận không ? -- Đặt chức gì ? -- Tàu có cứ phù vực nhà Mạc không ? --- Vua rốt hết nhà Mạc là ai ? --- Qua-đời năm nào ? --- Giặc nhà Lê với nhà Mạc thì mấy năm ? --- Nhà Lê bắt gì ? --- Nguyễn-Kim chết thế nào ? --- Năm nào ? --- Nhà Mạc trị tĩnh nào ? --- Giặc hai nhà thì sao ? --- Tướng nào có tiếng ? -- Còn bốn vua Lê đời ấy thì sao ?

40 — Quyền thế nhà Trịnh.

Các chúa nhà Trịnh được thần-thế lắm, mà từ đời Lê-thế-Tôn, thì một ngày một thêm. Đời vua trước, là Lê-anh-Tôn đã phải Trịnh-Tùng hà-hiếp chịu chẳng nổi, nên đem con trốn vào xứ Nghệ-an. Trịnh-Tùng tiếp binh đuổi theo. Vua Lê-anh-Tôn chun trốn trong đám mía, song Trịnh-Tùng cũng bắt được mà điệu về Hà-nội ; nhưng-mà dọc đường có người phe Trịnh-Tùng thất cổ vua ; còn con vua, là Lê-thế-Tôn, mới nên sáu tuổi thì lên kế vị.

(*) Khi vua Lê-thế-Tôn mới lên ngôi, thì các quan được thăng lên một bậc, nên các quan đều xin cho Trịnh-Tùng làm tổng thống hết các binh thủy bộ ; việc gì việc gì cũng phải tới thưa với quan ấy trước đã, rồi quan ấy tâu lại với vua.

Sử truyền rằng: năm 1599, quan Trịnh-Tùng được chức vương cùng được y-phục theo phẩm-chức.

(*) Vua ban phép cho quan ấy lập đền, cùng có

triều-dinh như vua vậy. Mọi quyền-phép đều về tay vua mới. Mọi việc binh dân, thuế khoá tiền tài trong nước thảy đều lo ở tại đền vua ấy. Vua chính vị thì còn được giữ một ngàn làng, để lấy thuế dâng tiêu-dụng mà-thôi ; được năm ngàn lính hầu, bảy voi cùng hai mươi chiếc thuyền rồng. Mấy lời ấy tỏ ra vua chính rày ra khốn-nạn chừng nào, tuy còn có vị vua, nhưng-mà thật là làm tội mà-chớ.

Năm 1592, binh quốc nhà Lê lấy được Đông-kinh là Hà-nội. Đầu năm 1593, vua *Mạc-mâu-Hiệp* bị quân vua nhà Lê bắt cùng *xử-tử*. Con là *Mạc-kính-Chỉ* thế vị, song cũng bị bắt. Vậy đã hết đời nhà Mạc ; còn ít vua kế vị vua *Mạc-kính-Chỉ*, song Sử-ký chẳng kể nữa. Dầu vậy, chưa phải mọi nơi phục quyền nhà Lê đâu, vì mấy tỉnh cuối ngoài bắc hãy còn về tay nhà Mạc chiếm giữ, cùng cứ làm như tổ loạn hơn năm mươi năm nữa ; cho-nên khi nhà Nguyễn làm loạn phía trong nam, mà nhà Trịnh có đi đánh, thì cũng phải sợ nhà Mạc xông phá phía ngoài bắc,

Câu hỏi : --- Thân-thế nhà Trịnh đời vua nào mà thêm ? -- Lê-anh-Tôn có sao trốn ? --- Đi đâu ? --- Trịnh-Tùng làm gì ? --- Lê-anh-Tôn chết thế nào ? --- Ai kế vị ? -- Vua ấy mấy tuổi ? --- Năm nào Trịnh-Tùng được chức vương ? -- Năm nào nhà Lê bắt đặng Đông-kinh ? --- Vua *Mạc-mâu-Hiệp* bị gì và năm nào ? --- Con ngài tên gì ? --- Bị gì ? -- Nhà Mạc vậy có hết không ? -- Còn làm gì ?

41 — Nhà Trịnh, nhà Nguyễn (1600) —
Đàng-ngòi, Đàng-trong.

Khi ông Nguyễn-Kim qua-dời rồi, thì mọi

quyền-thế ông ấy đều qua tay **Trịnh-Kiểm** là rề. **Trịnh-Kiểm** này là một tướng anh-tài, kì giặc đánh giúp nhà **Lê** phục quốc, thì đã được vang danh nổi tiếng lắm, song cũng là con nhà phạm dân.

Còn *Nguyễn Hoàng*, là con ông **Nguyễn-Kim**, thì năm 1558 đi làm **tổng-đốc Thuận-hoá (Huế)**. Ông ấy lo đi làm quan xa quê biệt cảnh làm vậy, âu là có ý thoát cho khỏi mưu **Trịnh-Kiểm** toan hại. Khi đã ra ngoài vòng khỏi sợ mưu-gian kẻ nghịch, chúc ấy mới lo tạo quyền dựng nghiệp cho mình được làm chúa một xứ, khỏi tùy phục ai, ấy là gốc-tích nhà **Nguyễn**.

Vậy từ khi ấy, hay-là sau một ít lâu, độ chừng năm 1600, thì nước **Án-nam** biệt ra làm hai nước riêng : phía bắc là **Đàng-ngoài**, phục quyền chúa **Trịnh** ; phía nam là **Đàng-trong**, phục quyền chúa **Nguyễn**.

Các chúa nhà **Trịnh**, nhà **Nguyễn** đều kêu lộn nhau là **ngụy**, song cũng đều nhận các vua nhà **Lê** làm vua chính vị. Mà các chúa nhà **Nguyễn** nhận vậy, là nhận lấy vị mà-thôi ; vì mọi việc ở **Đàng-trong**, thì các chúa tự quyền tự chủ mà lo cũng như vua riêng một nước, cho đến khi vua **Gia-long** bắt cả **Đàng-ngoài** mà kiêm-trị một mình.

Cõi hai nước là sông **Gianh**, ở bên bắc tỉnh **Quảng-bình**. Hai nước cũng có đánh giặc với nhau ít lâu, rồi ở yên độ một trăm năm, là từ năm 1672 đến năm 1774 ; mỗi nước có sử-ký riêng mình.

Năm 1774 **Trịnh-Sum** thừa dịp các quan ở triều **Huế** cầu cứu với mình mà vào lấy hết phía

bắc Đàng-trong. Cũng một lúc đó quân Tây-sơn đẩy nguy như sẽ thấy trong đoạn sau.

Trong khoảng một trăm năm, đàng-khi hai nước Đàng-ngoài Đàng-trong ở yên chẳng đánh giặc với nhau, như mới kể trên, thì Đàng-trong có đánh giặc với nước Chiêm-thành, nước Cao-mên và nước Xiêm. Còn Đàng-ngoài thấy có đi đánh giặc với những dân Mọi trên núi-non ít lần, lại bắt được Trần-ninh năm 1770 mà-hồi, không thấy có việc gì cho đáng kể nữa.

(*) Vả dân Annam bấy-lâu mở mang bờ-cõi nước mình được, cũng nhờ đánh các dân khác nòi, khác thói ở giáp phía nam. Rày Đàng-trong giáp các dân ấy, thì cứ đánh lấn vào, nên một ngày một mở rộng cõi nước, lại thêm hào-cường. Còn Đàng-ngoài bị lúng-lúng hai đầu : ngoài bắc bị nước Tàu chẳng lấn ra được ; chỉ còn chút đầu trong, là nước Đàng-trong, hoạ may có thắng được chẳng, nên cố tình đánh cho kiệt ít lâu, hết lối rồi cứ ở không ăn-chơi. chẳng lo việc giặc-giã nữa ; mà ở không làm vậy, thì phải tàn-hại mất nước. Cho-nên khi nhà Nguyễn lướt thắng được cơn bão táp dữ-dẫn là nguy Tây-sơn, thì nhà Trịnh, nhà Lê lại phải cơn bão táp ấy đùa đi mất.

Câu hỏi. : — Ai thế Nguyễn-Kim ? --- Trịnh-Kim là ai ? — Nguyễn-Hoảng đi làm gì và năm nào ? --- Ở gì ? — Lo việc gì ? — Làm gốc nhà nào ? — Chừng năm 1600, nước Annam biệt ra mấy nước ? — Nước nào ? — Còn nhà Lê thì sao ? --- Nhà Nguyễn ở làm sao ? --- Cõi hai nước ở đâu ? — Ở bình-an bao-lâu ? — Năm 1774 có việc gì ? --- Đàng-trong có giặc với ai ? — Đàng-ngoài đánh giặc với ai ? — Bắt Trần-ninh năm nào ?

42 — Giảng đạo trong nước Annam (1614).

Đời nhà Lê thì đạo Chúa mới lọt vào trong nước Annam ; khi ấy đã có hai nước Đàng-ngoài, Đàng-trong rồi. Vậy năm 1614 bên Nhứt-bồn có lệnh hoàng-đế truyền đuổi các người Tây giảng đạo ra khỏi nước, thì có ít Cha dòng Đức-Chúa-Giêsu, là người nước Italia và nước Bút-tu-ghê, ghé vào cửa-Hàn.

Năm 1624, Cha Alexandre de Rhodes cũng qua, cha này thật đáng gọi là tông-đồ nước Annam ; năm 1627, người phải ra Đàng-ngoài, rồi lại trở-về Đàng-trong.

Năm 1659, Đức-Cha de la Motte-Lambert lên chức Giám-mục coi-sóc địa-phận Đàng-trong Đức-Cha Pallu coi-sóc địa-phận Đàng-ngoài. Ấy là hai giám-mục trước hết Dòng-sai, là dòng lập để đi giảng đạo cho các nước ngoài ở cuối phương Đông. Các Cha Dòng-sai với các thầy Dòng Đức-Chúa-Giêsu và Dòng ông thánh Phanxicô và các Cha Toà lo-việc-giảng-đạo-sai, thì giảng đạo chung với nhau gần một trăm năm. Đến cuối đời thứ mười tám, thì còn có một mình các Cha Dòng-sai coi các địa-phận cõi Đông-pháp này. Các thầy Dòng ông thánh Đôminicô thuộc-về nước I-pha-nho qua cuối đời thứ mười bảy, thì coi-sóc một ít địa-phận Đàng-ngoài mà-thôi.

Dân Annam là dân rất sẵn lòng theo đạo Chúa. Năm 1640 số kẻ có đạo ở Đàng-ngoài tính hơn một vạn, mà hằng năm rửa tội, đồ-đồng có khi tới một muôn. Số bôn-đạo mau nổi lắm. Năm

1625, cha Tissanier dòng Đức-Chúa-Giêsu tới Đàng-ngoài thì thấy gần ba vạn bôn-đạo. Mọi bậc trong nước, từ triều-đình quan lớn cho tới linh-tráng dân hèn, bậc nào cũng có người theo đạo ; ai nấy đua nhau mà giữ đạo cho tử-tế, trong các tỉnh khắp nước có nhiều họ đạo sốt-sắng lắm.

Đàng-trong theo đạo không được mau như vậy, vì trong ấy dân ít, lại đàng thông-thương không được dễ. Cuối đời thứ mười bảy, thì bôn-đạo ở đó mới được tám muôn mà-thôi ; năm 1741, cha Siébert dòng Đức-Chúa-Giêsu làm thầy dạy toán cho vua, nói rằng : trong ấy được sáu muôn bôn-đạo cũ.

Song thương thay ! Hội thánh Annam chẳng mấy khi được yên cho bền ; nhiều phen phải cấm-cách, Đàng-trong cũng dữ, Đàng-ngoài cũng hung ; các thầy-cả giảng đạo phải đuổi, nhà-thờ phải triệt-bạ hay-là thiêu hủy. Trong những cơn cấm-cách này, nhiều bôn-đạo mới, đức-tin chưa vững, nên đã chối đạo : song cũng chẳng hiểm chi kẻ bền lòng chịu khó, vui-mừng đi chịu tử-hình như các thánh tử-đạo hồi đầu Hội-thánh.

Năm 1800 dẫu giặc Tây-sơn phá-tán mọi sự trong nước, bất kể việc đạo việc đời, mà tính số bôn-đạo Đàng-trong tới ba muôn, Đàng-ngoài hơn một vạn ba muôn, không kể mấy địa-phận về quyền các thầy dòng.

Câu hỏi. — Năm nào bắt đầu giảng đạo bên Annam ? — Có nào ? — Ở đâu ? — Ai gọi là tông-đồ nước Annam ? Qua năm nào ? --- Đi Đàng-ngoài năm nào ? --- Năm nào có giám-mục ? --- Đức cha

nào ? -- Về dòng nào ? --- Còn dòng nào nữa mà giảng ?
— Cuối đời thứ 18 còn dòng nào mà giảng --- Năm 1640 mấy người có đạo phía Đàng-ngoài ? --- Hằng năm rửa tội chừng mấy người ? --- Năm 1652 hơn số Đàng-ngoài được bao-nhiêu ? — Bậc nào trong nước mà theo ? --- Lễ nào ở Đàng-trong ít kẻ theo đạo ? --- Ở Đàng-trong hơn số có đạo được mấy ? --- Sự gì làm hại cho đạo Chúa trong cả nước ? -- Giặc Tây-sơn rồi, năm 1800, hơn số còn bao-nhiêu ?

Kể tắt lại các đời vua nhà Lê.

- 1418-1433 Lê-Lợi hay-là Bình-định-Vương. Được 51 tuổi, trị nước 6 năm, không kể 10 năm đánh giặc với Tàu.
- 1433-1442 Lê-thái-Tôn là con thứ vua Lê-Lợi qua đời mới có 21 tuổi.
- 1442-1459 Lê-nhơn-Tôn lên ngôi, rồi phải anh giết, sống được 19 tuổi.
- 1460-1497 Lê-thánh-Tôn sống được 56 tuổi.
- 1497-1504 Lê-hiến-Tôn sống được 44 tuổi.
- 1504 Lê-túc-Tôn được 17 tuổi, trị nước được một năm.
- 1504-1509 Lê-uy-Mục-đế. Vua này trị nước được 5 năm, rồi bị giết, sống được 22 tuổi.
- 1509-1516 Lê-trương-Dực-đế trị nước được 8 năm, rồi bị giết, sống được 24 tuổi.
- 1516-1522 Lê-chiêu-Tôn chạy trốn Mạc-đăng-Dung song quan nầy bắt được mà giết, sống được 26 tuổi.
- 1522-1527 Lê-hoàng-đệ-Xuân được 21 tuổi, lên ngôi năm 1522, rồi năm 1527 phải ép mà từ chức.
- 1527-1533 Nhà Mạc tiếm vị : Mạc-đăng-Dung, Mạc-đăng-Doanh.

- 1533-1548 Lê-trang-Tôn, là con vua Lê-chiều-Tôn,
nhờ ông Nguyễn-Kim giúp mà phục nghiệp,
được 34 tuổi.
1548-1556 Lê-trung-Tôn được 22 tuổi vô hậu.
1556-1572 Lê-anh-Tôn sống được 42 tuổi.
1572-1599 Lê-thế-Tôn được 33 tuổi.
-

Những vua thế vị vua Lê-thế-Tôn thì không
quyền hành gì nữa, mọi việc đều tại tay chúa : chúa
Trịnh ở Đàng-ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng-trong.

Dầu vậy cũng kể tên các vua ra đây :

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| Lê-kinh-Tôn (1599-1619) | Lê-hi-Tôn (1675-1705) |
| Lê-thần-Tôn (1619-1643) | Lê-dũ-Tôn (1705-1729) |
| Lê-chân-Tôn (1643-1649) | Lê-duy-Phường (1729-1732) |
| Lê-thần-Tôn (1649-1662) | Lê-thuần-Tôn (1732-1735) |
| (Lần thứ hai) | Lê-ý-Tôn (1735-1740) |
| Lê-huyền-Tôn (1662-1671) | Lê-hiền-Tôn (1740-1786) |
| Lê-gia-Tôn (1671-1675) | Lê-mân-Đế (1786-1793) |
-

ĐOẠN THỨ SÁU

Nhà Nguyễn (1793-1930)

43 — Gốc-tích nhà Nguyễn.

Có kẻ nói nhà Nguyễn có đã lâu đời : từ năm
900 lúc đánh thảo cho khỏi làm tội nước Ngô, thì
đã có một người nhà ấy nổi tiếng lắm.

Chúa thứ nhứt nhà Nguyễn, kể trong Sử-ký, là ông Nguyễn-Kim, hay-là Nguyễn-Do, cũng có người kêu là Nguyễn-Vi. Khi ông ấy chết rồi, thì được tặng lên chức vua. Trước nầy đã thấy ông ấy chạy qua nước Ai-lao năm 1529, hồi Mạc-đăng-Dung khởi ngụy, cùng tôn Lê-trang-Tôn lên làm vua.

Năm 1545, ông ấy bị một quan nhà Mạc thuốc mà chết, thì mọi quyền chức ông ấy đều về tay Trịnh-Kiểm là rề. Ông Nguyễn-Kim để lại hai con trai, một người tên là Uông, Trịnh-Kiểm ghét lắm, cách ít lâu rồi không rõ làm sao mà biệt-tâm. Còn người nữa, tên là Nguyễn-Hoảng nhờ thế chị là Ngọc-Báu, cũng là vợ Trịnh-Kiểm, nên được đi trấn trong xứ Thuận-hoá năm 1558 (tỉnh Thuận-hoá xưa gồm ba tỉnh : Quảng-bình, Quảng-trị. Thừa-thiên và phần bắc tỉnh Quảng-nam). Sử-ký kể truyện nhà Nguyễn lên cai-trị, thì lấy năm 1558 nầy làm năm đầu nhà ấy.

Câu hỏi. -- Gốc nhà Nguyễn thì sao ? — Chúa thứ nhứt là ai ? — Ông ấy làm gì ? — Quyền ông về tay ai ? -- Hai con trai Nguyễn-Kim tên gì ? -- Uông thì sao ? -- Nguyễn-Hoảng làm gì ? -- Xứ Thuận-hoá gồm tỉnh nào ? -- Đầu nhà Nguyễn là năm nào ?

44 — Nguyễn-Hoảng hay-là Tiên-Vương (1558-1613).

Nguyễn-Hoảng trong Sử-ký quen gọi là Thái-tổ-Gia-dũ-Hoàng-Đế, xin được vua Lê-anh-Tôn-Tuấn cho mình trị thêm tỉnh Quảng-nam. Lúc ấy tỉnh nầy gồm các xứ phía trong. Vậy phần đất ông ấy cai-trị ăn từ phía bắc tỉnh Quảng-bình

cho đến phía bắc tỉnh Phú-yên ; còn từ Phú-yên sắp vào là đất **Chiêm-thành** với **Cao-mên**.

Ban đầu ông ấy **tôn phục** vua Lê lắm, song một ngày một bót lần-lần, vì nhà Trịnh một lâu một thêm quyền trong triều Hà-nội.

Trịnh-Tùng là con *Trịnh-Kiểm*, thấy ý *Nguyễn-Hoảng* chẳng phục, thì tức-mình. Nên năm 1593 khi ông *Nguyễn-Hoảng* đi với các quan hầu ra nạp thuế cùng sổ bộ hạt mình cho vua Lê-thế-Tôn, thì *Trịnh-Tùng* **giục** vua cầm ông ấy lại tám năm, chẳng cho về *Đàng-trong*.

Năm 1600 nhờ dịp trong nước có loạn, mà quyết bứt ra đi. Vậy ông ấy với mấy người từng giả bỏ Hà-nội mà về Thuận-hoá. Có kẻ nói ông ấy cũng lấy hiệu **vương** như nhà *Trịnh* ở Hà-nội. Song dân kêu các vua ấy là **chúa** mà-thôi, đời nay cũng còn kêu là *chúa Trịnh chúa Nguyễn*.

Câu hỏi. -- *Nguyễn-hoảng* có hiệu gì trong *Sử-ký* ? — Xin vua cho thêm tỉnh nào ? — Vậy thì ông trị xứ nào ? — Còn từ Phú-yên sắp vào là nước nào ? — Có cứ **tôn-phục** vua Lê không ? — Ông *Trịnh-Tùng* là con ai ? — Năm 1593 làm gì ? — Năm nào *Nguyễn-Hoảng* về *Đàng-trong* ? — Có lấy hiệu nào ? — Còn dân thì kêu *Nguyễn Trịnh* bằng gì ?

45 — **Sãi-Vương** (1613-1635).

Nguyễn-Hoảng qua-đời, năm 1613 ; trước ông ấy nghĩ mình chẳng còn dính dự gì với triều *Đàng-ngòai* nữa, vì là triều nhà *Trịnh*, song cũng cứ nhận vua Lê. Ông ấy trối quyền cho con thứ sáu, là **Hi-tôn-Hiếu-văn-Hoàng-đế**. *Sử-ký* kêu là **Thế-Vương**, hay-là **Sãi-Vương**. Vua này cai-trị

từ năm 1613 tới năm 1635. Đòi người trị, nhà Trịnh đánh Đàng-trong.

Nhà Trịnh kéo binh vào lần trước hết, là năm 1620. Duyên-do là tại hai anh vua Hi-tôn khởi ngụy, mà rước nhà Trịnh là chính kẻ nghịch với nhà mình vào giúp. Trịnh-Tráng, là con Trịnh-Tùng, sai năm ngàn lính vào cửa-Nhứt-Lệ, nay là Đồng-Hới, cũng là thành chính tỉnh Quảng-bình, song lại phải rút về, không đánh gì hết.

Năm 1627 mới đánh cho thiệt việc. Số là năm 1625, Trịnh-Tráng sai quan vào Đàng-trong đòi chúa Nguyễn nộp thuế cho vua Lê. Vua Hi-tôn chẳng chịu, thì Trịnh-Tráng kêu vua ấy là ngụy mà xuất chinh đi đánh, lại đem vua Lê-thần-Tôn theo nữa. Binh thủy Đàng-ngoài tỉnh được một vạ ba muôn người. Vua Hi-tôn vội-vàng xây đồn đắp lũy mà nạy bên tả sông Nhứt-lệ, cùng nhờ lính mạnh tướng tài, thì đuổi được giặc.

Chúa Nguyễn thấy giặc nầy, mới biết lo phòng về sau. Nên chúa vội-vã toan phương lược thế mà giữ lấy cõi nước mình, là xây hai lũy rất lớn theo bờ sông Nhứt-lệ ; nay hãy còn thấy dấu lũy ấy. Cũng một lúc ấy chúa lại bắt lấy nửa châu Bó-Chính là phần bắc tỉnh Quảng-bình, trước đã về quyền cha mình mà sau nhà Trịnh lại chiếm đi. Vậy cõi bắc nước Đàng-ngoài là sông-Gianh ở ngoài đầu bắc tỉnh Quảng-bình.

Năm 1634, Trịnh-Tráng còn vào đánh một lần nữa ; duyên-do là tại người anh vua Hi-tôn, tên là Anh, làm quan trấn tỉnh Quảng-nam, muốn được quyền nhứt trong nước, thì rước vào. Nhưng-mà khi quân Đàng-ngoài vào, thì phe ông

Anh chẳng phụ-giúp được như đã trông, nên nó phải thua mà trốn về.

Câu hỏi --- Nguyễn-Hoảng qua-đời năm nào ? —

Trối quyền cho ai ? — Sử ký kêu hiệu gì ? — Sãi-vương trị mấy năm ? — Nhà Trịnh làm giặc năm nào ? --- Có chi ? --- Trịnh-Tráng là ai ? --- Sai mấy quân lính ? --- Tới đâu ? Có giao chiến không ? — Năm nào mà đánh cho thiệt ? — Có chi ? --- Ai đi đánh ? — Binh thủy mấy quân ? — Hi-tôn có ngử đảng không ? — Lo phòng về sau thế nào ? — Lấy châu nào ? — Đầu cỡi bắc nơi nào ? — Năm nào mà Trịnh-Tráng còn vào đánh nữa ? — Lẽ nào ? -- Thua hay-là thắng.

46 — Công-thượng-Vương (1635-1648).

Xong giặc này vừa được một năm, thì chúa Hi-tôn qua-đời là năm 1635. Thần-tôn-Hiếu-Chiêu-Hoảng-đế, Sử ký kêu là Công-thượng-Vương thế vị mà cai-trị tới năm 1648.

Đời chúa này, dân Đàng-trong xông chiếm phá châu-Bổ-chính còn về quyền nhà Trịnh, mà lập đồn nơi nọ nơi kia, nhứt là ở Mỹ-hoà, là cửa sông Gianh bên tả giang. Chúa Trịnh-Tráng trước sai binh sĩ, sau chính mình chúa thân chinh vào dẹp cho xong sự tệt thế ấy. Song dầu binh chúa kéo vào cho tới sông Nhựt-lệ, thì cũng không đuổi được dân Đàng-trong cho khỏi cửa Mỹ hoà ; lại phải tháo lui trở về, mà chẳng làm được việc gì.

Năm 1648 quân Đàng-ngoài kéo vào cho tới Dinh, là giữa tỉnh Quảng-bình, và chiếm cả xứ ấy một ít lâu. Con chúa Trần-tôn đem binh đánh đuổi quân giặc, thì nó phải vội-vàng trốn chạy.

Câu hỏi. -- Hi-tôn qua đời năm nào ? -- Ai kế vị ? -- Xông vào đất nào ? -- Lập đồn ở đâu ? -- Trịnh Tráng làm gì ? -- Thua đâu ? -- Năm 1648 quân Đàng-ngoài vào đâu ? -- Ai thắng ?

47 — **Hiền-vương** (1648-1687 — Giặc với nhà Trịnh.

Tướng mới đuổi được giặc trên này, là Thái-tôn-Hiếu-triết-Hoàng-đế, thường kêu là **Hiền-vương**. Chúa này thế vị chúa Thần-tôn, chính năm 1684, cũng cai-trị lâu lắm ; đời Người dân Đàng-trong đánh giặc với dân Đàng-ngoài nhiều lần.

Quân Đàng-ngoài cứ xông vào cõi đất bên hữu sông Gianh luôn, dân Đàng-trong không nhịnặng nữa, thì năm 1655 kéo quân sang qua địa-phận Đàng-ngoài mà thắng ra cho tới **Nghệ-an**, cùng bắt hết cả xứ cho đến năm 1661.

Dân Đàng-trong thắng được là nhờ quân nhà Trịnh trở lòng bỏ chúa, mà lại cũng nhờ hai tướng rất can-dã đã nổi tiếng lắm, là **Nguyễn-hữu-Tấn** và **Nguyễn-hữu-Dật**. *Trịnh-Tạc* sai những tướng nhút đi đánh trả, song cũng phải thua. Bấy giờ có tướng **Trịnh-Toàn**, là em **Trịnh-Tạc**, cũng là quận công cai tỉnh Ninh, thắng được quân Đàng-ngoài ít trận ; phải-chỉ chẳng có bị **Trịnh-Tạc** giết, thì có lẽ ông ấy cứu được quê-hương.

Trịnh-Tạc này thế-vị **Trịnh-Tráng** năm 1657. Vậy đến năm 1661, **Trịnh-Căn**, là con **Trịnh-Tạc** mới đuổi được quân Đàng-trong qua khỏi sông Gianh.

Quân Đàng-trong đi đánh giặc lâu làm vậy, thì đã kiệt lực, nên năm 1662 **Trịnh-Căn** kéo quân

vào lời **sông Nhựt-lệ**, thì thắng được nhiều trận ; nhưng vậy sau hết cũng phải rút về. Vì chung khi quan **Nguyễn-hữu-Dật** loan bỏ xứ **Bổ-chính-nam**, thì truyền đốt hết cả xứ, còn người-la thì rút về sau lũy **Trất-ninh**, là lũy bọc cả mé tả sông **Nhựt-lệ**. Quân **Đàng-ngoài** chẳng kiếm được lương-phạn thì phải tháo-lui.

Năm 1672 còn đánh một lần nữa. Phen này chính **Trịnh-Cần** thân chinh kéo binh vào đông lăm ; hai bên giao chiến với nhau rất dữ tại chơn lũy **Nhựt-lệ** ; tướng anh-hùng **Đàng-trong** là **Nguyễn-hữu-Dật** đánh được quân giặc, lần này mới dứt. Từ đó nhà **Trịnh** chịu nhận nhà **Nguyễn** làm chúa riêng **Đàng-trong**, cùng lấy **sông Gianh** làm giới-hạn hai nước.

Câu hỏi. --- Tướng thắng quân **Đàng-ngoài** là ai ? --- Lên ngôi năm nào ? --- Có giặc với người **Đàng-ngoài** năm nào ? --- Nhà **Nguyễn** bắt xứ nào ? --- Giữ xứ đó đến năm nào ? --- Nhờ sự gì mà thắng vậy ? -- Hai tướng rất can-dã tên gì ? --- Tướng nào có tiếng bên **Đàng-ngoài** ? --- Tướng ấy làm gì ? -- Bị sự gì ? -- Ai thế-vị **Trịnh-Tráng** ? -- Ai thắng quân **Đàng-trong** và năm nào ? --- Năm 1662 tới đâu ? --- Thắng hay-là thua ? --- Tại sao ? --- Năm 1672 chiến trận ở đâu ? -- Ai thắng ? --- Từ này về sau cõ hai nước ở đâu ?

48 — **Giặc với Chăm.** — **Dân ấy mất nước (1691).**

Nhà **Nguyễn** chẳng phải là lo mấy giặc mới kẻ lược-quá trước này mà-thôi đâu. Vì đương-khi giữ giặc phía bắc mà giữ lấy sự thông-dong, thì cũng cứ lo đánh dẹp phía nam mà mở nước cho rộng.

Vậy nước **Chiêm-thành** ở giáp cõi phía nam thì bị trước hết. Nước ấy từ hồi bị thua vua **Lê-thánh-Tôn** độ chừng năm 1470 cho tới lúc đó thì đã suy-sút lắm.

Sử truyền rằng : khi ông **Nguyễn-Hoảng** vào tỉnh **Thuận-hoá** thì nước **Chiêm-thành** phục quyền người, song cách ít lâu lại xòe phá trong nước.

Năm 1611 hay là 1612 không rõ, ông **Nguyễn-Hoảng** bắt được một phần nước dân ấy mà lập phủ **Phú-yên**.

Năm 1629, đời vua **Hi-Tôn**, nhà-nước lấy lẽ đi lập an trong nước **Chiêm-thành**, mà kéo binh sang đánh, cùng lấy thêm một phần đất nữa.

Năm 1653 **Thái-Tôn** ngũ niên, thì kinh-đô nước ấy cũng bị bắt ; vua **Bà-Bí** trốn chạy ; lần này lấy hết một phần lớn nước vua ấy, là tỉnh **Khánh-hoà** bây-giờ. Còn phần đất ở phía tây sông **Phan-rang** thì để lại cho vua ấy, song buộc hằng năm phải đi tiến cống vua **Đàng-trong**.

Năm 1691 là chính năm vua **Hiền-Tôn** lên ngôi, thì vua nước **Chiêm-thành** là **Bà-Tranh** phản-ngụy, song phải thua cùng bị bắt. Từ đó nước **Chiêm-thành** mới tuyệt-mất, còn bao-nhiêu đất nước ấy, thì bây-giờ nhập về đất **Annam**.

Câu hỏi. -- Nhà **Nguyễn** có giặc gì phía nam ?

-- Nước **Chiêm-thành** phải suy-sút từ năm nào ? -- Cũng có khi xòe phá **Đàng-trong** không ? -- **Nguyễn-Hoảng** lập phủ **Phú-yên** năm nào ? -- Năm nào cũng lấy phần đất nữa ? -- Kinh-đô bị bắt năm nào ? -- Vua **Bà-Bí** thì sao ? -- Lấy xứ nào ? -- Đặt cõi nơi nào ? -- Vua phải buộc đều gì ? -- Năm 1691 vua nào

ở Chiêm-thành ? --- Vua ấy phải nguy thì sao ? ---
Nước Chiêm-thành ra sao ?

49 — Giặc với nước Cao-mên.

Đương khi nhà Nguyễn chống với nhà Trịnh bên bắc, cùng bắt lấy nước Chiêm-thành bên nam, thì nhiều lần cũng đánh với Chơn-lập, nay là nước *Cao-mên*.

Năm 1658 vua nước này, là *Nặc-ông-Xân* xông vào phần đất Annam, thì có tướng *Đàng-trung* đánh bắt được vua mà điệu về *Phú-xuân*; có kẻ nói điệu về *Quảng-bình*, vì chúa *Hi-Tôn* đi đánh giặc *Đàng-ngoài* còn đang ngự ở đó. Chúa *Hiên-Tôn* tha cho vua nước *Cao-mên*, nhưng-mà bắt phải làm chư-hầu và nộp thuế hằng năm. Từ ấy về sau nước *Cao-mên* một ngày một phải Annam xâm-chiếm.

Lúc ấy đã có đông người Annam ở tỉnh *Biên-hoà*. Năm 1674 nhưn dịp *Cao-mên* làm loạn đuổi vua *Nặc-ông-Non*, thì hai tướng Annam bắt thành *Sài-gòn*, mà đặt lại ông *Nặc-ông-Non* làm quyền vương.

Cũng một lúc ấy có những người Ngô theo phe nhà Minh mới mất ngôi, qua xin vua *Anh-Tôn* cho đất ở, thì vua sai nó vào lập di-cư trong nước *Cao-mên*, có ý bắt nước ấy lần-lần. Lại đến sau hể lần nào nước *Cao-mên* có loạn, thì nước Annam cũng xen vào, tiếng là cho được dẹp an trong nước ấy, song thiệt sự là bắt hết các miền xung-quanh *Sài-gòn* mà nhập-vào nước Annam.

Bấy-giờ mới mộ hết những đứa bình bồng, những người không tên trong bộ các làng, từ

Quảng-bình cho tới cõi nam, mà chở vào mấy tỉnh mới chiếm được, cho nó lập xóm làng, cùng ở loạn ra các tỉnh xung-quanh.

Trong đời mười tám thì dân Annam bắt hết lục tỉnh Nam-kỳ, mỗi khi mỗi tỉnh ; còn tỉnh Hà-Tiên (lúc ấy là phần nam xứ Nam-kỳ) vốn là của người Tàu xứ Quảng-đông là Mạc-Cửu. Ông này là người binh phe nhà Minh, qua lập nghiệp từ đầu đời mười bảy, cùng chịu phục các vua Huế, nên các vua ban cho nhiều ơn rộng rãi. Đến sau quân Xiêm chiếm-lấy tỉnh này một ít lâu, rồi trước giặc Tây-sơn con cháu ông Mạc-Cửu lại khôi phục được.

Nhà Nguyễn bấy-lâu thấy một ngày một thêm mạnh, nước nhà mở rộng, song đến lối gần cuối đời thứ mười tám, thì đã hòng tàn-bại vì cơn nguy Tây-sơn mới nổi dậy.

Câu hỏi. --- Đàng-trong còn đánh giặc với nước nào ? --- Năm 1658 vua nào xông vào Đàng-trong ? --- Vua ấy bị gì ? -- Tha mà buộc đều gì ? --- Tỉnh Biên-hoà thì sao ? --- Năm nào mà thành Sài-gòn bị bắt ? --- Cớ nào ? — Đặt ai làm quyền vương ? — Người Ngô thì vua Anh-Tôn sai đi đâu ? — Bên ta lấy ý gì mà xen vào nước Cao-mên ? --- Làm thế nào cho có người Annam ở nước ấy ? — Lục tỉnh Nam-kỳ bị bắt hồi nào ? — Tỉnh-Hà-tiên của ai ? — Tại sao ? — Ai bắt lại ? — Đã trả chưa ? — Sao mà nhà Nguyễn hòng tàn bại ?

50 — Huệ-Vương (1765-1773) — Tây-sơn dấy nguy (1771).

Thế-Tôn, hay là Võ-Vương (1738-1765) cũng là vua có danh tiếng, nhưng-mà khi gần

chết lại từ con chính mà chọn con người vợ bé vua yêu lắm, lên làm vua thế vị. Vua làm thế ấy thì sinh nhiều đều tai-hại cả thế.

Vua *Duệ-Tôn-Hiếu-Định-Hoàng-Đế*, hay-là *Huệ-Vương*, còn nhỏ, nên quan phụ-chánh *Trương-phúc-Man* cầm quyền thay. *Trương-phúc-Man* này là người hay hà-hiếp lấy của thiên-hạ, cùng dùng quyền trái lẽ lắm, ai-ai cũng đều chán-ngán.

Năm 1771, ba anh em *Nguyễn-văn-Nhạc*, *Nguyễn-văn-Lự* và *Nguyễn-văn-Huệ* khởi ngụy mà bắt lấy thành *Qui-nhơn* năm 1773, cùng thẳng được binh vua sai vào dẹp loạn. *Nhơn-dân* chịu chẳng được quan phụ-chánh *Trương-phúc-Man* nữa, thì rùng-rùng theo đảng-ngụy. Còn các quan đại-thần trong triều *Huế*, thì lại làm đều càng quấy hơn nữa, là rước quân *Đàng-ngoài* vào cứu mình cho khỏi tay quan góm ghê ấy hà-hiếp.

Khi ấy *Trịnh-Sum* làm chúa *Đàng-ngoài*. Chúa ấy được tin, liền đem nhiều binh sĩ vào *Đàng-trong*. Các quan ở *Huế* bắt *Trương-phúc-Man* đem nộp cho chúa, tưởng nộp vậy thì xong, chúa kéo binh lui về. Chẳng hay *Trịnh-Sum* cứ kéo binh vào đánh được quân *Đàng-trong* một trận tại *Phú-Lễ*, rồi bắt được thành *Huế*.

Năm 1775, chừng lối tháng hai, chúa *Duệ-Tôn* trốn vào *Nam-Kỳ*. Quân *Đàng-ngoài* lấy hết phần bắc nước *Đàng-trong* cho tới cuối tỉnh *Quảng-ngãi* mà giữ cho tới năm 1786.

Duệ-Tôn vào *Nam-kỳ* chiếu được một toán binh, sai ra đánh quân giặc *Tây-sơn*, song phải

bại trận cả thê. Năm 1777, quân Tây-sơn thừa buổi thắng được, mà kéo quân vào các tỉnh phía nam. Nguyễn-văn-Lự bắt được thành Sài-gòn, rồi bỏ mà về Qui-nhơn ; còn tướng Nhạc ở Qui-nhơn thì xưng Hoàng-đế, hiệu là Quang-Tông, rồi cải là Thái-Đức.

Khi ấy ông Huệ vào Nam-kỳ lấy hầu hết cả xứ, cùng bắt được vua Duệ-Tôn mà xử tử với một người cháu vua ấy, năm 1778. Vua còn một cháu nữa, tên là Nguyễn-Anh, thì cả nhà vua đều nhận ông ấy làm đầu : Ấy là vua GIA-LONG.

Câu hỏi. — Thế-Tôn hiệu nào ? — Cai-trị được mấy năm ? — Chọn ai thế vị ? — Vua lấy hiệu nào ? — Ai cầm quyền ? — Ông ấy ai-ai lấy làm sao ? — Giặc Tây-sơn bắt đầu năm nào ? — Ba anh em làm đầu tên gì ? — Bắt thành Qui-nhơn năm nào ? — Dân thì sao ? — Các quan Đại-thần làm gì ? — Chúa Trịnh Sùu làm gì ? — Các quan nộp ai ? — Trịnh-Sùu giao chiến ở đâu ? — Chiếm thành nào ? — Chúa Duệ-Tôn trốn đi đâu và năm nào ? — Quân Đàng-ngôi bắt xứ nào ? — Giữ cho đến năm nào ? — Duệ-Tôn thua Tây-sơn năm nào ? — Quân ấy làm gì ? — Ai bắt thành Sài-gòn ? — Nguyễn-văn-Lự trở về đâu ? — Còn Nhạc thì sao ? — Hiệu nào ? — Ông Huệ làm gì ? — Năm 1778 chúa Duệ-Tôn bị sao ? — Còn một cháu chúa nữa tên gì ?

51 — Quân Tây-sơn cai-trị (1778-1802).

Ông Nguyễn-Anh nhờ quân Xiêm, thì lấy lại được các tỉnh Nam-kỳ, nhưng mà năm 1782 và 1783 thì lại phải bỏ mà chạy. Bấy-giờ ông ấy mới nghĩ tới việc xin nước Lang-sa cứu viện.

Vậy Đức Cha Phêrô (*Pigneau de Béhaine*,) là giám-mục Đàng-trong xuống tàu đi với con ông Nguyễn-Anh, tên là Cảnh, qua Langsa mà liệu việc cả thê ấy.

Còn ông Huệ khi đã lấy được xứ Nam-kỳ rồi, thì trở-về; năm 1786 ông ấy lấy được thành Huế, quân Đàng-ngòai đã bắt năm 1774, và cứ thắng luôn mà bắt hết đất Đàng-ngòai. Từ đó trong Sử ký chẳng còn nói tới nhà Trịnh nữa. Dầu vậy mặc lòng vua LÊ-HIỀN-Tôn (1740-1786) cũng cứ làm vua. Khi vua ấy băng-hà, thì chúa là Lê-mân-Đế nối ngôi. Song Nguyễn-văn-Huệ không kè vua ấy, một nghĩ mình là thật vua mà-thôi, nên lấy hiệu là **Quang-Trung**, mà cai-trị cho tới năm 1792. — Lê-mân-Đế qua Tàu năm 1789 mà băng-hà ngày 19 tháng 11 tây năm 1793.

Đầu năm 1789 có quân Tàu sai qua đánh giúp Lê-mân-Đế phục nghiệp, song phải thua quân quốc quan Quang-Trung cả thê lắm : cũng một năm ấy nước Tàu nhận Quang-Trung làm vua chính vị.

Con ông Huệ, là Nguyễn-quản-Toản thế vị cha, lấy hiệu là Cảnh-Thạnh cho tới năm 1801, rồi cải là Báu-Hưng. Năm 1787, ông Nhạc chia nước giao phía bắc cho ông Huệ, phía nam cho ông Lự ; còn mình thì giữ Quảng-nam, Quảng-ngãi và Bình-định. Cuối năm 1788 thì ông Lự qua-đời. Nhưng-mà quân ngụy Tây-sơn lại bất thuận với nhau, anh em chú cháu ganh nhau, nên chẳng khỏi bao lâu sẽ phải tàn-bại.

Lần-lần ông Nguyễn-Anh lấy lại được hết đất Nam-kỳ, rồi ra đánh bắt thành Qui-nhơn, là năm

1792. Các quan **Lang-sa** qua với Đức Cha Phêrô có công giúp vua trong giặc này, và các giặc sau lắm-lắm. Hai bên : vua và quân loạn đánh nhau mà giành thành Qui-nhơn hết tám năm tròn, khi bên nọ được, khi bên kia được, mà chẳng bên nào lấy được cho dứt.

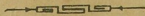
Ông Nhạc, hiệu là **THÁI-ĐỨC** xin cháu là **Quảng-Toản** đang làm vua **Đàng-ngoài** vào giúp. **Quảng-Toản** liền kéo binh vào chẳng những không giúp, mà lại cướp nước, cho nên một mình kiêm-trị cả **Đàng-ngoài** và phía bắc **Đàng-trong** nữa. Ông Nhạc qua-đời tháng 10 tây năm 1793.

Nhưng-mà trị chẳng bao-lâu, vì năm 1801, **Nguyễn-Anh** kéo quân bắt thành Huế, thì **Quảng-Toản** rút về **Đàng-ngoài**. Năm 1802 ông ấy lại kéo nhiều quân vào giao chiến với binh **Nguyễn-Anh**, mà phải thua cả thê tại bờ sông **Nhứt-lệ**, là chính nơi xưa nhà **Nguyễn** đã thắng nhà **Trịnh** chẳng biết bao-nhiêu trận.

Bấy giờ **Nguyễn-Anh** vội-vàng ra **Đàng-ngoài**, cùng lấy hết cả xứ ấy dễ như không. Xong việc ông **Nguyễn-Anh** xưng vương **Nam-Việt**, hiệu là **Gia-Long** hoàng-đế, kiêm-trị cả **Đàng-trong** **Đàng-ngoài**. — **Quảng-Toản** bị nộp (1802).

Câu hỏi. — Nhờ ai mà **Nguyễn-Anh** bắt tỉnh **Nam-kỳ** được ? — Thua lại năm nào ? — Xin ai giúp ? — Sai ai qua bên **Lang-sa** ? — Còn ông Huệ làm gì ? — Vua **Lê-hiến-Tôn** thì sao ? — Ai nối ngôi ? **Nguyễn-văn-Huệ** đặt mình làm vua lấy hiệu nào ? — Nước **Tàu** vào giúp chính vua thì sao ? — Có nhận **Quang-**

Trung làm vua không ? — Ai kế vị ông Huệ ? — Lấy hiệu nào ? — Ông Nhạc chia nước thế nào ? — Tây-sơn sao mà thua ? Năm nào Nguyễn-Anh bắt đảng thành Quinhon ? — Ai mà giúp ? — Giành thành Qui-nhon mấy năm ? — Ông Nhạc xin ai vào mà giúp ? — Quảng-Toản làm làm sao ? — Năm 1801 thành Huế phải bắt, thì Quảng-Toản phải làm gì ? — Năm 1802 thua ở đâu ? --- Nguyễn-Anh làm gì ? --- Xưng mình là ai ? --- Lấy hiệu nào ?



Kể tắt các vua nhà Nguyễn.

- 1558-1613 Nguyễn-Hoảng hay-là Tiên-Vương, là con thứ hai ông Nguyễn-Kim, sống được 89 tuổi.
- 1613-1635 Hi-Tôn hay-là Sãi-Vương, là con thứ sáu Nguyễn-Hoảng, được 73 tuổi.
- 1635-1648 Thần-Tôn hay-là Công-thượng-Vương là con thứ hai vua Hi-Tôn, được 48 tuổi,
- 1648-1687 Thái-Tôn hay-là Hiến-Vương là con thứ hai vua Thần-Tôn được 68 tuổi.
- 1687-1691 Anh-Tôn hay-là Ngãi-Vương là con thứ hai vua Thái-Tôn, được 43 tuổi.
- 1691-1725 Hiến-Tôn hay-là Minh-Vương, là con cả vua Anh-Tôn, được 51 tuổi.
- 1725-1738 Túc-Tôn, hay-là Ninh-Vương, là con cả vua Hiến-Tôn, sống được 43 tuổi.
- 1738-1765 Thế-Tôn hay-là Võ-Vương, là con cả vua Túc-Tôn được 52 tuổi.
- 1765-1777 Duệ-Tôn hay-là Duệ-Vương, là con thứ mười sáu vua Thế-Tôn cai trị thế Hưng-Tổ, là con thứ hai vua đã từ.
- 1778-1802 Nguyễn-Anh là Gia-long, là con thứ ba ông Hưng-Tổ ; năm 1802 mới cai được cả nước.

ĐOẠN THỨ BẢY.

Nhà Nguyễn (tiếp)

I — ĐỜI VUA GIA-LONG CAI TRỊ (1802-1820)

52 — Vua Gia-long được làm vua thống trị cả và nước Annam là từ năm 1802 : khi vua lên ngôi, thì xá tội cho các kẻ đã can án khởi nguy, cùng chuẩn cho nhơn dân khỏi thuế. Con cháu nhà Lê và nhà Trịnh ra mắt mừng vua, thì vua ban tước-phẩm cùng cấp đất cho. Vua nước Cao-mên sai sứ đến hầu, vua nước Nam-Chư-ông cũng đến viếng. Nhưng-mà năm 1804, vua Gia-long mới được sắc phong bên Tàu như vua đã xin.

Năm 1807 nước Annam được quyền bảo-hộ nước Cao-mên. Vì vậy năm 1810 khi nước Xiêm bắt ép vua nước Cao-mên, tên là Néắc-ông-Chăn cho ba anh em đã khởi nguy và đã phải đày được về, thì quan Nhơn, là tổng-đốc Sài-gòn vâng chỉ vua Gia-Long mà đi giúp nước Cao-mên.

Năm 1811, có một em vua Cao-mên còn khởi nguy, nên vua phải chạy-trốn tới Sài-gòn, Vua Gia-Long sai quân lính giúp nữa, và lập được hoà-ước La-bích (1813); cứ hoà-ước này, thì nước Xiêm chịu nhận Annam có quyền bảo-hộ nước Cao-mên.

Vua Gia-long dầu đã nhờ các quan Langsa phụ-giúp mới được phục quyền, song cũng không muốn làm quen với phương Tây. Năm 1801 có tàu Hồng-mao qua, mà vua không nói gì tới.

Năm 1819 vua sai ông Chaigneau, là quan Langsa có công trọng với vua, đi sứ về Tây.

Vua Gia-long thật có công trọng với nước Annam, vì chẳng những đã lập an-hoà mà-thôi, mà lại đã nhập cả trong ngoài thành một nước, đã được quyền bảo-hộ nước Cao-mên, cùng đã lập nhiều trường-học. Vua ấy cũng ra nhiều luật còn giữ đến nay, làm sổ đất Nam-kỳ, sửa bộ lại là năm 1804, cùng lập đảng quan từ cõi nước Tàu cho giáp nước Cao-mên.

Vua Gia-Long băng-hà ngày 3 tháng hai tây năm 1820. Trước vua đã chọn ông hoàng Đăm, là con vợ bé thế vị, dầu hai quan thống-chế Nguyễn-văn-Thiêng và Lê-văn-Duyệt ra sức can-gián, xin vua đặt con ca ông hoàng Cảnh; vì cứ lẽ tự-nhiên và cứ lệ nhà-nước, thì ông này được kế vị, song vua chẳng chịu; nên khi băng-hà, thì hoàng Đăm, là vua Minh-mạng, lên ngôi.

(*) Vua Gia-Long là người rất siêng-năng không hay thối chí, bền-tính thìn-từ, việc gì cũng có mẹo-mục ý chỉ, biết phân-xét ke đáng người không mà ban chức-phẩm xứng công vừa sức mỗi người. Có người Tây kia khen rằng: « Cả nước Annam đều tôn trọng vua lắm, mà thật là phải lẽ. Nhờ có vua kiên tâm vững chí cương-dõng làm vậy trong nước mới được an, nam bắc mới được nhập thành một nước; vua lo sửa-sang mọi sự trong nước cho toàn-hảo, cho-nên việc vua làm thật là cả thể cùng bền-đỗ lâu-dài. Đời người cai-trị, thì việc đạo nước Annam được bằng-yên luôn; vua ấy trọng-đãi các cha giảng đạo Langsa cùng hằng ở tử-tế với các đấng ấy luôn. »

Câu hỏi. — Năm nào vua Gia-Long thống trị cả nước ? — Lên ngôi, Gia-long làm làm sao với kẻ khởi nguy ? -- Với dân ? -- Với cháu nhà Lê và nhà Trịnh ? — Vua nào sai sứ ? — Vua nào đến viếng ? -- Gia-long được sắc phong bên Tàu năm nào ? — Nước An-nam bảo-hộ nước Cao-mên năm nào ? — Năm 1810 xảy việc gì ? — Còn giặc nữa không ? — Lập hoà-ước La-bích năm nào ? — Cứ hoà-ước đó nước Annam được sự gì ? — Vua Gia-long ở làm sao với người phương Tây ? — Năm 1804 có tiếp-dãì Hồng-mao không ? — Năm 1819 vua sai ai đi sứ bên Tây ? — Vua Gia-long có công gì với nước Annam ? — Vua băng-hà năm nào ? — Đã chọn ai mà thế vị ? — Quan nào không bằng lòng ? -- Muốn ai ? -- Lẽ nào ? — Có được việc không ?



II — ĐỜI MINH-MẠNG CAI TRỊ (1820-1841)

53 — Vua Minh-mạng ban đầu thì theo lối cha mà cai-trị, nên thiên-hạ ngờ là khôn-ngoan chín-chắn, song lần-lần lại ra khác lắm.

Vua ấy độc-dữ đến đời đành giết tới người tôn-tộc. Vua đã luận giết vợ cùng hai con ông hoàng Cảnh. Các người thân-nghĩa với vua cha, thì vua cũng không kiêng : ông Lê-văn-Duyệt may đã thoát-khỏi tay vua, song hai cha con ông Nguyễn-văn-Thiêng lại bị cáo gian tội nội công mà phải luận hình xử-tử là phải tự-ái.

Từ năm 1833 tới năm 1838, vua giết và giám-mục và thầy-cả Tây là chín đấng, còn các thầy-cả bốn-quốc cùng nhiều bốn-đạo, thì phải chém-giết, lao-tù cùng đày-đọa khổ-sở ai hầu kẻ xiết!

Ý vua Minh-mạng là không muốn thông-thương với các nước phương Tây chút nào, ai-ai cũng rõ sự ấy. Năm 1821, ông Cbaigneau trở qua đi sứ lo việc buôn-bán bên Annam, song vua ăn-ở lơ-láo lạt-lẽo với ông ấy lắm, cùng chẳng chịu đều gì sốt.

Năm sau có mấy người Hồng-mao sang xin vào hầu vua, mà vua chẳng cho vào. Vả lại trong mấy quan Langsa đã giúp vua Gia-long, khi ấy còn có hai ông ở nuôi lại trong nước Annam mà-thôi, là ông Cbaigneau và ông Vannier ; song khi thấy vua Minh-mạng chẳng ưa mình nữa, thì cuối năm 1824 hai ông ấy cũng phải bỏ mà trở-về Tây.

Năm 1825, vua Minh-mạng chẳng khăng khặt thơ vua nước Langsa gửi qua. Năm 1832 có người cháu ông Cbaigneau đi sứ qua lo việc thông-thương hai nước với nhau, mà cũng không đặt việc gì. Dầu vậy khi hồng tạ-thế, vua Minh-mạng cũng sai sứ qua Lang-sa, song vua Luy Phi-lip-phô chẳng chịu tiếp sứ ; mà khi sứ về thì vua đã băng rồi.

Năm 1822, dân Cao-mên dấy loạn, thì quan Lê-văn-Duyệt dẹp được, cùng chia nước làm ra hai tỉnh : Nam-vang và Gò-sặt. Năm 1834, khi vua Néac-ông-Chăn bị quân Xiêm xông đánh mà phải trốn-chạy, thì quan Trương-minh-Giảng cai đất Nam-kỳ giúp vua phục hồi làm vua như trước, cùng chia nước ra làm ba mươi ba phủ. Vua nước Cao-mên qua-đời năm 1836, thì con-gái thứ hai vua ấy lên cai-trị, tên là Ngọc-Vân.

Trước này đã thấy quan Lê-văn-Duyệt thoát

được tay độc-dữ vua Minh-Mạng, mà trở-về cai-trị trong cõi Nam-kỳ. Quan ấy chết năm 1832 ; đời người chẳng bao giờ ưng việc bắt đạo, dầu vua ra mấy sắc-chỉ, cũng không vâng.

Khi quan ấy chết rồi, thì đất Nam-kỳ chia ra sáu tỉnh, mỗi tỉnh mỗi quan tổng-đốc. Bấy-giờ có quan tổng-đốc Sài-gòn muốn bắt tội ông Lê-văn-Duyệt, rằng ông ấy muốn lập nước riêng ; lại cáo quan Lê-hựu-Khôi, cũng kêu là Lê-văn-Khôi, đồng tình với quan Lê-văn-Duyệt mà mở lối rừng ; các quan hầu quan Lê-văn-Duyệt xưa lấy làm tức mình lắm.

Vậy khi quan Khôi thấy mình đã mất chức, lại phải ra Huế, thì thà phất cờ làm loạn cho rồi, liền dấy loạn ; tức-thì các quan khác đều theo, mà chẳng khỏi bao-lâu, thì lấy được hết đất Nam-kỳ. Chẳng may quân ấy sinh bất-thuận với nhau, lại thêm có người đồng-loã, tên là Thái-công-Triều, bỏ phe.

Quan Trương-minh-Giảng mắc lo đi đuổi quân Xiêm, nên phải bỏ vây thành Sài-gòn hết một năm tròn, mới bắt được, là ngày 8 tháng chín tây năm 1835. Các quân trong thành phải giết hầu hết, tướng nó thì điệu về Huế mà chịu xử bình. Còn tướng Khôi thì chết đương lúc phải vây. Vua Minh-Mạng oán ông Lê-văn-Duyệt đến đổi truyền xiềng mõ ông ấy, cùng đánh một trăm trượng.

Ngoài Bắc có loạn hai lần. Một lần là khi vua chú-hầu Bao-lạc là Nùng-văn-Vân bắt tỉnh Cao-bằng, chiếm phá ba tỉnh, đoạn chịu chết thiêu trên núi mà chẳng chịu ra lai hàng. Dòng vua

Lê-xưa cũng dấy loạn, song chóng phải thua, mà tướng Lê-duy-Lương bị quân vua bắt điệu về Huế và xử-tử làm một cùng các kẻ a-tùng với mình.

Vua Minh-Mạng bị té ngựa mà chết ngày hai mươi mốt tháng giêng tây năm 1841.

(*) Vua ấy thiệt là người rất hay chữ-nghĩa cùng sáng-trí lắm, nhưng-mà bỗn-tính độc-dữ, bỗn-bực cùng quỉ-quái lắm, cách cai-trị đã điên-đảo lại vô nhơn. Vua Minh-Mạng đã giữ được nước Annam cho nguyên vẹn như cựu, nhờ vì đã giết hết mấy tay làm loạn; song bởi vua ấy ăn-ở kiêu-căng chẳng muốn thông-thương với các nước thiên-hạ, thì lại làm cho nước-nhà nguy-hiểm về đàng khác mà-chớ.

Câu hỏi. — Vua Minh-Mạng có theo lối Gia-long không? — Độc-dữ với tôn-tộc mình làm sao? — Quan nào thoát-khỏi đặng? — Nguyễn-văn-Thiêng bị gì? — Nội sáu năm vua giết Giám-mục và thầy-cả Tây mấy đấng? -- Còn ở với thầy-cả bỗn-quốc và bỗn-đạo làm sao? -- Ăn-ở với phương Tây làm sao? -- Năm 1821 ông Chaigneau về, vua ở thề nào với ông? -- Năm 1822, có cho Hồng-mao vào không? -- Ông Chaigneau và ông Vannier phải bỏ nước Annam năm nào? -- Năm 1823 có nhận thơ vua Lang-sa không? — Còn năm 1832 cháu ông Chaigneau đi sứ có được việc không? — Vua cũng có sai sứ qua Lang-sa không? — Năm nào Lê-văn-Duyệt phải dẹp nước Cao-mên? — Chia mấy lĩnh? — Năm 1834 quan nào vào Cao-mên? — Có sao? -- Chia nước ấy mấy phủ? -- Ai nổi vì Néac-ông-Chăn và năm nào? — Lê-văn-Duyệt qua đời ở đâu? — Năm nào? -- Quan ấy có bắt đạo không? -- Ông qua đời, chia Nam-kỳ mấy tỉnh? — Quan Tổng-đốc Sài-gòn làm gì? — Quan hậu Lê-văn

Duyệt ở làm sao ? — Ông Khôi làm gì ? — Sao mà không được việc ? — Ai bắt thành Sài-gòn ? -- Năm nào ? -- Tướng quân thì sao ? — Vua làm thế nào ? — Bên bắc được mấy loạn ? -- Loạn thứ nhứt thì sao ? — Loạn thứ hai thế nào ? — Minh-Mạng chết có sao và năm nào ?

III — ĐỜI VUA THIỆU TRỊ (1841-1847)

54 — Khi vua Thiệu-Trị lên ngôi, thì rút quân giữ nước Cao-mên trở-về; tức-thì quân Xiêm xông-vào nước ấy, vua bà Ngọc-Vân phải trốn qua Châu-đốc. Bấy-giờ nước Annam và nước Xiêm đánh giặc với nhau cho tới năm 1847 mới có hoà-ước đặt ông Néac-ông-Đuông làm vua Cao-mên và nước Xiêm được mấy xứ Cao-mên là Bát-tam-bang, Ang-kor cùng xứ Lào bên nam. Vậy nước Annam phải thua cả thế.

Đời vua Thiệu-Trị không có người Tây nào phải giết, vua chỉ giam tù mà-thôi. Có năm cha Tây sang giảng đạo với một Đức-Cha phải tù, mà quan Langsa đòi thì vua liền tha. Năm 1847, có hai chiếc tàu Langsa qua xin vua cho người Tây được ở yên trong nước Annam, và người Annam được thông-dong giữ đạo mặc-ý. Xin vậy cũng là đều phải lẽ cùng nhơn-ái. Phải lẽ là vì trong thiên-hạ chẳng nước nào nỡ để ai hà-hiếp con dân nước mình ; còn nhơn-ái là vì chẳng cho người-ta tin-thờ mặc-ý mà lại chém-giết người-ta, thì chẳng dân nào văn-minh một thí, mà chằng lấy sự ấy làm độc-dữ gớm-ghiếc.

Nhưng-mà vua Thiệu-Trị chẳng bằng-lòng, nên lập mưu **mời** các quan tàu lên dự yến, có ý giết các quan cùng đốt tàu : may quan chúa-tàu biết ý, thì **kiểu** **chẳng** đi. Bấy-giờ đoàn binh thủy Annam kéo ra mà **đốt** **tàu** Lang-sa như lệnh vua đã truyền, song có một chiếc tàu Langsa **bắn** nội hai giờ mà đã phá-tan cả đoàn binh thủy Annam là bốn răm ngàn con người-ta ; đoạn lính Langsa kéo lên đất ngày 15 tháng tư tây năm 1847.

Vua Thiệu-Trị nghe tin quân mình phải thua, thì liền ra sắc **bắt** **đạo** ; nhưn-mà cũng một năm ấy, là năm 1847, ngày mồng bốn tháng mười một tây, vua bị **uất** **máu** mà chết.

(*) Vua Thiệu-Trị là người kém trí-khôn, dụ-dựa chẳng quyết-định điều gì cho dứt ; vua ấy có đủ mọi điều dở sự hư của vua cha, còn đều hay sự tốt thì không có chút nào. Vậy nên đời Minh-Mạng nước nhà đã phải điều gì dở-đang hư-tệ, thì đời vua này cũng còn vậy chẳng sửa được. Đến khi vua chết, thì nước phải suy-sút yếu-nhược, đã thua nước Xiêm, lại thêm mắc phải cheo-leo đàng khác nữa, là vua ăn-ở chẳng thiết bụng, nên đã bị Langsa đánh-phá cửa Hàn.

Câu hỏi. — Sao mà quân Xiêm vào Cao-mên ? — Vua Bà trốn đi đâu ? — Annam Xiêm đánh giặc tới năm nào ? — Ai làm Vua Cao-mên ? -- Nước Xiêm được cái gì ? -- Vua ở thế nào với người Tây ? — Vua có tha các cha và Đức Cha không ? --- Năm 1847 tàu Lang-sa qua xin điều gì ? --- Điều ấy có phải không ? — Tại sao ? -- Thiệu-Trị lập mưu nào ? --- Thế nào mà quan Lang-sa khởi **đặng** ? --- Lệnh vua thì sao ? -- Người Lang-sa làm làm sao ? --- Lên đất ngày nào ? --- Vua ra sắc gì ? --- Chết năm nào ? -- Có nào ?

Kể tắt từ vua Gia-Long đến vua Thiệu-Trị.

1802-1820 ĐỜI GIA-LONG.

Nước Annam được quyền bảo hộ nước Cao-mên năm 1807, song nước Xiêm chẳng nhận quyền ấy, nên phải đánh giặc với nước ấy ; đến năm 1813 mới lập được hoà-ước La-bích ; từ đó quân Xiêm mới chịu nhận Annam có quyền bảo-hộ nước Cao-mên.

Các quan Langsa đã giúp vua Gia-Long, lần lần trở về Tây hết, mà nước Annam thì cứ muốn ở riêng, chẳng chịu thông thương với các nước thiên-hạ.

Vua Gia-Long băng-hà mà cũng còn để danh thơm tiếng trọng, người người đều kính vì khen ngợi.

1820-1841 ĐỜI MINH-MẠNG.

Vua ăn ở độc dữ với dòng họ vua, với các người thân nghĩa cùng vua cha, với các Thầy-cả Tây giảng đạo, cùng kẻ có đạo. Đời vua ấy cũng chưa nước nào được vào buôn bán trong nước Annam. Quân Cao-mên khởi ngụy, mà phải thua năm 1822 ; vua cũng thắng được quân Xiêm, cùng đặt Néắc-ông-Chấn làm vua Cao-mên năm 1834.

Trong Nam-kỳ có giặc ngụy Lê-văn-Khôi (1833-1835), ngoài Bắc-kỳ có giặc ngụy Nùng-văn-Vân và Lê-duy-Lương, song vua dẹp được cả.

1841-1847 ĐỜI THIỆU-TRỊ.

Vua này thua nước Xiêm (1841-1847) chịu hoà cùng giao cho nước ấy xứ Bát-tam-bang, Ang-kor và xứ Lào bên nam, cùng chịu để cho nước Xiêm đặt Néắc-ông-Đuông làm vua nước Cao-mên. Năm 1847 vua toan mưu đốt hai chiếc tàu Langsa, thì lại phải mất hết một đạo binh thủy, mà lính Langsa kéo lên cửa Hàn.

IV — ĐỜI TỰ-ĐỨC (1847-1883)

55 — Thiệu-Trị băng-bà đoạn, chính phép thì con cả là ông Hoàng-Bảo, cũng kêu là An-phong, làm vua, song chẳng dặng, mà con thứ là Tự-Đức lên nối ngôi trị nước Annam. Năm 1848, vua này ra sắc cấm đạo, truyền : hễ bắt được các thầy đạo Tây, thì cột đá vào cổ mà quăng xuống biển ; các thầy đạo Annam thì thích tự vào mặt mà dày đi, còn dân phạm thì phạt cho nặng.

Đến năm 1851 vua lại ra sắc khác nhất hơn sắc trước mà rằng : bắt được các thầy-cả bốn-quốc thì phân thân, chủ chứa cũng vậy, ai giác được các đảng ấy, thì vua trọng thưởng. Vậy nên từ năm 1851 đến năm 1857, vua luận xử các đảng giảng đạo và Lang-sa và I-pha-nho, kẻ là một Giám-mục và năm linh mục. Chẳng những vua ra chỉ dụ chung thế ấy mà thôi, mà lại cũng mật riêng truyền cho các quan phải bắt đạo cho riết, nên đời vua ay bon-dạo chết hầu như vô số.

Vua chẳng được an gì với trong nước-nhà. Vua đã giết anh, là **An-phong** cho khỏi tranh ngôi, song lại có phe âm mưu tập-lập quyết tôn con cả ông ấy, là **Hoàng-Tôn** lên làm vua; vì vậy vua **Tự-Đức** giết hết cả nhà ông ấy, dầu một đứa nhỏ mới sáu tuổi vua cũng chẳng tha.

Trót đòi vua cai-trị, thì ở **Đàng-ngoài** những loạn-lạc luôn. Có người kia, tên là **Phê-rô Lê-bảo-Phụng**, xưng mình là dòng-dõi nhà **Lê**, cùng quyết tranh ngôi trị nước, ông ấy qui được hai muôn người, kéo đánh thắng được binh triều một trận (1862).

Khi ấy tướng **Phụng** có xin nước **Langsa** giúp, mà nước **Langsa** đang lo việc hoà-ước với vua **Tự-Đức**, nên chẳng chịu. Vậy **Lê-bảo-Phụng** cứ đánh cho đến năm **1865**, đoạn kéo binh vượt biển vào vây **Huế**; rủi bị bão, đoàn tàu tấp vào bờ, ông ấy bị bắt cùng xử-tử.

Năm **1873** quân nhà **Lê** lại muốn khôi phục nữa, đến xin ông **An-Nghiep** (**Garnier**) giúp, song chẳng được, thì nó cứ đánh một mình, bắt được nhiều thành; giả-như khi ấy nước **Langsa** chẳng cứ lời giao mà giúp vua **Annam**, thì có lẽ nó làm nên việc.

Nước **Annam** cũng mất quyền bảo-hộ nước **Cao-mên** nữa. Vì năm **1863** ngày **11** tháng tám tây, vua **Phra No-ro-dom** lập hoà-ước với quan tổng-thống thủy quân nước **Langsa** mà giao cho nước ấy bảo-hộ nước **Cao-mên**. Có ông **Pù-kâm-bô** ra sức làm loạn, mà loạn nầy mau an, không hại gì lắm.

Câu hỏi. — Cứ phép ai phải lên ngôi ? — Ai thiệt lên ? — Năm 1848 làm gì nghịch đạo Chúa ? — Sắc ấy dạy đều chi ? — Từ năm 1851 có sắc nào nữa không ? — Dạy đều gì ? -- Năm 1851 đến năm 1857 vua luận xử mấy đảng ? — Còn bôn đạo thì sao ? — Vua có được an trọng nước nhà không ? — Đã giết ai ? — Có phe muốn tôn ai ? — Tự-Đức làm gì ? — Còn ở Đàng-ngoài thì sao ? — Ai tranh ngôi ? — Có thắng được không ? — Lê-bảo-Phụng xin nước Langsa giúp không được, có sao ? — Ông Phụng đánh đến năm nào ? — Rồi đi đâu ? — Bị sự gì ? — Nhà Lê còn đánh năm nào ? -- Sao mà không được việc ? -- Nước Annam mất quyền bảo-hộ nước Cao-mên năm nào ? — Có sao ? — Bên nước ấy ai loạn ? -- Có được không ?

56 — **Vua và nước Langsa** — Năm 1851 có thơ nhà-nước Langsa gọi qua, mà vua chẳng cho lọt vào triều, nên quan cai tàu Catinat lên đất, bắt đồn cửa Hàn, trám khẩu sáu mươi súng lớn, rồi bỏ mà đi. Dầu vậy vua cũng chẳng ra mềm lòng hơn, vì sau ông Mon-li-gny đi sứ qua, thì vua cũng chẳng cho vào.

Nước Langsa và nước I-pha-nho thấy nước Annam đã giết dân mình, lại còn làm sỉ-nhục thề ấy, thì quyết báo-oán. Vậy ngày mồng một tháng chín tây, năm 1858, binh hai nước bắt đồn cửa Hàn, rồi kéo thẳng vào Nam-kỳ phá đồn Vũng-Tàu tháng hai tây năm 1859 ; đoạn cứ sông thẳng lên bắt thành Sài-gòn, ngày 18 cũng một tháng ấy.

Bấy-giờ binh Langsa mắc qua đánh giặc bên nước Tàu còn có 800 người ở lại mà chịu với

quan Nguyễn-tri-Phường, mà bên quan ấy có đông binh tướng lắm. Khi đoàn binh ở nước Tàu về, thì kéo lên Chi-hoà, là đồn kiên-cố đại-tướng quân Annam trú đó ; đầu bên ta đánh trả mạnh-bạo hấn-hòì, nhưng-mà cũng bị thất thủ, là ngày 24-25 tháng hai tây năm 1861. Lăn lăn mấy tỉnh Mỹ-tho, Biên-hoà, Vĩnh-long cũng bị Lang-sa chiếm-bắt.

Tháng năm tây, năm 1862, vua Tự-Đức sai quan Phan-thanh-Giảng và quan Lâm-duy-Hiệp vào Sài-gòn lo việc giao-hoà. Ngày mồng năm tháng sáu tây triều thần ký hoà-ước giao ba tỉnh Sài-gòn, Mỹ-tho, Biên-hoà cho nước Langsa, cùng chịu bồi bốn triệu đồng-bạc, là hơn hai mươi triệu quan tiền tây. Vua Tự-Đức đóng ấn vào lời giao-ước, ngày 14 tháng 4 tây năm 1863.

Hoà thì hoà vậy, nhưng-mà cũng hay còn trông lấy lại được mấy tỉnh đã mất. Nên vua sai quan Phan-thanh-Giảng làm chánh sứ, hai quan khác làm bồi sứ cùng năm mươi chín quan hầu đi sứ qua thành Phari, ngày mồng bốn tháng bảy. Nhà-nước Lang-sa tiếp tử-lễ, song chẳng khăng chịu các đều sứ xin. Bấy-giờ quan Phan-thanh-Giảng lại qua nước I-pha-nho, mà đến ngày 18 tháng ba tây năm 1864 mới về tới Nam-kỳ. Khi sứ còn bên Tây, thì bên Annam cũng cứ lo bàn hoà, mà vua Tự-Đức những kêu ca đòi thấp dần-dà cho đến khi được lệnh Hoàng-dế Langsa, thì việc bàn hoà mới xong.

Dầu nước Langsa đã lấy thành Sài-gòn mặc-lòng, mà quan loạn còn hay xô g đánh đồn nọ phá chỗ kia, tìm đảng lấy lại mấy tỉnh đã mất. Vậy cho được dẹp an, cùng oán-trả vua Tự-Đức, vì đã hai lần chẳng cho sứ Langsa vào châu, thì binh Langsa lại kéo lên tỉnh Vĩnh-long. Nội trong bốn ngày, là từ 20 tới 24 tháng sáu tây năm 1867, thì đã bắt được cả-và ba tỉnh.

(*) Có quan tây kia kể lại giặc này mà rằng : Quan Phan-thanh-Giảng biết mình chống chẳng lại, không sức làm theo lệnh vua truyền mà binh giữ quê-hương cho khỏi mất mấy tỉnh mình cai, thì quyết tự-vận. Vì vậy quan ấy dầu đã già bảy mươi bốn tuổi cũng ăn-chay hai ngày, đoạn biệp vầy gia-thất một lần sau hết, lấy thuốc-độc mà uống trước mặt phò kè ấy. Uống đoạn nằm trước cái hòm đã dọn sẵn, mà trời dặn con-cái chó có đũa nào theo giúp Langsa, song mấy đũa còn bé-thơ, thì dặn phải cho ăn học theo thói-phép bên Tây. Sau hết quan thê thốt dốc nguyên giữ trọn một lòng trung quân ái quốc, bèn sinh-thì.

Năm 1870, vua Tự-Đức quyết thừa dịp nước Lang-sa đánh giặc với nước A-lê-ma-nha mà lấy lại mấy tỉnh đã mất, song mắc ngoài Bắc-kỳ dấy loạn, nên chẳng làm chi được.

Từ năm 1871 có một người lái-buôn Lang-sa tên là Đồ-phủ-Nghĩa (Dupuis), mở lối thông-thương với tỉnh Vân-nam, theo ngõ sông Hồng giang, là sông chảy qua giữa xứ Bắc-kỳ, Quan trấn xứ chẳng chịu thì sớ tấu vua.

Vậy năm 1873 vua xin nước Langsa xử việc ấy, thì nước Langsa bèn phái quan An-nghiep (Francis Garnier). Quan An-nghiep tới Hà-nội

cũng một năm ấy, là năm 1873, có ý tra-xét việc ông Đồ-phủ-Nghĩa, chẳng hay các quan cai xứ chẳng nhận quyền quan ấy, lại dè-duôi, nên thành ra việc giặc.

Vì vậy quan An-Nghiệp đem một trăm tám mươi quân bắt thành Hà-nội, mà quan toàn quyền Nguyễn-tri-Phương bị thương và phải bắt. Có người Langsa lo chữa dấu-vết cho quan Nguyễn-tri-Phương, và rịt thuốc the, song ông ấy đã bại trận, thì tức mình chẳng muốn sống nữa bèn mở thuốc rịt mà quăng đi, nên phải chết.

Cũng một năm ấy quan An-Nghiệp tử trận ngày 21 tháng chạp tây.

Ngày 15 tháng ba tây năm 1874, hai nước làm hoà-ước với nhau : Annam giao lục tỉnh Nam-kỳ làm của Langsa cũng chịu nước ấy bảo-hộ : Langsa, thì trả mấy xứ đã bắt ngoài Bắc-kỳ. Ngày 31 tháng tám cũng một năm đó có hoà-ước mới điều định việc buôn-bán.

Dầu vậy mà vua Tự-Đức cũng còn kêu với nước Tàu, năm 1880, lại sai sứ đi tiến cống bên Bắc-kinh. Ấy là lỗi hoà-ước, nên khi nước Langsa hay được, thì có lời trách vua, song vua chẳng kể sao lời phân trần làm vậy.

Bởi đó nước Langsa sai quan tư Ri-vi-ère ra Hà-nội lấy thành một lần nữa, ngày 25 tháng tư tây năm 1882, rồi bắt luôn thành Nam-định ngày 27 tháng ba tây năm 1883 ; song đến ngày 19 tháng năm, quan ấy lại phải quân Annam giết. Bấy-giờ sứ nước Langsa đang ở Huế thì ra khỏi kinh-đô, lại có binh tiếp kéo ra Bắc-kỳ, chẳng hay ngày

17 tháng 7 tây cũng một năm ấy, vua Tự-Đức băng-hà, trị nước được 36 năm.

Bên Nam-kỳ việc nước Langsa như sau này. Trước hết nước Langsa trả cho xong mỗi nợ nước Annam còn mắc với nước I-pha-nho, lo đẹp an trong đất Nam-kỳ, phá-tan các đảng nguy, đoạn mới lo cho dân-sự đặng mở-mang thịnh-vượng.

Dầu Annam cứ khẩn-khẩn một mực chẳng chịu học-đòi sự văn-minh các nước, mà nước Langsa cũng lo cất nhả-thương, nhà-trường, lập đèn-điện tại Vũng-Tàu (*Cap St-Jacques*). Năm 1862, gây nên cuộc dây-thép mà thông tin-tức thơ-từ, lập lại trường thi chữ nho, dạy chữ quốc-, Lữ dạy cân-đo theo phép bên Tây, đắp đàng quốc sá trong thành, xây bờ dựa sông dựa biển, làm cầu, khai mương. Có hội lo việc canh-nông, lo việc tài nghệ ; có vườn thảo-mộc, có chỗ để sửa tàu-bè, có hội sắm tàu chuyên-chở trong sông, lại có xe-lửa từ Sài-gòn tới Chợ-lớn (1881). Lăn-lăn cũng có người Annam lo việc trong xứ, vì đã có Hội-Đồng-quản-bạt (1880) ; năm 1882 lại lập thêm một hội nữa, kêu là Hội-Đồng bốn-bạt, cũng là cho Annam nhờ.

(*) Vua Tự-Đức là người minh-mẫn tốt trí, song cách vua cai-trị bất khôn ; bỗn-tính hiền-lành, mà đã đổ máu muôn vạn mạng-nhơn. Nên vua cai-trị càng lâu thì nước Annam càng khốn. Vua ấy cứ riêng tư một mình chẳng chịu thông-thương với các nước thiên-hạ, nhứt-là với Langsa, mà làm cho An-

nam ta rày còn đeo chữ đốt-nát, lại thêm mất nước. Giả-như vua nghe lời quan Phan-thanh-Giảng mà mở-mang cho dân Annam được học-đòi các nước văn-minh, thì có lẽ lấy lại được ba tỉnh Nam-kỳ ; có đâu phải mất luôn lục tỉnh, mất quyền bảo-hộ nước Cao-mên, sau hết bị Langsa cai-trị cả đất Annam như vậy ?

Câu hỏi --- Năm 1851 vua được thơ nước Langsa thì làm làm sao ? --- Quan cai tàu làm gì ? --- Ông Montigny có vào được không ? --- Hai nước Langsa và I-pha-nho lẽ nào mà quyết báo-oán ? --- Bắt cửa Hàn năm nào ? --- Rồi vô Nam-kỳ làm gì ? --- Binh Langsa phải qua bên Tàu nên còn mấy quân lính ở Sài-gòn ? --- Tướng Annam tên là gì ? --- Binh Langsa về thì có trận ở đâu ? --- Bên ta thua ngày nào ? -- Người Langsa còn bắt tỉnh nào ? -- Năm 1862 ai vào sứ việc hoà ? --- Ký hoà ngày nào ? -- Hoà-ước buộc ta việc gì ? --- Vua đóng ấn ngày nào ? -- Vua còn trông gì ? --- Sai ai đi sứ ? -- Ngày nào ? --- Nhà-nước Langsa có chịu trả mấy tỉnh không ? --- Quan Phan-thanh-Giảng còn đi đâu ? --- Trở-về Nam-kỳ ngày nào ? --- Đương sứ đi, bên Annam làm gì ? --- Sao mà không được việc ? --- Quân loạn còn làm gì --- Tại sao quân Langsa phải đánh ? -- Kéo lên tỉnh nào ? -- Nội trong mấy ngày mà bắt được ba tỉnh ? -- Năm 1870 vua quyết đều chi ? -- Sao mà không làm đặng ? --- Đốc-phủ Nghĩa là ai ? -- Ai không chịu người đi buôn vậy ? -- Năm 1873 vua xin gì ? --- Ai đi sứ ? --- Năm nào ? -- Các quan thì sao ? --- An-Nghiệp có mấy quân mà bắt thành Hà-nội ? --- Nguyễn-tri-Phương bị gì ? --- Làm gì ? -- An-Nghiệp thì sao ? -- Làm hoà ngày nào ? --- Hoà buộc ta đều gì ? --- Buộc Langsa sự gì ? --- Còn hoà-ước gì nữa ? --- Năm nào vua sai sứ bên Tàu ? --- Làm vậy có lỗi hoà chăng ? --- Nước Langsa sai ai ?

--- Quan ấy bắt thành nào ? --- Rồi bị sự gì ? --- Sứ Langsa ở Huế làm gì ? -- Binh Langsa đi đâu ? --- Năm nào Tự-Đức băng-hà ? -- Bên Nam-kỳ nước Langsa làm sự gì ? -- Còn bên Annam thì sao ?

V — ĐỜI DỤC-ĐỨC (1883)

57 — Vua Tự-Đức không con, nên đã nuôi ba cháu là Dục-Đức, Kiến-Phước và Đồng-Khánh làm con. Vua Dục-Đức lên kế vị theo lời Tự-Đức đã trối, mà bởi vua này chẳng kể sao hai quan phụ-chánh là Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường, thì hai quan ấy tích lòng thù-oán mà cáo cho vua một tội rất nặng. Vậy vua phải án giam mà chết rũ tù ; cho-nên cai-trị được có mấy ngày mà-thôi. Ngày 30 tháng bảy tây năm 1883 triều-thần tôn Hiệp-Hoà lên ngôi.

Câu hỏi. — Ba cháu vua Tự-Đức nuôi tên gì ? -- Ai kế vị ? -- Lễ nào vua phải cáo và ai cáo ? -- Vua băng-hà làm sao ? -- Triều-thần tôn ai và ngày nào ?

VI — ĐỜI HIỆP-HOÀ (1883)

58 — Vua mới này ban đầu thì hết lòng vì nể hai quan phụ-chánh đã tôn mình lên làm vua, song chẳng khỏi bao-lâu lại lấy làm chán-ngán, nên viết-thơ xin quan khâm-sứ Langsa giúp ; chẳng may hai quan ấy bắt được thơ liền bày đều hạch tội vua, rằng phá của nhà-nước, cũng bắt vua phải uống thuốc-độc mà chết.

Đời vua Hiệp-hoà có đoàn tàu quan đô-thống-thủy-sur Courbet bắn phá đồn cửa Thuận-

an ngày 20 tháng tám tây, rồi kéo quân lên đất bắt đồn ; nhưng-mà có sứ Annam ra cầu hoà, thì Langsa đình chiến.

Ngày 25 tháng ấy có hoà-ước giao cho nước Langsa được thêm tỉnh Bình-thuận, cùng được quyền bảo hộ đất Trung-kỳ và Bắc-kỳ nữa. Bấy-giờ có toán quân Annam nổi dậy nhờ quân Tàu phụ-giúp mà chống-cường hoà-ước mới này, nên nước Langsa còn phải đi đánh giặc với nó ngoài Bắc-kỳ.

Câu hỏi. — Vua mới ở với hai quan phụ-chánh thế nào ? — Làm gì ? — Hai quan có bắt thơ dâng chầu ? — Hạch tội nào ? — Ép vua làm gì ? — Đòi vua ấy quân Langsa phá đồn cửa nào ? — Ngày nào ? — Đình chiến chi ? — Hoà-ước ngày nào ? — Chịu điều gì với nước Langsa ? — Ai chống-cường hoà ấy ? — Nước Langsa thì phải đánh ở đâu ?

VII — ĐỜI KIẾN-PHƯỚC (1883-1884)

59 — Vua Kiến-Phước là cháu vua Hiệp-Hoà cũng là cháu vua Tự-Đức, còn trẻ tuổi, tính nết nhu-mì hoà-nhã, trí-khôn sâu-sắc tinh-tường. Vua ấy cai-trị chẳng bao-lâu, lên ngôi ngày 30 tháng 11 tây năm 1883, tới ngày 31 tháng 7 tây năm 1884 thì băng-bà. Có kẻ nói vua bị quan Nguyễn-văn-Tường bỏ thuốc-độc mà chết.

Đời vua ấy binh Langsa lần-lần bắt được cả đất Đàng-ngoài. Lấy tỉnh Sơn-tây tháng chạp năm 1883, năm sau tháng ba lấy tỉnh Bắc-ninh, tháng tư lấy tỉnh Hưng-hoá.

Ngày 11 tháng năm tây, nước Tàu làm lời i giao cho nước Langsa được quyền bảo-hộ nước Annam. Ngày mồng sáu, tháng sáu, năm 1884, nước Annam và nước Langsa ký một tờ hoà nũa; cứ hoà-ước nầy, thì Langsa nhường lại tỉnh Bình-thuận, còn Annam thì chịu nước ấy bảo-hộ cả Trung-kỳ và Bắc-kỳ.

Câu hỏi. — Vua Kiến-Phước là cháu ai ? — Cai trị bao-lâu ? — Bị gì mà băng-hà ? — Binh Langsa lấy tỉnh nào năm 1883 ? — Còn năm 1884 lấy tỉnh nào nũa ? — Nước Tàu làm sự gì với nước Langsa ? — Năm 1884 nước Annam ký tờ gì ? — Nước Langsa nhường tỉnh nào ? — Còn Annam chịu sự gì ?



Kể tắt lại từ đời Tự-Đức.

1847-1883 ĐỜI TỰ-ĐỨC.

Vua Tự-Đức ra hai sắc bắt đạo (1848 và 1851). Trót đời vua quân nhà Lê hằng muốn khôi phục ngoài Bắc-kỳ luôn, ở Huế lại có phe muốn hạ chức vua.

Nước Cao-mên về quyền Langsa năm 1863, Langsa giúp vua nước ấy dẹp phe loạn Pù-kấm-bô.

Vua không cho sứ nước Langsa vào châu, nên nước ấy bắt cửa Hàn (1848) bắt Sài-gòn (1859), đánh quan Nguyễn-tri-Phương tại Chi-hoà (1861), lấy mấy tỉnh trong Nam-kỳ Ngày 5 tháng sáu năm 1862 có hoà-ước nhường cho nước Langsa ba tỉnh Mỹ-tho, Sài-gòn và Biên-hoà.

Có sứ Annam qua Langsa và I-pha-nho xin chuộc ba tỉnh mới nhường (1864-1867), song không được việc gì. Năm 1867, nước Langsa có ý dẹp loạn cho xong, thì bắt thêm ba tỉnh trong Nam-kỳ mà quan Phan-thanh-Giảng thì tự-vận.

Năm 1873 vua xin nước Langsa tính việc ông Đốc-phủ-Nghĩa ngoài Bắc-kỳ, thì lại sinh chuyện, nên bị mất thành Hà-nội.

Nước Annam không giữ lời giao ngày 15 tháng ba tây năm 1874, nên Langsa bắt thành Hà-nội một lần nữa (1882). Đất Nam-kỳ dầu loạn-lạc trộm-cướp, song dân-sự một ngày một thạnh.

1883 Vua DỤC-ĐỨC lên ngôi trị nước được ít ngày mà-thôi. Rồi tới HIỆP-HOÀ trị được bốn tháng. Ngày 25 tháng tám tây có hoà-ước chịu nước Langsa bảo-hộ nước Annam và đất Bắc-kỳ

1883-1884 ĐỜI KIẾN-PHƯỚC.

Ngoài Bắc-kỳ giặc giã hoài. Ngày 6 tháng sáu tây năm 1884, có hoà ước mới với nước Langsa.

VIII — ĐỜI HÀM-NGHI (1884-1885)

60 — Có lời hoà-ước thì nước Langsa phải nhận vua mới. Hai quan phụ-chánh muốn qua, nên tự lệnh mà tôn Ham-Nghi lên làm vua ngày 2 tháng 8 tây 1884, thì nước Langsa chẳng chịu. Đến khi có lời triều-dinh xin, thì nước Langsa mới

nhận Hàm-Nghi làm vua, nên phải làm lễ tôn vương một lần nữa là ngày 17 cũng một tháng ấy.

Cứ hoà-ước ngày 15 tháng ba tây năm 1884. nước Tàu phải rút quân ra khỏi đất Bắc-kỳ, mà quân Tàu chẳng rút, nên hai bên Langsa và Ngô đánh nhau. Nước Tàu cứ khăng-khăng **chẳng chịu giữ lời** giao thì nước Langsa qua đánh giặc chính bên nước ấy, **phá đồn Phước-châu** (Fou-tchéou) từ ngày 18 tới 20 tháng tám tây năm 1884 ; **vây cù-lao Đài-loan** (*Formose*) ngày 20 tháng mười tây ; **bắt đồng-gò Bàn-hồ** (Pescadores) tháng ba tây năm 1885.

Đang lúc Langsa đánh giặc bên Tàu, thì cũng còn đề linh ở lại mà đánh giặc tại Bắc-kỳ. Vây Langsa bắt tỉnh Lạng-sơn ngày 13 tháng hai tây năm 1885 ; song phải vây ở Tuyên-quan, mà quan tư tên là **Đô-mi-nê** (Dominé) bị **vây** trong đồn làm vây, đã chịu với quân Tàu hơn hai tháng trời, là từ ngày 20 tháng chạp tây năm 1884, tới mồng ba tháng ba năm 1885. Tàu bắn hơn một vạn trái phá và một triệu phát súng tay mà **không** chiếm được thành. Sau hết nước Tàu phải thua mà ký hoà-ước ở thành Thiên-Tân (Tientsin) ngày mồng 9 tháng sáu tây năm 1885 ; lần này nhà-nước Tàu mới rút quân ra khỏi Bắc-kỳ.

Bên Cao-mên ngày mồng 8 tháng giêng tây năm 1885 ông Si-Vattha dấy loạn, song tới ngày 19 ông ấy phải thua tại **Công-bông-chăm** (Konpor gebam.) Quân loạn nghỉ yên một ít lâu, đoạn tới cuối tháng tư tây lại nổi đánh nữa cho

tới cuối tháng sáu tây, rồi tháng mười một tây cũng còn đánh nữa.

Năm 1886 thì nước Cao-mên mới thiết yên. Còn ông Si-Vattha chẳng ai ngờ tới nữa, lại thêm đau-yếu, thì mới chịu ra-hàng đầu năm 1892 và chết ngày 31 tháng chạp tây cũng một năm ấy.

Còn trong Nam-kỳ, có người thợ thớt kia tên là Nguyễn-văn-Burong thừa dịp loạn Cao-mên, còn có 130 lính tây giữ thành Sài-gòn, mà quyết chiếm thành, Nhà-nước bắt được nó, song các quân a-lùng với nó phá-phách nhiều nơi, lúc đó là tháng hai tây năm 1885.

Ngày mồng hai tháng bảy tây năm 1885, có quan Langsa tên là Cu-rô-xi (COURCI) tới Huế; tức-thì bai quan Thuyết và Tường loan mua sát-hại. Vậy đêm mồng năm mồng sáu, có hai muôn người Annam xông đánh quân Langsa, mà phải thua vỡ-chạy. Rạng ngày rõ lại thì vua Hàm-Nghi, quan Tôn-thất-Thuyết và bà-thái-hậu đã chạy-trốn mất rồi.

Còn quan Nguyễn-văn-Tường cứ ở gần kinh-dô : quan ấy có ý dễ thắng-thắng mà lo, chẳng may vua nghe lời Tôn-thất-Thuyết mà làm vội quá. Quan Langsa kỳ ít ngày cho kẻ trốn thì được về không sao, thì bà-thái-hậu cùng hai em vua bỏ vua ở Quảng-trị mà về Huế. Còn Tôn-thất-Thuyết đem 1500 người ra xứ Cam-lộ.

Nguyễn-văn-Tường thì Nhà-nước bắt đầy qua Côn-nôn, rồi lại đầy sang củ-lao Ta-hi-ti cùng cấp bổng hằng năm là sáu vạn quan tiền tây ; ông ấy chết ở chốn đây, ngày 30 tháng bảy tây

năm 1886, mà chưa được hưởng lương nhà-nước cấp cho là bao-lâu.

Bấy-giờ phe Văn-thân tưởng giết kẻ có đạo thì khỏi tay Langsa, nên truyền bắt đạo. Trước hết quân ấy nổi giết đạo tại tỉnh Quảng-ngãi ngày 13 tháng bảy tây năm 1885, rồi tràn ra các tỉnh khác. Có mười Cổ và hơn sáu muôn bốn-đạo phải giết như vậy. Mà lệnh truyền bắt đạo chẳng phải bởi Nhà-nước ra, nên bốn-đạo nghĩ rằng : chống lại được. Vậy ở Quảng-nam bốn-đạo cổ Thiên (Maillard) tại Phú-thượng, và bốn-đạo cổ Nhơn (Bruyère) tại Trà-kieu thắng được Văn-thân : ở Quảng-ngãi bốn-đạo Trung-sơn, ở Phú-yên bốn-đạo Cây-gia, v. v. cũng thắng được.

Câu hỏi. — Vua lên ngôi có chuyện gì ? — Bên Lang-sa và Ngô đánh nhau có chi ? — Giặc bên Tàu thì sao ? — Giặc Bắc-kỳ thì sao ? — Quan nào ở Tuyên-quan ? — Bên Tàu vây bắt thế nào ? — Có được việc không ? — Hoà-trước ở đâu ? — Năm nào ? — Nước Tàu có rút quân không ? — Bên nước Cao-mên ai dấy loạn và năm nào ? — Thua ở đâu ? — Còn loạn mấy khi nữa ? — Yên năm nào ? — Còn ông Si-Vattha thì sao ? — Bên Nam-kỳ ai dấy loạn ? — Có được việc không ? — Năm nào ? — Quan Tây nào vào Huế ? — Ai toan mưu ? — Đêm nào bên ta mà đánh ? — Mấy quân lính ? — Thắng hay-là thua ? — Vua trốn với ai ? — Nguyễn-văn-Tường thì sao ? — Quan Langsa làm gì ? — Ai về ? — Tôn-thất-Thuyết đi đâu ? — Còn Nguyễn-văn-Tường thì sao ? — Chết năm nào ? — Phe Văn-thân làm gì ? — Bắt đầu làm ở tỉnh nào ? Tử-vì đạo mấy người ? — Các bốn-đạo tỉnh làm sao ? — Nơi nào chống lại được.

IX — ĐỜI ĐỒNG-KHÁNH (1885-1889)

61 — Vua Hàm-Nghi chẳng chịu về kinh-dô, thì ngày 14 tháng chín tây năm 1885 triều-thần tôn Đồng-Khánh, là em vua ấy, lên làm vua nước Annam. Vua mới này được 23 tuổi, trí-khôn tinh-tuông, ăn-ở lịch-sự tử-tế, ưa ở sang-trọng oai-ngibi. Ban đầu có nhiều người Annam chẳng phục vua mới, cứ làm loạn binh vua Hàm-Nghi.

Vua Hàm-Nghi trốn lên mọi, ở đó với con quan Tôn-thất-Thuyết tên là Thiệp, cùng hai quan lớn, một đầy-tớ Annam và một đầy tớ Mọi ; triều-thần vua là bấy-nhiều đó ! Cửa ăn thì là cơm với muối ! Ngày mồng một tháng 11 tây năm 1888 có quan lãnh binh, tên là Ngọc, với Nguyễn-tinh-Dinh là đầy-tớ nhà vua khi trước, đem hai mươi người Annam đi ban đêm lên đó, thì bắt được cả thấy. Thiệp và hai quan lớn phải đâm chết. Bấy-giờ vua Hàm-Nghi thấy mình bị kẻ nội-công, thì trao gươm cho quan lãnh Ngọc mà rằng : « Giết trẫm đi cho rồi , đừng có nộ cho Langsa làm chi ». Song chẳng ai giết vua, một bắt mà nộ cho quan tây đem về Huế ; vua phải chở sang bên A-lợi-tư (Algérie) mà mở đó cho tới rày. Một năm nhà-nước Langsa phát bổng là một vạ hai vạn quan tiền tây ; vua đã cưới vợ Langsa, cùng ở yên không làm gì nữa.

Còn lãnh Ngọc thì cũng cứ bậc lãnh-binh, song được phái đi tỉnh nọ tỉnh kia ; mà bởi các quan ai-ai cũng khinh-dễ, nên phải hời hương. Ngày 24 tháng chạp tây năm 1893, có quân kéo

vào nhà đánh bị thương-tích nặng, rồi chém đầu đem nộp cho **Phan-dinh-Phụng**, là tướng loạn đóng đồn chính nơi vua **Hàm-Nghi** phải bắt ngay trước, thì tướng ấy truyền bêu đầu nó tại chỗ lều tranh vua đã ở xưa.

Các đảng ngụy trong nước lai-hàng Có quan làm quyền thượng-thợ bộ binh, tên **Đàm**, thấy vua bị bắt, thì truyền cho các dinh-cơ phải lai-hàng với **Langsa**, song cấm giúp vua mới. Truyền lệnh đoạn, qua xế chiều ông ấy **thắt cổ** mà chết, mới được 22 tuổi mà-thôi. Ông **Lê-Trực** cũng vậy, không làm giặc-giã gì nữa, một về **nhà** **huu-tri**; ai-ai Tây Nam bảy đều tâng-trọng mến-thương.

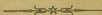
(*) Có quan Tây kia khen ông ấy rằng: « Ông ấy là kẻ nghịch, mà thật đáng khen, tánh-tình rộng-rãi khoát-đạt, ai-ai đều nghịch đầu chẳng cũng đều yêu-chuộng; ông ấy chẳng hề làm điều-gì độc-dữ, có kiểm lương-phận cho quân lính, cũng là vì muốn phò vua vực nước mà-thôi; hết lòng trung-ngãi cùng vua; lại đầu tước-lộc cao-sang, mà cũng đành chịu chữ bần-cùng. »

Hai con quan **Tôn-thất-Thuyết** đã trọn trung với vua mình; mà cha thì khác xa lắm, khi thấy việc bất thành, liền bỏ vua mà chạy qua **Tàu**, giả-bộ đi cầu binh cứu-viện. Có kẻ muốn bắt nộp cho **Langsa** hầu kiếm bạc thưởng, song **Nhà-nước** tính quan ấy không làm gì được nữa nên **không** bắt làm chi.

Ngày 28 tháng giêng tây năm 1889 vua **Đồng-Khánh** băng-hà. Đời vua ấy có sắc rao thành **Hà-nội** và **Hải-phòng** là đất nhượng-dịa nước **Langsa** (ngày 1 tháng 10 tây năm 1888). Ngày 3 tháng

muối một tây năm 1887, ông **Constans** lên làm toàn-quyền đầu hết cõi Đông-Dương này. Sau hết khi vua ấy băng-hà thì cả nước đều yên, nước Langsa đã khi công làm nhiều việc đại-sự ngoài Bắc-kỳ.

Câu hỏi. --- Triều-thần tôn ai thế vị vua **Hàm-Nghi** ? — Vua **Đồng-Khánh** thì sao ? — Cũng có nhiều người chẳng phục ? — **Hàm-Nghi** ở đâu ? — Ai ở với ngài ? — Đêm nào ngài bị bắt ? — Ai bắt ? — **Hàm-Nghi** xin điều gì ? — Nay ở đâu ? Ăn bổng bao-nhiều ? — Cưới vợ nào ? — **Lãnh Ngọc** nội-công bị sao ? — Phải chém năm nào ? — Nộp đầu cho ai ? — Đám làm gì ? — **Lê-Trực** làm làm sao ? — Còn **Tôn-thất-Thuyết** đã đi đâu ? — Khi có kẻ muốn nộp quan ấy, nhà-nước Langsa có chịu không ? — **Đồng-Khánh** băng-hà năm nào ? — Đòi vua ấy nhượng thành nào ? Ai làm toàn-quyền đầu hết và năm nào ? — Khi vua băng-hà nước **Annam** thì sao ?



X — ĐỜI THANH-THÁI. (1889-1907)

62 — **Thành-Thái**, là con vua **Dục-Đức**, lên ngôi được mười tuổi. Đời vua này trị nước thì trong tỉnh **Quảng-ngãi**, **Bình-dịnh**, **Phủ-yên** cũng có loạn nhiều khi. Mà thiệt loạn cả là có một lần lúc tháng chạp tây, năm 1893, ở ngoài bắc cõi **Trung-kỳ**. Tướng loạn này là một người hay chữ dậu nhút trong nước, tên là **Phan-dinh-Phụng**. Năm 1895 ông ấy chết thì mới yên giấc; còn các kẻ a-tùng, kẻ thì bị giết, kẻ thì trốn qua bên **Xiêm**. Nước **Langsa** còn phải đánh dẹp quân cướp bóc ngoài Bắc-kỳ nhiều

năm, lần-lần cũng được yên, và người nhà-quê mới được thông-thả làm-ăn. Từ nầy về sau các vua Annam **chung** quyền với nước Langsa mà cai-trị, nên trong đoạn sau sẽ thấy hai nước rập nhau mà lo cho xứ ta được nhờ là thế nào.

Câu hỏi. --- Thành-Thái con ai ? Mấy tuổi ? --- Có loạn ở đâu ? --- Loạn cả ở đâu và năm nào ? --- Ai làm đầu ? -- Yên năm nào ? -- Bên Bắc-kỳ ai phá nữa ? --- Quyền vua Annam từ nầy về sau thì sao ?



XI ĐỜI DUY-TÂN (1907-1916)

63 — Ngày mồng ba tháng chín tây năm 1907 vua Thành-Thái đau-yếu, thì làm tờ từ chức nhường vị **cho** con thứ năm mới nên tám tuổi, hiệu là Duy-Tân. Năm 1908, có kẻ xui dân kéo nhau tới tỉnh thành mà xin giảm thuế. Loạn ấy kêu là loạn **Đồng-bào**, chẳng phá-phách đánh giết ai, dầu vậy cũng là xôn-xao làm cho nước **lâu** **thạnh**. Trước đã lập nhiều trường học, kể việc Đồng-bào ngăn-trở ít lâu.

Năm 1916 vua Duy-Tân nghe lời **đôi** kẻ **ngịch** thần, mống lòng dấy loạn quyết đuổi người Langsa ra khỏi nước. Những việc **bất** **thành**, vua phải bắt điệu vào **cửa** **Hàn**. Ngày mồng hai tháng bảy tây vua phải xuống tàu đi lưu đày qua cù-lao **La Réunion**. Luôn dịp ấy nhà-nước cũng điệu vua Thành-Thái đang ở Vùng-Tàu (Cap Saint-Jacques) đi **một** **lượt** với nữa Nay cả hai vua ở tại cù-lao ấy bình-an.

Câu hỏi. -- Vua Thành-Thái nhượng-vị cho ai ? --
Duy-Tân mấy tuổi ? -- 1908 có loạn nào ? -- Làm
hại gì ? -- Năm nào Duy-Tân muốn dấy loạn ? -- Có
được không ? -- Bị bắt điếu đi đâu ? -- Còn vua
Thành-Thái thì sao ?

XII — ĐỜI KHẢI-ĐỊNH (1916-1925)

64 — Cũng năm 1916 vua Khải-Định là con
vua Đồng-Khánh lên ngôi. Năm 1918 vua ngự giá
ra chơi xứ Bắc-kỳ, thiên-hạ mừng rước rất là
long-'rọng.

Năm 1922 vua đi du-lịch qua bên Tây, luôn
dịp Ngài đem Hoàng-thái-tử **Vĩnh-Thụy** theo
đặng cho ở học tại nước Pháp. Hoàng-thái-tử
này đã được vua phong làm **Đông-cung** 28 tháng
tư tây cũng trong năm ấy.

Năm 1924 vua mừng lễ Tứ tuần, khắp Nam
Bắc thầy đem lễ dâng mừng-chúc.

Khi Ngài lên ngôi thì bên tây đang đánh giặc
cả bề (1914-1918). Ngài truyền cho dân đầu đó
bầy sẵn lòng giúp binh giúp của cho **Mẫu-quốc** ;
vì vậy có hơn vạn rưởi người Annam qua Tây
hoặc đi lính hoặc làm thợ ; còn bạc thì gửi sang
bơn mấy triệu. Chính vua cựu **Hàm-nghi** hết lòng
muốn giúp nước Pháp nữa.

Năm 1925, ngày mồng 6 tháng 11 tây vua
băng-hà ; nên **Đông-cung Vĩnh-thụy** kế vị cha.
Năm 1926 mồng 8 tháng giêng tây ngài lên ngôi
lấy hiệu **Bảo-Đại**.

Câu hỏi. -- Ai kế vị vua Duy-Tân ? -- Năm 1918
vua Khải-Định đi đâu ? -- Qua bên Tây năm nào ? --

Ai làm Đông-cung ? — Ngày nào ? — Khải-Định mắng
lẽ tứ tuầ năm nào ? — Giặc bên Tây ta có giúp Mầu-
quốc thề nào ? — Thợ lính mấy người sang bên ? —
Giặc ấy vua Hàm-Nghi cũng muốn làm gì ? -- Khải-
Định bằng-hà năm nào ? --- Ai kế-vị ?

Kể tắt từ vua Hàm-Nghi cho tới vua Bảo-Đại.
1884-1885 ĐỜI HÀM-NGHI.

Vua lên ngôi ngày mồng hai tháng tám.
mà việc chưa thành, tới ngày 17 tháng
ấy mới xong.

Nước Tàu chẳng giữ hoà-ước
Thiên-tân, thì nước Langsa phá đồn
Phước-châu 1884, vây cù-lao Đài-loan,
đoạn năm 1885 bắt gò Bành-hồ. Ở Bắc-
kỳ quân Langsa đánh quân Tàu nhiều
trận cùng chịu vây lâu ngày tại Tuyên-
quang. Ngày mồng 9 tháng sáu tây năm
1885 có hoà-ước ở thành Thiên-tân thì
giặc mới yên và binh Tàu rút ra khỏi
Bắc-kỳ.

Năm 1885-1886, nước Langsa đánh
quân loạn Si-Vattha bên Cao-mên, rồi
đẹp Nguyễn-văn-Burong trong Nam-kỳ
tháng hai tây năm 1885.

Đêm mồng năm mồng sáu tháng bảy
năm 1885, binh Annam xông đánh quân
Langsa khi bất kỳ, song cũng phải thua.
Vua Hàm-Nghi với quan Tôn-thất-
Thuyết trốn mất, mà cách ít lâu quan
ấy lại bỏ vua. Còn quan Nguyễn-văn-
Trương bị vây.

Quân Văn-thân truyền giết đạo ; chết
hết mười Cổ và hơn sáu muôn bốn đạo.

1885-1889 **ĐỜI ĐỒNG-KHÁNH.**

Vua Hàm-Nghi bị nộp cho nước Langsa năm 1888, Nhà-nước đây qua A-lợi-tư, còn kể theo vua lai hàng,

Đất Đông-pháp được quan toàn quyền thứ nhứt 1887. — Annam nhượng Hà-nội, Hải-phòng cho nước Langsa năm 1888.

1889-1907 **ĐỜI THÀNH-THÁI.**

Loạn lạc nhiều nơi, nhứt là loạn Phan-đình-Phụng ngoài bắc Trung-kỳ (1893-1895). Năm 1907 vua Thành-Thái đau từ chức.

1907-1916 **ĐỜI DUY-TÂN.**

Loạn Đồng-bào bên Trung-kỳ, năm 1908.

Năm 1916, vua dấy loạn, bị bắt phải đây cù-lao La Réunion.

Vua Thành-Thái ở Vũng-tàu cũng phải điệu đi cù-lao ấy.

1916-1925 **ĐỜI KHẢI-ĐỊNH.**

Khải-Định là con vua Đồng-Khánh lên ngôi. Năm 1918 đi Bắc-kỳ. Năm 1922 đi qua bên Tây. Năm 1924, mừng lễ Tứ-tuần

Năm 1922 vua phong Hoàng-thái-tử Vĩnh-Thụy làm Đông-Cung, rồi đem đi theo qua Tây ở đó mà học.

Lúc giặc cả bên Tây (1914-1918) bên ta thì giúp lính thợ hơn vèo rưởi và tiền bạc nhiều triệu.

Năm 1925, ngày 6 tháng 11 tây vua băng-hà.

1926... Vĩnh-Thụy lên ngôi lấy hiệu **Bảo-Đại**.

ĐOẠN THỨ TÁM.

**Việc nước Langsa làm bên
Đông-Pháp.**

65 — **Nước Lào :** — Từ năm 1893 tới năm 1896 có nhiều hoà-ước ưng cho nước Langsa được quyền bảo-hộ nước Lào, nên nước Langsa lo cho nước ấy được mở-mang.

66 — **Nước Cao-mên :** — Trước này đã thấy : năm 1847, nước Cao-mên đánh giặc với nước Xiêm mà phải mất hai tỉnh ; thì ngày 23 tháng ba tây năm 1907 nước Xiêm làm hoà-ước với nước Langsa mà trả hai tỉnh ấy lại cho nước Cao-mên.

67 — **Đàng thông-thương :** — Nước nào mà chẳng có đàng thông-thương cho nhiều, thì không lẽ nào mở-mang cho thanh-vượng. Cõi Đông-pháp này đã được hơn 13.000 dặm tây (kilomètres) đang lát-đá, và 19.000 dặm đàng tốt dễ đi. Sông Cửu-long (Mé-kong) và sông Nhị-hà (Fleuve Rouge) đã dọn cho tàu chạy được. Lại Nhà-nước mượn bạc bên Tây mà làm được hai ngàn ba trăm chín mươi lăm dặm đàng xe-lửa, chẳng phải là lấy bạc thuế mà làm đâu.

68 — **Việc canh nông :** — Lại Nhà-nước có ý cho nước này được nhiều ruộng đất làm ăn, nên đã sửa lại cùng khai thêm nhiều ruộng, đắp nhiều đập. Vậy trong các nước thế-gian trừ nước Miến-diện (Birmanie) thì không đâu được xuất-cảng nhiều lúa bằng đất Đông-pháp. Nhà-nước cũng lo đem giống khác qua cho người-ta trồng, như ca-pha (café) ngoài Bắc-kỳ ; cây lấy mủ (arbre à caoutchouc) trong Nam-kỳ.

69 — Nghề nghiệp — Trong nước cũng đã lập nhiều nhà dệt vải, dệt lụa. Mỏ được mỏ than mỏ kẽm, mỏ vàng, nay còn đang khai. Cuối năm 1906, có hai trăm nhà-máy được 800 người Tây và năm vạn rưỡi người Annam làm công trong các nhà ấy. Tiền vốn lo trong các việc đó là bốn mươi chín triệu đồng-bạc, tính năm 1906 ; mà từ đó đến nay càng ngày càng thêm. Thí-dụ năm 1928 lấy ra trong các thứ mỏ 2.189.166 tấn, giá là 18.460.000 đồng bạc. Trong các mỏ ấy thì có 437 người Tây và 54.955 người bản-quốc mà làm việc.

70 — Việc buôn-bán : — Việc buôn-bán ngoại quốc xưa bên Annam thì hầu như không : có năm ba chiếc ghe qua tới Phố-mới hay là Ma-ný thì là hết sức. Mà nay là những tàu to-lớn thường qua lại hằng năm chở đồ vô giá chừng ba trăm hai mươi triệu bạc ; đồ chở ra giá cũng chừng lối đó (350 triệu).

71 — Sự học-hành — Lo cho được giàu có mà-thôi, thì chưa đủ, còn phải dạy-dỗ tập-luyện dân bản-quốc cho có sức mà lo việc nước-nhà ; ấy mới gọi là giáo-hoá. Vì vậy lần-lần nhà-nước lo cho học-trò học thêm nhiều đều mới mà thi cử. Lại thêm lập trường dạy tiếng Langsa cho con nhà Annam cũng được nên thông giỏi lịch-lãm ; lập trường tập nghề-nghiệp cho có thợ khéo ; sau hết cũng lập trường dạy đủ thứ như bên Tây, cho người bản-quốc được học-hành khỏi bỏ quê-hương mà đi dẫu xa như bấy-lâu nay.

72 — Việc giúp người tật-bạih : — Nước Langsa cũng tưởng tới người bịnh-hoạn ; lập nhà-thương, nhà chứa kẻ phung-đơn. Lại cũng cất trường dạy thuốc cho ngày sau có những thầy tài. Đương bây-giờ có dư hai trăm thầy thuốc Tây, hai trăm thầy thuốc bôn-quốc ở trong xứ ta.

(*) Có người Annam làm thầy-thuốc bên Tây nay về tên là Lê-quang-Trinh nói về phép trồng trái rằng : « Bên Nam-kỳ mới có phép trồng trái được ba mươi năm nay, mà người-ta đã bớt chết ; xưa chết mười phần, nay đã giảm một ; lại không mấy người lên trái nữa. »

73 — Nước Langsa chịu phí-tồn là thế nào ? — Cho được làm nên bấy nhiêu công việc, thì trước sau cũng phải có bạc. Mà bạc thuế, thì không thấm vào đâu, nên bên nước Langsa lớp thì cho mượn, lớp thì cho không, cho đủ mà tiêu chuẩn bên này. Coi như chuyện xe-lửa mới nói trên, thì tổn-hao là chừng nào ; lại đừng kể lính tập, thì hằng năm nhà nước Langsa tốn mà nuôi lính khác để binh giữ bờ-cõi, cùng an-bài mọi sự trong nước. Năm 1925 tính vốn người Langsa góp mà lo việc canh-nông, tài nghề, buôn-bán, thì tới ước chừng 3.000 triệu quan tiền tây ; nay nhiều hơn nữa.

Người Annam kêu rêu thuế-viết nặng-nề vì chưa quen chịu, chớ như có sánh với các nước khác, như nước Langsa, nước Hồng-mao, nước Nhựt-bôn, vân vân, thì thuế nước ta nhẹ hơn bằng năm bằng sáu. Vả lại vì việc học-hành còn sút, ít người thông-thuộc, nên việc thuế-má không

rành, nhiều khi thuế nhẹ mà phải nộp nặng. Nước Langsa ra sức lo cho người-ta tiêu thuế cho phải lẽ cũng như đã lo giảm-bớt những luật nặng-nề của Annam cho khỏi mang chữ vô-nhơn ; mà thương-bại ! e còn lâu năm chầy ngày người-ta mới hiểu được bấy-nhiều sự ấy.

74 — **Lời kết** : Dầu loạn-lạc, nơi thì tập-lập phe-dãng, nơi lại tung-hoành phá-phách, chẳng bao-giờ thấy yên cho thật, mà nước Langsa còn làm nên bấy-nhiều công-việc mới kể trên ; giả-như từ khi mới khởi công mà hai nước Langsa và Annam có đồng tâm hiệp lực với nhau. thì bây-giờ mọi sự đã nên tấn phát thịnh-vượng biết là chừng nào nữa.

Câu hỏi. --- Năm nào nước Đại-pháp được bảo hộ nước Lào ? -- Nước Xiêm trả hai tỉnh cho nước Cao-mên năm nào ? -- Đường đi lát đá mấy dặm tây ? --- Đường đi chưa lát đá mà cũng tốt mấy dặm ? --- Đàng xe-lửa mấy dặm ? --- Nước Đại-pháp làm đều gì giúp việc canh nông ? --- Nghề-nghiep ? -- Mỏ bên ta nay thì sao ? --- Nhập-cảng thì bao-nhiêu ? -- Xuất-cảng thì bao-nhiêu ? --- Nước Đại-pháp làm gì về sự học-hành ? -- Mà giúp người tật bệnh ? --- Chịu phí-tồn thê nào ? --- Thuế thì sao ? Phải có đều chi cho bên ta thịnh lợi ?

Kể tắt :

1893-1896	Nước Langsa được bảo hộ nước Lào.
1907	Nước Xiêm lập lời hoà ước mà trả lại cho nước Cao-mên mấy tỉnh đã chiếm năm 1847.

Nước Langsa lo cho côi Đông-pháp được tấn-phát : lập đảng, khai sông, làm hai ngàn ba trăm chín mươi dặm tây đảng xe-lửa, đào mương nọ, sửa mương kia ; lập nhà may. Nghề buôn-bán càng ngày càng thịnh, trường-học thêm nhiều, nhà-thương cũng đông. Nước Langsa cũng sẵn lòng hao phí nhiều tiền-bạc mà lo cho nước Annam được thịnh-lợi.

Sở các vua nước Annam.

Từ năm 1802 đến năm 1930

1802-1820	Gia-Long
1820-1841	Minh-Mạng
1841-1847	Thiệu-Trị
1847-1883	Tự-Đức
1883	Dục-Đức
1883	Hiệp-Hoà
1883-1884	Kiến-Phước
1884-1885	Hàm-Nghi
1885-1889	Đồng-Khánh
1889-1907	Thành-Thái
1907-1916	Duy-Tân
1916-1925	Khải-Định.
1926	Bảo-Đại.

Sở các vua Cao-mên.

1797-1836	Neăc-ăng-Chan
1836-1847	Ngọc-vân (ăng-Uey) là hoàng hậu
1847-1859	Neăc-ăng-Đuông
1859-1904	Norodom
1904-1927	Sisowath
1927-...	Sisowath Monivong

Sở các quan Toàn-quyền Đông-pháp

1887-1888	Constans
1888-1889	Richaud
1889-1891	Piquet
1898-1894	De Lanessan
1894-1896	Rousseau
1897-1902	Doumer
1902-1908	Beau
1908-1911	Klobukowski
1911-1914	Sarraut
1915-1916	Roume
1916-1919	Sarraut
1919-1923	Long
1923-1925	Merlin
1925-1926	Varenne
1928- ..	Pasquier

Chung.

THE NEW YORK PUBLIC LIBRARY

ASTOR LENOX TILDEN FOUNDATION

500 N. 5TH ST. NEW YORK, N. Y.

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

1897

Mục lục.

<i>Tựa</i>	2
ĐOẠN THỨ 1 Ban đầu (? — 602)	
Những nhà không chắc có . . .	3
Nhà Thục — Triệu — Lý tiền	4
“ “ 2 Những nhà khởi phục quyền nước Tàu — Nhà Ngô — Đinh — Lê tiền — (923-1010) . .	19
“ “ 3 Nhà Lý (1010-1225)	24
“ “ 4 — Trần (1225-1414)	33
“ “ 5 — Lê (1418-1793)	49
“ “ 6 — Nguyễn (1793-1930) . . .	66
“ “ 7 — Nguyễn (<i>liếp</i>)	81
“ “ 8 Việc nước Langsa làm bên Đông-pháp	112
Sở các vua nước Annam .	116
Sở các vua nước Cao-mên .	117
Sở các quan toàn-quyền Đông-pháp	117

IMPRIMERIE DE QUINHON

1-9-30





Đoàn 12

KIỆM THIẾT QUỐC GIA

BỘ TRƯỞNG
TÀI - CHÍNH

Lehong

TỔNG GIÁM-ĐỐC
NGÂN-KHỐ

Lehong

SỐ 081021

Loại 8-BBB _Tháng 8-1963

SỐ 081021



XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

Do Nghị-định số 651-Cab/PR ngày 21-12-1951 và các Nghị-định kế-tiếp.

CÁC LÔ TRÚNG :

1 Lô	1.000.000	\$
5 Lô	100.000	\$
60 Lô	10.000	\$
1.000 Lô	1.000	\$
10.000 Lô	100	\$
	5 Lô	50.000
	200 Lô	5.000
	1.000 Lô	500
	an-uit 55 Lô	2.000

Quá hạn sáu
tháng kể từ ngày
mở số, những số
trúng không tới
lãnh sẽ sung vào
Quỹ Doanh-Lý
Kiến-Thiết.

Ngày mở số : (8-BBB) 13-8-1963

